

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN ngày tháng năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

Số: 1886/QĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ các Quyết định số: 710/QĐ-TĐHHN ngày 05/3/2019; 716/QĐ-TĐHHN ngày 05/3/2019; 1329/QĐ-TĐHHN ngày 18/4/2019; 1330/QĐ-TĐHHN ngày 18/4/2019; 4848/QĐ-TĐHHN ngày 26/12/2019; 1280/QĐ-TĐHHN ngày 10/4/2020; 1283/QĐ-TĐHHN ngày 10/4/2020; 1295/QĐ-TĐHHN ngày 13/4/2020; 1352/QĐ-TĐHHN ngày 20/4/2020; 1320/QĐ-TĐHHN ngày 15/4/2020; 1321/QĐ-TĐHHN ngày 15/4/2020; 1322/QĐ-TĐHHN ngày 15/4/2020; 1323/QĐ-TĐHHN ngày 15/4/2020; của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết các ngành: Bất động sản, Marketing, Ngôn ngữ Anh, Sinh học ứng dụng, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Quản trị khách sạn, Logistics và quản lý cuối cung ứng;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy các ngành: Bất động sản, Marketing, Ngôn ngữ Anh, Sinh học ứng dụng, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Quản trị khách sạn,

Logistics và quản lý cuối cung ứng. Chương trình dạy học được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các đơn vị trực thuộc Trường, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, ĐT (3b). *actel*

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản trị khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị khách sạn**
- Mã số: **7810201**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Hospitality Management**

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị khách sạn cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành quản trị khách sạn, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế, đồng thời có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể: Đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

MT1: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.

MT2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, tài nguyên môi trường; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về Quản trị khách sạn; Có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn.

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn;

MT4: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp khi phục vụ khách du lịch.

MT5: Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các

môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội;

MT6: Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.
- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo; theo quy định của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3625/QĐ-TĐHHN ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

KT1: Ứng dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, tài nguyên và môi trường để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

KT2: Giải thích được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

KT3: Ứng dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Quản trị khách sạn để giải quyết các vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn.

KT4: Ứng dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến các chức năng quản trị khách sạn, kiến thức về quản trị tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

2.2. Kỹ năng

KN1: Tác nghiệp tại các bộ phận lễ tân, buồng, ăn uống, marketing, kế toán,... trong doanh nghiệp khách sạn, nhà hàng.

KN2: Cập nhật thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết vấn đề trong lĩnh vực quản trị khách sạn.

KN3: Nhận biết và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành, quản trị tại các bộ phận tác nghiệp thuộc lĩnh vực khách sạn, nhà hàng.

KN4: Phân tích các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khách sạn, nhà hàng: môi trường kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực...

KN5: Lập kế hoạch và phát triển ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và khách sạn.

KN6: Thiết lập quy trình và quản trị, giám sát, điều hành các bộ phận chuyên môn trong doanh nghiệp khách sạn như lễ tân, buồng, ăn uống, marketing, kế toán,...

KN7: Ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn.

KN8: Làm việc nhóm (*hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và làm việc với các nhóm khác*).

KN9: Quản lý và lãnh đạo (*hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác, đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ pháp luật*).

KN10: Giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo (*lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp trực tiếp, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình*).

KN11: Năng lực về ngoại ngữ và tin học:

Ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	45 – 59 FCE 65 – 79 PET 90 – 100 KET	3

Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Sử dụng được một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp.

NL2: Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức.

NL3: Trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

NL4: Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có thể làm việc phù hợp và tốt ở các bộ phận, công việc sau:

- Các bộ phận quản lý về du lịch và khách sạn ở các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc tổng cục du lịch, vụ khách sạn, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương.

- Các bộ phận quản lý, điều hành các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các cơ sở lưu trú, các khách sạn hay các khu nghỉ dưỡng cao cấp quốc tế; các cơ sở kinh doanh nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác.

- Các bộ phận điều hành, tiếp thị, nhân sự,... tại các cơ quan nghiên cứu, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

- Công tác tại các khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí với các vị trí quản lý, hành chính, nhân lực, tài chính, marketing...

- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu liên quan tới các lĩnh vực nhà hàng và khách sạn.

PHẦN 3
MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6
Kiến thức	KT1	X	X		X		
	KT2		X				
	KT3	X	X				
	KT4		X				
Kỹ năng	KN1			X			X
	KN2			X			X
	KN3			X			X
	KN4			X			X
	KN5			X		X	
	KN6			X			X
	KN7			X			
	KN8			X		X	
	KN9			X		X	
	KN10			X			X
	KN11			X	X		
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL1	X					
	NL2					X	X
	NL3					X	
	NL4						X

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133
Trong đó:	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	28
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
Kiến thức cơ sở ngành	20
Kiến thức ngành	73
Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	12

4.2. Chương trình đào tạo

- Ký hiệu: - LT : Lý thuyết
 - TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
1	LCML210 1	Triết học Mác - Lênin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.	3	30	15	90	
2	LCML210 2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.					
3	LCML210 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	20	10	60	
4	LCLS2105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 -	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.					
5	LCTT2104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	2	21	9	60	
6	KTQU2151	Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
7	LTPL2101	Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
8	NNTA210 1	Tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.	3	8	37	90	
9	NNTA210 2	Tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.	3	5	40	90	
10	NNTA210 3	Tiếng Anh 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học	2	5	25	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...;					
11	KDTO2108	Toán cao cấp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị khách sạn ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;	3	25	20	90	
12	CTKH2151	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			Internet.					
	Giáo dục thể chất							
	Giáo dục quốc phòng – An ninh							
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
II.1	Kiến thức cơ sở ngành							
13	KTKH230 1	Kinh tế vi mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.	3	33	12	90	
14	KTKH230 2	Kinh tế vĩ mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Vận dụng	3	31,5	13,5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.					
15	KTTM230 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa	2	22	08	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.					
16	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên Hiểu được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.	2	19	11	60	
17	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.	3	30	15	90	
18	KTQU2304	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản	3	36	9	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức					
19	KTPT2306	Marketing căn bản	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến	2	24	6	60	
20	KTTC2304	Tài chính - Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ	2	24	6	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, ngân sách nhà nước. Khái quát được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng và quan hệ thanh toán, tín dụng quốc tế.					
II.2 Kiến thức ngành								
21	KTDL2530	Tổng quan khách sạn	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về tổng quan khách sạn, bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về khách sạn; nhận diện được các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; phân biệt được các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; cơ sở vật chất của khách sạn; phân tích được hoạt động của các bộ phận trong khách sạn và đánh giá được sự phát triển khách sạn.	3	34	11	90	
22	KTDL2520	Quản trị kinh doanh khách sạn	Sau khi kết thúc học phần trình bày được các vấn đề cơ bản như: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn; vận dụng được các	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			ngành vụ quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng và trong thực tế việc làm.					
23	KTDL2531	Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về các quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng bao gồm: khái quát về quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng; nhận diện và vận dụng được các kiến thức quản trị dịch vụ lễ tân trong khách sạn, nhà hàng, quản trị dịch vụ buồng, quản trị dịch vụ nhà hàng và quầy bar, quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng vào thực tế nghề nghiệp sau này.	3	32	13		
24	KTDL2532	Quản trị lễ tân khách sạn	Sau khi nghiên cứu học phần quản trị lễ tân khách sạn, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân khách sạn bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân trong khách sạn; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng,	3	34	11		

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học áp dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân tại khách sạn.					
25	KTDL2533	Quản trị buồng khách sạn	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tại bộ phận buồng trong khách sạn, bao gồm: quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng; quản trị và vận hành khu vực buồng và khu vực công cộng, khu vực quản lý đồng phục và đồ vải, khu vực giặt là và khu vực hoa; quản lý chất lượng dịch vụ buồng; đánh giá hiệu quả hoạt động bộ phận buồng. Nhằm giúp cho người học có thể phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tác nghiệp tại bộ phận buồng của một khách sạn.	3	32	13	90	
26	KTDL2535	Quản trị nhà hàng và	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được các khái niệm và	3	28	17	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		quầy bar	nội dung về quản trị nhà hàng và quầy bar. Nhận diện được các hoạt động trong công tác quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng và quầy bar. Xây dựng được kế hoạch thực đơn và quản trị phục vụ ăn uống trong các cơ sở lưu trú.					
27	KTDL2536	Quản trị lưu trú	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên khái quát hóa được hệ thống cơ sở lưu trú trong du lịch, đặc điểm các dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, nét đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các loại hình cơ sở lưu trú du lịch. Khái quát hóa hệ thống, xu hướng phát triển cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.	3	33	12	90	
28	KTDL2505	Quản trị sự kiện	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.					
29	KTQU250 7	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn, cụ thể như sau: Phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả. Giúp sinh viên hiểu có một tầm nhìn rộng về quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn.	3	36	9	90	
30	KTQU251 9	Quản trị chiến lược trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị chiến lược trong khách sạn, cụ thể như sau: Các khái niệm về chiến lược, các mô hình chiến lược, xây dựng được chiến lược như phân tích các yếu tố môi trường, các quy trình đánh giá lựa chọn chiến lược, các loại hình chiến lược giúp sinh viên hiểu và có một tầm nhìn rộng về quản trị	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			chiến lược trong khách sạn.					
31	KTKN2610	Quản trị tài chính trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính trong khách sạn bao gồm: quản trị về vốn cố định, quản trị về vốn lưu động, các chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh khách sạn.	3	30	15	90	
32	KTDL2537	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, nhận diện được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	29	16	90	
33	KTQU2590	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong	3	27.5	17.5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.					
34	KTQU261 2	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về thông tin và hệ thống thông tin quản lý trong khách sạn; cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý khách sạn, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.	3	36	9	90	
35	KTDL2538	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được các khái niệm về an toàn, an ninh; nhận diện được công tác quản lý an toàn, an ninh trong khách sạn; đồng thời biết áp dụng quy trình quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, vận dụng các kỹ năng quản lý đồ lost and found.	2	23	7	60	
36	KTDL2553	Tiếng Anh chuyên ngành khách	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về tiếng anh trong nhà	2	13	17	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		sạn	hàng, tiếng anh trong khách sạn, tiếng anh trong kinh doanh khách sạn. Sinh viên có các kỹ năng nghe, viết, đọc, nói và có khả năng dịch thuật các tài liệu chuyên ngành khách sạn.					
37	KTDL2540	Marketing khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh khách sạn cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	2	22	8	60	
38	KTDL2541	Tâm lý khách hàng Du lịch	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến	2	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.					
39	KTDL2511	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.	3	29	16	90	
40	KTDL2543	Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được khái niệm đạo đức kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh; các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Phân tích được hành vi đạo đức trong kinh doanh khách sạn. Nhận diện các vấn đề đạo đức kinh doanh nói chung và lĩnh vực kinh doanh khách sạn nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tế công việc sau này.	2	22	8	60	
41	KTKE2524	Kế toán tài	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		chính	những kiến thức cơ bản về kế toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành trong hoạt động kinh doanh nhà hàng – khách sạn, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn.					
42	KTDL2544	Kỹ năng phát triển nghề khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học biết áp dụng các kỹ năng đã được học vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành khách sạn.	2	19	11	60	
43	KTDL2545	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các khái niệm về khu nghỉ dưỡng, quản trị khu nghỉ dưỡng, nhận diện được các nội dung cơ bản của quản trị khu nghỉ dưỡng. Phân biệt được các loại cơ cấu tổ chức quản lý của	3	27	18	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			khu nghỉ dưỡng. Xác định được nhu cầu và lập kế hoạch kinh doanh, quản trị hoạt động chào bán sản phẩm, tổ chức cung ứng và phục vụ khách hàng trong quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng. Xây dựng được quá trình quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng, quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.					
44	KTDL2746	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận lễ tân trong khách sạn. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị lễ tân tại khách sạn.	3			90	
45	KTDL2747	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận buồng trong khách sạn.	4			120	
46	KTDL2748	Thực tập nghiệp vụ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và	4			120	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		khách sạn phần 3	đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận nhà hàng, quầy bar trong khách sạn.					
II.3 Thực tập và Đồ án tốt nghiệp								
47	KTDL2749	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên khái quát hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị khách sạn. Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị khách sạn thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ khách sạn. Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các nội dung khác trong các khách sạn; Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn;	6		90	180	
48	KTDL2850	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị khách sạn; Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các tổ chức kinh doanh nhà hàng,	6		90	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			khách sạn.					
III	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn							
III.1	Khối kiến thức tự chọn							
1	KTTM230 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.	2	22	08	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
2	KTPT2302	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.	2	24.5	5.5	60	
3	KTDL2626	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được những phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Hiểu được những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các vùng miền trên đất nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch văn hóa.	2	22	8	60	
4	KTDL2628	Lịch sử văn minh thế giới	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới. Nhận diện và	2	25	5	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			phân biệt được các nền văn minh với nhau.					
5	KTDL2629	Lịch sử Việt Nam đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Hiểu và nhận thức được đặc điểm của từng thời kỳ trong lịch sử Việt Nam.	2	24	6	60	
6	LCLS2106	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;	2	21	9	60	
7	KTKE2524	Kế toán tài chính	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về kế toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành trong hoạt động kinh doanh nhà hàng – khách sạn, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn.	2	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
8	KTDL2503	Quản lý nhà nước về du lịch	Sau khi nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch.	2	24	6	60	
9	KTDL2639	Quản trị trang thiết bị khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò quản trị trang thiết bị khách sạn, các loại trang thiết bị khách sạn và nội dung của quản trị trang thiết bị khách sạn. Thiết kế mặt bằng tổng thể, chi tiết, kiến trúc cảnh quan, bố trí các khu vực lưu trú, ăn uống, giải trí trong khách sạn; lập kế hoạch mua sắm, quá trình mua sắm, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thay thế trang thiết bị khách sạn.	2	22	8	60	
10	KTDL2634	Quản trị thực phẩm và đồ uống	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được khái niệm quản trị thực phẩm và đồ uống, phân biệt được chức năng và nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống.	3	24	21	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			Nhận diện được những hoạt động tác nghiệp tại bộ phận thực phẩm và đồ uống trong khách sạn, nhà hàng như: quản lý nhân lực, quản lý cơ sở vật chất, kế hoạch thực đơn, quản lý mua và dự trữ, chế biến món ăn và pha chế đồ uống, phục vụ ăn uống. Từ đó áp dụng vào công tác quản trị thực phẩm và đồ uống trong công việc thực tế sau này.					
11	KTQU2590	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.	3	27.5	17.5	90	
12	KTDL2506	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	Sau khi kết thúc học phần, người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối	3	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. Từ đó, biết áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp của mình.					
13	KTDL2511	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.	3	29	16	90	
14	KTQU2612	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về thông tin và hệ thống thông tin quản lý trong khách sạn; cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý khách sạn, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.	3	36	9	90	
15	KTKN2610	Quản trị tài chính trong	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về	3	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
		khách sạn	quản trị tài chính trong khách sạn bao gồm: quản trị về vốn cố định, quản trị về vốn lưu động, các chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh khách sạn.					
16	KTQU259 1	Quản trị chiến lược	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp; Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.	3	36	9	90	
17	KTQU264 9	Quan hệ công chúng	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quan hệ công chúng, các thành phần tham gia vào quan hệ công chúng. Phân tích quy trình quản trị quan hệ công chúng , các nhóm công chúng điển hình. Tổng hợp và đánh giá quá trình quản trị khủng hoảng , các công	3	38	7	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			việc chủ yếu trong hoạt động tổ chức sự kiện cũng như hoạt động tài trợ.					
18	KTQU260 6	Quản trị quan hệ khách hàng	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: các khái niệm, đặc điểm và những tư tưởng về khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng; cơ sở dữ liệu khách hàng; hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng; hiểu được mô hình IDIC, nhận diện được khách hàng theo các tiêu thức khác nhau, khai thác và phân tích được cơ sở dữ liệu khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua qui trình tự động hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; thiết lập hệ thống CRM trong doanh nghiệp và các giải pháp nhằm triển khai hệ thống CRM.	3	33	12	90	
20	KTQU255 0	Quản trị thương hiệu	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị thương hiệu, các chiến lược định vị thương hiệu trên thị trường. Nhận diện hệ	3	38	7	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			thống nhận diện thương hiệu của doanh nghiệp đồng thời lựa chọn các công cụ truyền thông thương hiệu. Từ đó đánh giá và phân tích để quản lý một cách có hiệu quả thương hiệu của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt.					
III.2 Học phần thay thế khóa luận								
1	KTDL2851	Quản trị dự án khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị dự án khách sạn, đánh giá được hoạt động quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị doanh thu, chi phí trong dự án khách sạn và việc lựa chọn các dự án. Từ đó, người học có thể áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	28	17	90	
2	KTDL2852	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn, hiểu sâu hơn về hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình dịch vụ điển hình	3	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số (TC)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH	Tự học	
			như: thể dục dưới nước, các loại hình tắm điều trị, dịch vụ quầy bar và hoạt động phân tích kết quả kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn. Từ đó, người học có thể áp dụng vào công việc trong tương lai.					

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN			CHUẨN ĐẦU RA																		
			Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
																		NL1	NL2	NL3	NL4
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4			
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																				
1	Triết học Mác - Lênin	x										x		x			x				
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x									x		x			x				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x										x		x			x				
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x										x		x			x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x										x		x			x				
6	Kỹ năng mềm	x										x	x	x			x				
7	Pháp luật đại cương	x										x		x			x	x			
8	Tiếng Anh 1	x													x		x				

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4
9	Tiếng Anh 2	x														x		x		
10	Tiếng Anh 3	x														x		x		
11	Toán cao cấp	x																x		
12	Tin học đại cương	x					x					x				x		x		
	<i>Giáo dục thể chất</i>																			
	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>																			
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																			
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>																			
13	Kinh tế vi mô	x	x										x							x
14	Kinh tế vĩ mô	x	x										x							x
15	Kinh tế tài nguyên và môi trường	x	x										x							x
16	Nguyên lý thông kê kinh tế	x	x						x				x							x
17	Nguyên lý kê toán	x	x						x		x		x							x
18	Quản trị học		x	x				x	x				x	x				x		x
19	Marketing căn bản		x	x					x				x					x		x
20	Tài chính - Tiền tệ		x	x					x				x					x		x
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>																			
21	Tổng quan khách sạn			x									x					x		
22	Quản trị kinh doanh khách sạn			x	x		x	x	x				x	x	x			x		x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4
23	Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng			x	x		x	x	x	x			x		x			x		
24	Quản trị lễ tân khách sạn			x	x	x	x	x			x		x	x	x			x		
25	Quản trị buồng khách sạn			x	x	x	x	x			x		x	x	x			x		
26	Quản trị nhà hàng và quầy bar			x	x		x	x	x	x			x		x			x		
27	Quản trị lưu trú			x	x		x	x	x	x			x		x			x		
28	Quản trị sự kiện			x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x		
29	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn			x	x	x	x	x	x		x		x	x	x			x		
30	Quản trị chiến lược trong khách sạn			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x			x		
31	Quản trị tài chính trong khách sạn			x	x	x	x	x	x		x		x	x	x			x		x
32	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn			x	x	x	x	x	x		x		x	x	x			x		
33	Thương mại điện tử			x								x	x		x	x		x		
34	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x		
35	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	x	
36	Tiếng anh chuyên ngành khách			x	x								x		x	x		x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4
	sạn																			
37	Marketing khách sạn			x	x	x	x		x	x	x		x	x	x			x		x
38	Tâm lý khách hàng du lịch			x			x						x		x			x		
39	Văn hóa ẩm thực			x			x						x		x			x		
40	Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn			x			x		x				x		x		x	x	x	
41	Kế toán tài chính	x	x			x	x						x		x			x		x
42	Kỹ năng phát triển nghề khách sạn			x		x	x						x		x			x		
43	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng			x	x		x	x	x	x			x	x	x			x		
44	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1			x	x	x	x	x	x	x					x			x		
45	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2			x	x	x	x	x	x	x					x			x		
46	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 3			x	x	x	x	x	x	x					x			x		
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp																			
47	Thực tập tốt nghiệp			x	x	x	x	x	x	x					x			x		
48	Khóa luận tốt nghiệp			x	x	x	x	x	x	x					x			x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4
III.	Khối kiến thức tự chọn, thay thế khóa luận																			
III.1	Khối kiến thức tự chọn (16/48)																			
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	x	x										x		x			x		x
2	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh		x	x									x		x			x		x
3	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	x	x										x		x			x		
4	Lịch sử văn minh thế giới	x	x										x		x			x		
5	Lịch sử Việt Nam đại cương	x	x										x		x			x		
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x										x		x			x		
7	Kế toán tài chính	x	x										x		x			x		
8	Quản lý nhà nước về du lịch		x	x					x				x		x			x	x	
9	Quản trị trang thiết bị khách sạn			x	x			x	x	x		x	x		x		x	x	x	
10	Quản trị thực phẩm và đồ uống			x	x	x		x	x	x	x		x		x			x		
11	Thương mại điện tử		x	x								x	x		x	x		x		
12	Quản trị xuất nhập cảnh và		x	x					x	x			x		x			x		

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức				Kỹ năng											Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	KN10	KN11	NL1	NL2	NL3	NL4		
	lưu trú																			
13	Văn hóa ẩm thực		x	x									x		x		x			
14	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn														x		x			
				x	x			x	x			x	x			x				
15	Quản trị tài chính trong khách sạn			x	x	x	x	x	x	x	x		x		x		x			
				x	x			x	x	x	x		x				x			
16	Quản trị chiến lược		x	x			x						x		x		x			
			x	x			x						x				x			
17	Quan hệ công chúng		x	x			x						x		x		x			
			x	x			x						x				x			
18	Quản trị quan hệ khách hàng		x	x			x						x		x		x			
			x	x			x					x	x							
19	Quản trị thương hiệu		x	x			x						x		x		x			
			x	x			x						x							
III.2	Học phần thay thế khóa luận (6TC)																			
1	Quản trị dự án khách sạn			x	x	x	x	x	x	x	x		x		x		x			
				x	x	x	x	x	x	x	x		x				x			
2	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn			x	x	x	x	x	x	x	x		x		x		x			

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		28								
1	Triết học Mác - Lênin	LCML2101	3	3							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LCML2102	2		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa	LCML2103	2			2					

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
	học										
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	2					2			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2				2				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2			2					
7	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2							
8	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3							
9	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2					
11	Toán cao cấp	KDTO2108	3	3							
12	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2							
	Giáo dục thể chất		5								
	Giáo dục quốc phòng-An ninh		165 tiết								
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		105								
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		20								
13	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3	3							
14	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	3		3						
15	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301	2			2					
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301	2			2					
17	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	3			3					
18	Quản trị học	KTQU2304	3		3						
19	Marketing căn bản	KTPT2306	2		2						
20	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2304	2		2						
II.2	Kiến thức ngành		73								
21	Tổng quan khách sạn	KTDL2530	3		3						
22	Quản trị kinh doanh khách sạn	KTDL2520	3				3				
23	Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng	KTDL2531	3					3			
24	Quản trị lễ tân khách sạn	KTDL2532	3				3				
25	Quản trị buồng khách sạn	KTDL2533	3					3			
26	Quản trị nhà hàng và quầy bar	KTDL2535	3						3		
27	Quản trị lưu trú	KTDL2536	3				3				
28	Quản trị sự kiện	KTDL2505	3							3	
29	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	KTQU2507	3						3		
30	Quản trị chiến lược trong	KTQU2519	3							3	

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
	khách sạn										
31	Quản trị tài chính trong khách sạn	KTKN2610	3							3	
32	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	KTDL2537	3							3	
33	Thương mại điện tử	KTQU2590	3						3		
34	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn	KTQU2612	3				3				
35	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	KTDL2538	2			2					
36	Tiếng anh chuyên ngành khách sạn	KTDL2553	2					2			
37	Marketing khách sạn	KTDL2540	2			2					
38	Tâm lý khách hàng du lịch	KTDL2541	2					2			
39	Văn hóa ẩm thực	KTDL2511	3						3		
40	Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn	KTDL2543	2							2	
41	Kế toán tài chính	KTKE2524	2					2			
42	Kỹ năng phát triển nghề khách sạn	KTDL2544	2						2		
43	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	KTDL2545	3							3	
44	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1	KTDL2746	3				3				
45	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2	KTDL2747	4					4			
46	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 3	KTDL2748	4						4		
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp		12								
47	Thực tập tốt nghiệp	KTDL2749	6								6
48	Khóa luận tốt nghiệp	KTDL2850	6								6
	Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học		133	16	18	17	17	18	18	17	12
III.	Khối kiến thức tự chọn, thay thế khóa luận		16								
III.1	Khối kiến thức tự chọn (16/48)		16								
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301	2	02/12							
2	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2302	2								
3	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	KTDL2626	2								

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
4	Lịch sử văn minh thế giới	KTDL2628	2								
5	Lịch sử Việt Nam đại cương	KTDL2629	2								
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCLS2106	2								
7	Kế toán tài chính	KTKE2524	2	2/6							
8	Quản lý nhà nước về du lịch	KTDL2503	2								
9	Quản trị trang thiết bị khách sạn	KTDL2639	2								
10	Quản trị thực phẩm và đồ uống	KTDL2634	3	12/30							
11	Thương mại điện tử	KTQU2590	3								
12	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	KTDL2506	3								
13	Văn hóa ẩm thực	KTDL2511	3								
14	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn	KTQU2612	3								
15	Quản trị tài chính trong khách sạn	KTKN2610	3								
16	Quản trị chiến lược	KTQU2591	3								
17	Quan hệ công chúng	KTQU2649	3								
18	Quản trị quan hệ khách hàng	KTQU2606	3								
19	Quản trị thương hiệu	KTQU2550	3								
III. 2	Học phần thay thế khóa luận (6TC)		6								
1	Quản trị dự án khách sạn	KTDL2851	3								3
2	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn	KTDL2852	3								3
Tổng tín chỉ			133								

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Đề cương các học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo, (tháng 8/2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị) - Tài liệu dùng tập huấn giảng dạy năm 2019.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thựchành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. <i>Khái lược về triết học</i> a. <i>Nguồn gốc triết học</i> b. <i>Khái niệm triết học</i> c. <i>Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i> d. <i>Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i>	1			1	2	
2. <i>Vấn đề cơ bản của triết học</i> a. <i>Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</i> b. <i>Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</i> c. <i>Thuyết có thể biết (Thuyết Khả</i>	2		2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)						
3. Biện chứng và siêu hình <i>a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</i> <i>b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>	1			1	2	
II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội	3		1	4	8	
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin <i>a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác</i> <i>b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác</i> <i>c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện</i> <i>d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác</i>	1		1	2	4	
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin <i>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</i> <i>b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin</i> <i>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</i>	1			1	2	
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ng nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay <i>a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn</i> <i>b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</i> <i>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</i>						
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất <i>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i> <i>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất d. Các hình thức tồn tại của vật chất e. Tính thống nhất vật chất của thế giới						
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức a. Nguồn gốc của ý thức b. Bản chất của ý thức c. Kết cấu của ý thức	1			1	2	
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	1		1	2	4	
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan b. Khái niệm phép biện chứng duy vật	1			1	2	
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật c. Các quy luật cơ bản của phép	5		3	8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
biện chứng duy vật						
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	Đọc TLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	0.5			0.5	1	
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất a. Phương thức sản xuất b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	1		1	2	4	
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên <i>a. a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1.Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp <i>a. Giai cấp</i> <i>b. Đấu tranh giai cấp</i> <i>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</i>	1			1	2	
2. Dân tộc <i>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i> <i>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại <i>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</i> <i>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</i>	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước <i>a. Nguồn gốc của nhà nước</i> <i>b. Bản chất của nhà nước</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước d. Chức năng cơ bản của nhà nước e. Các kiểu và hình thức nhà nước						
2. Cách mạng xã hội a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội b. Bản chất của cách mạng xã hội c. Phương pháp cách mạng d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay	1			1	2	
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội a. Khái niệm ý thức xã hội b. Kết cấu của ý thức xã hội c. Tính giai cấp của ý thức xã hội d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội e. Các hình thái ý thức xã hội	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người a. Con người là thực thể sinh học - xã hội b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người c. Con người vừa là chủ thể của	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</i> <i>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</i>						
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người <i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</i> <i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i> <i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i>	0.5		1	1.5	3.0	
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. <i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i> <i>b.Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i>	0.5			0.5	1.0	
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**
 - * Tiếng Anh: **Political Economy Marxist Leninism**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay

- *Về kỹ năng:* Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội của người lao động trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dùng cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011
3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊ NIN	2				2	Đọc TLC từ trang 7- 20, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin Hàng hoá 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lên nin Tiền tệ 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng tư tưởng 1.3.3. Chức năng thực tiễn 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	0,5			0,5	1	
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	Đọc TLC từ trang 21- 52, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 3
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 3.1.3. Tiền 3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt	2		1	3	6	
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	2		1.0	3	6	
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 53- 79 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 2, số 3
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	2,0		1.0	3.0	6	
3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản	1,5		0,5	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 80 - 106, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 2
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB	2		1	3	6	
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 107- 140, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 2, số 4
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	1		0.5	1.5	3	
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ở Việt Nam						
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4	1,5		1	2,5	5	
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	1.5		1	2.5	5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- * Tiếng Anh: **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết /học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tài liệu phục vụ tập huấn giảng dạy tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	Đọc TLC trang 7-26
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen</i>	1			1	2	
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Anghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</i> <i>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	
1.Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân <i>1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</i> <i>1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>	1			1	2	Đọc TLC trang 27- 47 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay <i>2.1 Giai cấp công nhân hiện nay</i> <i>2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i> <i>2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam <i>3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</i> <i>3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng</i> <i>3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</i>	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	
1. Chủ nghĩa xã hội <i>1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</i> <i>1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội</i> <i>1.3 Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC trang 48- 67 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay						
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	Đọc TLC trang 68-88 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1		1	2	4	
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	Đọc TLC trang 89 -104 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>1.1.Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i> <i>1.2.Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1		1	2	4	của giảng viên
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	0.5		1	1.5	3	
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	Đọc TLC trang 105-127 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam						
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	Đọc TLC trang 128- 144; Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình	1			1	2	
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở kinh tế xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3. Cơ sở văn hóa						
2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ						
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2		1	3	6	
3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Na, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TDHNN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt

Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- *Đề cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Sử dụng trong các trường đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn hè 2019, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, bản đồ tư duy.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	- Đọc TLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2		1	3	6	
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2		1	3	6	
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	7		2	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	3		1	4	8	bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975	4		1	5	10	
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	- Đọc TLC, Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986	3		1	4	8	
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	6		3	9	18	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: LCTT2104
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên bậc đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, tài liệu phục vụ tập huấn tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS. Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
2. GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

-Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể	1			1	2	Đọc TLC trang 5-18 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác						
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn <i>a.Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> <i>b.Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> 2.Cơ sở lý luận <i>a.Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i> <i>b.Tinh hoa văn hóa nhân loại</i> <i>c.Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh <i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i> <i>b.Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i>	1	1		2	4	Đọc TLC trang 19-41 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ trước ngày 5/6/1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
hướng tìm con đường cứu nước mới. 2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. 3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam. 4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo. 5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9/1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i> 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.						
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i> <i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i> <i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i> <i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i> 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. <i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i> <i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</i> <i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</i> <i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành</i>	2		1	3	6	Đọc TLC trang 57-95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng. II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan. c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ. b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo	0.5			0.5	1	
	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
đảm nền độc lập dân tộc vững chắc. 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạng và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. <i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i> <i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i> <i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ	2		1	3	6	Đọc TLC trang 72-98 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 1. Nhà nước dân chủ <i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i> <i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i> 2. Nhà nước pháp quyền <i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i> <i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i> 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <i>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</i> <i>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</i>	2		1	3	6	
III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	Ôn tập các kiến thức của môn học từ Chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
I TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công</i>	1		1	2	4	Đọc TLC trang 99 - 118

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>của cách mạng.</i> <i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i> 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> <i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất <i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế <i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i> <i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i> 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức <i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i> <i>b. Hình thức tổ chức</i> 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
tiêu và lợi ích; có lý, có tình b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ. III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng. 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế						
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng b. Văn hóa là một mặt trận c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây	1		1	2	4	Đọc TLC trang 119 - 151 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
dựng nền văn hóa mới II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng <i>a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng</i> <i>b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội</i> 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng <i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i> <i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i> <i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i> <i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i> 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng <i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i> <i>b. Xây đi đôi với chống</i> <i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i> III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
người 2. Về xây dựng đạo đức cách mạng						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.

5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.

6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, làm việc nhóm, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhỏ'm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp						
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>vấn</i> 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn						
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TDHNN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**

Mã học phần: LTPL2101

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

Các học phần tiên quyết/học trước: Không

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

Bài tập: 05 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết

Kiểm tra: 01 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;

+ Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015, *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;

Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;

Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;

Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;

Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc 1.1.2. Bản chất 1.1.3. Hình thức 1.1.4. Chức năng	02		01	03	06	
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc và bản chất 1.2.2. Thuộc tính 1.2.3. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật 2. 1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Các thành phần cấu thành						- Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Luật Dân sự	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế						VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng						hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về môn học

Tên học phần

Tiếng Việt: **Tiếng Anh 1**

Tiếng Anh: **English 1**

- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

1. Trình bày được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

2. Trình bày được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Trình bày được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Trình bày được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.

- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

Module 8: Going Places

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

1. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2

2. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.

3. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

4. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.

5. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1 Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	
• Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) • Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) • Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 -						• Cách sử dụng của động từ To Be • Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) • Số đếm trong TA Tự học: Module 2: You and

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Life A1-A2- 1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17) - Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) - Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) - Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						Yours (p20-25)
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) - Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) - Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn - Cách nói thời gian trong TA (p.30) - Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
và so sánh với người Việt Nam (p.29) - Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) - Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
- Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) - Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) - Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) - Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) - Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) - Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng						- Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích - Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn - Nói về sở thích cá nhân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
nghư các cách đáp lại (p.40)						
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) - Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) - Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) - Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						- Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn - Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt some và any - Cấu trúc How much / How many - Nói về thói quen ăn uống của bản thân. Tự học: Module 5: Getting from A to B (p.42-49)
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) - Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) - Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) - Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
Nói 1: So sánh các cặp đồ						Từ vựng về chủ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) • Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) • Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) • Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) • Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64)						đề mua sắm • Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc • Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm • Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) • Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam <u>Tự học:</u> <i>Module 10: Street life (p.86-93)</i>
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
• Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ						• Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(p.98,99) - Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) - Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) - Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						- Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) - Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE - Nói về một loài vật yêu thích Tự học: Module 13: Learning for the future (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) - Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) - Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) - Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh						- Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố - Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don’t have to và Can/can’t - Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) - Các cách hỏi và chỉ đường

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(p.41)						Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <u>Tự học:</u> <i>Module 12: A weekend away</i> (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh 2**
- Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 20 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Trình bày được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Trình bày được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Trình bày được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Trình bày được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu bắt buộc: New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2 Tài liệu bổ trợ:

- A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

- Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
- Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation.
- University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)							- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc - Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật

Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
Module 4: Speacial Occassions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về

							các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1: Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ

							phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. - Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời							- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. - Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
 - Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
- Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
- Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
- Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức

khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

** Từ vựng:* Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

** Kỹ năng đọc:*

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

** Kỹ năng nói:*

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể cố thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

** Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

** Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

** Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.
3. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81)						-Ngữ pháp:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
- Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						May, might, will, definitely etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dùng để đưa ra lời gợi ý

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
huống nhất định) (p.112)						-Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Toán cao cấp**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics**
- Mã học phần: KDTO2108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm

cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị khách sạn ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1, 2, 3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận 1.2.2. Các tính chất của định thức	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.1.Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo						giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược 3.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 3.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 3.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	18	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: CTKH2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy; các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

– *Về kiến thức*: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.

– *Về kỹ năng*: Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần xây dựng cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, phân loại, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Phạm Thị Anh Lê (2014), *Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phạm Quang Huy (2019), *Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu*, Nhà xuất bản Thanh niên.
3. Phạm Quang Hiển (2019), Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Excel*, Nhà xuất bản Thanh niên.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Phạm Quang Dũng (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Lê Lan Anh (2009), *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2012), *Tự học Windows 7*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	• Đọc TLC [1], TLĐT [1] • SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)		
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5			1	1.5	3	biết các thiết bị của máy tính.	
1.5. Mạng máy tính và Internet								
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin								
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6		
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1				1	2	• ĐọcTLC [1], TLĐT [1] • SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows	
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows								
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục								
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)	1			1	2	4		
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20		
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1		- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng
3.2. Các thao tác cơ bản								
3.3. Thực hiện định dạng văn	2			1	3	6		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							dẫn của GV
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>học(Equation)</i>							
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6.Trộn thư	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet							
4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử							
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	
4.3.1. Cách sao chép công thức							- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3	
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đọc TLC [4] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide 5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	1.5			0.5	2	4	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5				0.5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**
 - Tiếng Anh: **Microeconomics**
- Mã học phần: KTKH2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Quản trị khách sạn.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết

Bài tập: 09 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng*:

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân

tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), *GT Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản xây dựng.
2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Dân (2011), *Kinh tế vi mô 1*, NXB Tài chính.
5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đinh Phi Hổ (2013), *Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập;

- Làm tất cả các bài kiểm tra.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học 1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu 1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất 1.5.1. Chi phí cơ hội 1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Phân loại thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
2.2. Cầu 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Luật cầu 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu 2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu 2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung						Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan 3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên 3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng 3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng						Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và phương pháp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
xác định lợi nhuận 4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát						
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất 4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất 4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.3.1. Đường cung ngắn hạn 5.3.2. Đường cung dài hạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành 5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế						chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Độc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2		0	2	4	
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường 7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo 7.1.2. Ngoại ứng 7.1.3. Hàng hóa công cộng 7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế	1			1	2	Độc TLC 1, chương 8; Độc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Độc TLC 1, chương 8; Độc TLC 2, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: KTKH2302
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết
 - Bài tập: 11,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố

quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Yêu thích học phân, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỷ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), *GT Kinh tế vĩ mô*, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;
3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế						
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương 4
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	1		1	2	Làm bài tập chương 6
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	Làm bài tập chương 6
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: KTTM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học; ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu

được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Nguyễn Thế Chinh (2011), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.
3. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.
4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL,KT	Tổng công		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Khoc học kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 1.
1.3. Tài nguyên, môi trường và hệ thống kinh tế	1,5			1,5	3	Độc TLC 1, chương 2. Độc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	1		7	14	
2.1. Cung - cầu và cân bằng thị trường 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Cân bằng thị trường 2.2. Lợi ích rông xã hội	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
2.3. Một số dạng thị trường 2.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.2. Thị trường độc quyền	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
2.4. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường 2.4.3. Ngoại ứng	4	1		5	10	Độc TLC 1, chương 3. Độc TLC 2, chương 2.
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN	7	2		9	18	
3.1. Kinh tế tài nguyên có khả năng tái sinh 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên có khả năng tái sinh 3.1.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên có khả năng tái sinh	3	1		4	8	Độc TLC 1, chương 7. Độc TLĐT 3, chương 2,3,5. Độc TLĐT 4, chương 17.
3.2. Kinh tế tài nguyên không có khả năng tái sinh 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên không có khả năng tái sinh 3.2.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên không có	2	1		3	6	Độc TLC 1, chương 8. Độc TLĐT 4, chương 15.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>khả năng tái sinh</i>						
3.3. Một số công cụ trong quản lý tài nguyên 3.3.1. Thuế 3.3.2. Giá trần - Giá sàn 3.3.3. Hạn ngạch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8. Đọc TLĐT 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	7	3		10	20	
4.1. Ô nhiễm tối ưu 4.1.1. Khái niệm ô nhiễm tối ưu 4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 6.
4.2. Định lý Ronald Coase	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Một số công cụ kiểm soát ô nhiễm 4.3.1. Thuế Pigou 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và chuẩn thải 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 7.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: KTPT2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 70 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích

mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày và hiểu được quá trình thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập dữ liệu thống kê: giới thiệu những kiến thức về dữ liệu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập dữ liệu thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện diễn hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ

điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Dự báo thống kê: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số trong phân tích sự biến động của các hiện tượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo Trình thống kê Kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Trần Thị Kim Thu, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (2014), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

(2) Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.

(3) Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê...

(4) Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	B T	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	8	
1.1 Khái niệm về thống kê 1.1.1 Định nghĩa về thống kê 1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê 1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê 1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê 1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê 1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê 1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát 1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất 1.3.3 Chỉ tiêu thống kê 1.3.4 Các loại thang đo	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê 1.4.1 Điều tra thống kê 1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê 1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê 1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê 1.5.1 Phần mềm SAS 1.5.2 Phần mềm STATA 1.5.3 Phần mềm Microsoft Excel 1.5.4 Phần mềm SPSS	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê 2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê 2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê 2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê 2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê 2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê	1	0,5		1,5	5	Đọc TLC 2, chương 2

2.3 Phương pháp chọn mẫu 2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu 2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên 2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu 2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, chương 2, 5
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	2		5	10	
3.1 Phân tổ thống kê 3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê 3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê 3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê	1	1		2	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê 3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê 3.2.2 Phân loại bảng thống kê 3.2.3 Yêu cầu và quy ước xây dựng bảng thống kê 3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
3.3 Đồ thị thống kê 3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê 3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê 3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê 3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS	1			1	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	5	3		8	20	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh 4.1.1 Số tuyệt đối 4.1.2 Số tương đối	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện diễn hình	2	1		3	6	Đọc TLC 2,

4.2.1 Số bình quân cộng 4.2.2 Số bình quân nhân 4.2.3 Trung vị 4.2.4 Mốt						chương 4
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ biến hình của số bình quân 4.3.1 Khoảng biến thiên 4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân 4.3.3 Phương sai 4.3.4 Độ lệch chuẩn 4.3.5 Hệ số biến thiên	1,5	1		2,5	7	Đọc TLC 2, chương 4
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS 4.4.1 Mô tả dữ liệu <i>Frequencies</i> 4.4.2 Mô tả dữ liệu <i>Descriptives</i>	0,5	0		0,5	3	Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 5. DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	3		8	22	
5.1 Phân tích dãy số thời gian và dự báo 5.1.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian 5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian 5.1.3 Một số mô hình dự báo theo dãy số thời gian	2	1,5		3,5	11	Đọc TLC 2, chương 13
5.2 Phương pháp chỉ số 5.2.1 Khái niệm và phân loại chỉ số 5.2.2 Chỉ số cá thể 5.2.3 Chỉ số tổng hợp 5.2.4 Một số chỉ số thường gặp trong thực tế	3	1,5		4,5	11	Đọc TLC 2, chương 14
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19	9	2	30	70	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting Theory**
- Mã học phần: KTKE2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.
- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng về nhận thức*: Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018) *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*

2. Phan Đức Dũng (2012), *Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội

3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm và phân loại kế toán 1.1.1 Khái niệm kế toán	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2 Phân loại kế toán						
1.2 Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.2.1. Ý nghĩa và vị trí của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.2.2. Yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.3. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị	1	0.5		1.5	3	
1.4. Các nguyên tắc và khái niệm chung được thừa nhận						
1.4.1. Các khái niệm và giả định kế toán						
1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						
1.5. Đối tượng nghiên cứu của kế toán						Độc TLC (1) Chương 1
1.5.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán						
1.5.2. Tài sản và nguồn vốn của đơn vị	1	0.5		1.5	3	
1.5.3. Tuần hoàn vốn trong kinh doanh						
1.6. Hệ thống phương pháp kế toán						
1.6.1. Phương pháp chứng từ kế toán						
1.6.2. Phương pháp tính giá						
1.6.3. Phương pháp đối ứng tài khoản kế toán	0.5			0.5	1	
1.6.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.7. Chu trình kế toán trong đơn vị						
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán	2	1		3	6	
2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán 2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán 2.2.2. Các yếu tố của chứng từ kế toán 2.2.3. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ 2.2.4 Phân loại chứng từ kế toán 2.2.4.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ 2.2.4.2. Phân loại theo công dụng của chứng từ 2.2.4.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ 2.2.4.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ 2.2.4.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trên chứng từ						
2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán	1			1	2	
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	3	2		5	10	Đọc TLC (1) Chương 3
3.1. Khái niệm và vai trò của phương pháp tính giá 3.1.1. Khái niệm phương pháp tính giá	1	0.5		1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Vai trò của phương pháp tính giá						
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá						
3.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá						
3.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá						
3.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào						
3.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào						
3.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào						
3.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất	1	0.5		1.5	3	
3.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất						
3.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất						
3.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh	1	1		2	4	
3.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất						
3.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất –						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh.						
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN	4	1		5	10	Đọc TLC (1) Chương 4
4.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản 4.1.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản 4.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản	1			1	2	
4.2. Tài khoản kế toán 4.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản 4.2.2. Kết cấu các tài khoản kế toán cơ bản 4.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán	2	1		3	6	
4.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép 4.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản 4.3.2. Phương pháp ghi sổ kép						
4.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích 4.4.1. Tài khoản tổng hợp 4.4.2. Tài khoản phân tích	1			1	2	
4.5 Hệ thống tài khoản kế toán 4.5.1. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán 4.5.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản 4.5.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toán						
4.5.2. Phân loại tài khoản kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 5
5.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 5.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 5.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán	0.5			0.5	1	
5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 5.2.1. Bảng cân đối kế toán 5.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính 5.2.5. Các Báo cáo kế toán khác	2.5	1		3.5	7	
CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	8	4		12	24	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị và nhiệm vụ của kế toán 6.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị 6.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2 Kế toán quá trình mua hàng 6.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.2.2. Phương pháp kế toán quá trình mua hàng	2	1		3	6	
6.3. Kế toán quá trình sản xuất 6.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất	2,5	2		4,5	9	
6.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 6.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 6.4.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các đơn vị	2,5	2		4,5	9	
CHƯƠNG 7: SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 7
7.1. Sổ kế toán 7.1.1. Khái niệm sổ kế toán 7.1.2. Các loại sổ kế toán 7.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán	1			1		
7.2. Hình thức ghi sổ kế toán 7.2.1. Khái niệm hình thức ghi sổ kế toán 7.2.2. Các hình thức ghi sổ kế toán	1	1		2	4	
CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG ĐƠN VỊ	2	1		3	6	
8.1. Ý nghĩa và nội dung của tổ chức bộ máy kế toán	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.1.1. Ý nghĩa tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị 8.1.2. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị						
8.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.1. Các Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.2. Nhiệm vụ kế toán các phần hành chủ yếu trong đơn vị	1	1		2	4	
CHƯƠNG 9: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN	2	1		3	6	
9.1 Tổng quan về phần mềm kế toán 9.1.1 Khái niệm và vai trò của phần mềm kế toán 9.1.2 Các điều kiện tiêu chuẩn của phần mềm kế toán 9.1.3 Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán	1			1	1	
9.2 Lựa chọn phần mềm kế toán 9.2.1 Tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm kế toán 9.2.2 Thực hành trên phần mềm kế toán	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị học**

Tiếng Anh: **Management**

- Mã học phần: KTQU2304

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Đại học chính quy

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài
nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), *Quản trị học*, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1)
1.1. Bản chất của quản trị 1.1.1. Khái niệm quản trị 1.1.2. Vai trò của quản trị	0,5			0,5	1	Trang: 07 – 30. TLC (2).
1.2.Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	Trang: 05 – 25. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	1			1	2	
1.4.Quản trị theo mục tiêu 1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu 1.4.2.Vai trò của quản trị theo mục tiêu 1.4.3.Quá trình quản trị theo mục tiêu	0,5			0,5	1	
1.5. Nhà quản trị 1.5.1. Khái niệm nhà quản trị	1,5			1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.2. Vai trò của nhà quản trị 1.5.3. Cấp bậc của quản trị 1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quan trị						
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	4			4	8	Độc TLC (3). Trang: 31 – 50. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Trường phái quản trị cổ điển 2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại 2.1.2. Trường phái quản trị khoa học 2.1.3. Trường phái quản trị hành chính	1			1	2	
2.2.Trường phái quản trị hành vi 2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker 2.2.2. Lý thuyết về bản chất con người của Douglas Mc Gregor 2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo 2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow	1			1	2	
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	1			1	2	
2.4. Học thuyết quản trị hiện đại 2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z 2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị	1			1	2	
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	4	1		5	10	Độc TLC (3). Trang: 51 - 63. Chuẩn bị
3.1. Khái niệm môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	3	1		4	8	bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	4			4	8	Đọc TLC (1). Trang: 43 - 57. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1.Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2.Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị 4.3.1. Nội dung thông tin quản trị 4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị	2			2	4	
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin 4.4.1. Phương pháp thu thập 4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin 4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	5			5	10	Đọc TLC (2). Trang 62 – 75 TLC (3) Trang 51 - 68. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị 5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định 5.1.2. Vai trò của ra quyết định	0,5			0,5	1	
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định	1,5			1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định 5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định						dẫn của giảng viên
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định 5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định 5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định	1,5			1,5	3	
5.4. Quá trình ra quyết định 5.4.1. Quá trình ra quyết định 5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định	1,5			1,5	3	
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	4	1		5	10	
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định 6.1.1. Khái niệm hoạch định 6.1.2. Vai trò của hoạch định	1			1	2	Đọc TLC (1). Trang: 60 – 72. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Phân loại hoạch định 6.2.1. Hoạch định chiến lược 6.2.2. Hoạch định chiến thuật 6.2.3. Hoạch định tác nghiệp	2			2	4	
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	5	1		6	12	
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức 7.1.1. Khái niệm tổ chức 7.1.2. Vai trò tổ chức	1			1	2	(1). Trang 74 – 83. TLC (2) Trang 78 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Cơ cấu tổ chức 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức 7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức 7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức 7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Phân quyền trong quản trị 7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan 7.3.2. Quá trình ủy quyền	1			1	2	
7.4. Tầm hạn quản trị 7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị 7.4.2. Phân loại 7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị	0,5			0,5	1	
7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức	0,5			0,5	1	
Chương 8. LÃNH ĐẠO	4	2		6	12	
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo 8.1.1. Khái niệm lãnh đạo 8.1.2. Vai trò của lãnh đạo	0,5			0,5	1	Đọc TLC (3). Trang: 82 - 98. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các phong cách lãnh đạo 8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực 8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền	0,5	1		1,5	3	
8.3. Động cơ thúc đẩy 8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy 8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy 8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi	1,5	0,5		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhóm						Độc TLC (1). Trang: 85 – 97. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.4. Các phương pháp lãnh đạo 8.4.1. Phương pháp giáo dục 8.4.2. Các phương pháp hành chính 8.4.3. Các phương pháp kinh tế 8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác	1,5	0,5		2	4	
Chương 9. KIỂM TRA	2	2		4	8	
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị 9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị 9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị	0,5			0,5	1	
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng	0,5			0,5	1	
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,5	1		1,5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing căn bản**
 - Tiếng anh: **Basic marketing**
- Mã học phần: KTPT2306
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức Giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến

- *Về kỹ năng*: phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp.

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Minh Đạo (2012), *Marketing căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2011), *Quản trị Marketing (Định hướng giá trị)*, NXB Tài Chính
2. Lưu Đan Thọ (2016), *Marketing khách hàng tổ chức*, NXB Tài Chính

3. Nguyễn Xuân Lâm, Võ Quang Trí (2014), Quản trị marketing, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLC 1, chương 1,2,3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING	2			2	4	
1.1. Sự ra đời và phát triển của Marketing 1.1.1. Marketing cổ điển	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Marketing hiện đại						
1.2. Một số khái niệm cơ bản của Marketing 1.2.1. Nhu cầu 1.2.2. Mong muốn 1.2.3. Yêu cầu tiêu dùng 1.2.4. Hàng hóa 1.2.5. Trao đổi 1.2.6. Thị trường 1.2.7. Marketing	0.5			0.5	1	
1.3. Những định hướng phát triển của Marketing 1.3.1. Quan điểm tập trung vào sản xuất 1.3.2. Quan điểm tập trung vào hoàn thiện sản phẩm 1.3.3. Quan điểm tập trung vào bán hàng 1.3.4. Quan điểm Marketing 1.3,5 Quan điểm marketing đạo đức xã hội	0.5			0.5	1	
1.4 Phân loại Marketing 1.4.1 Căn cứ vào hình thái vật chất của quá trình trao đổi 1.4.2 Căn cứ vào phạm vi ứng dụng 1.5 Chức năng và vai trò của Marketing 1.5.1 Chức năng của Marketing 1.5.2 Vai trò của Marketing	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2.MÔI TRƯỜNG MARKETING	2			2	4	Đọc TLC 1, 2 chương 2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Khái quát về môi trường Marketing 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu môi trường kinh doanh 2.1.3. Phân loại	0.5			0.5	1	
2.2. Môi trường Marketing vĩ mô 2.2.1. Môi trường kinh tế 2.2.2. Môi trường văn hóa xã hội 2.2.3. Môi trường nhân khẩu học 2.2.4. Môi trường tự nhiên 2.2.5. Môi trường khoa học, công nghệ 2.2.6. Môi trường chính trị pháp luật	0.5			0.5	1	
2.3. Môi trường Marketing vi mô 2.3.1. Nhà cung ứng 2.3.2. Đối thủ cạnh tranh 2.3.3. Các trung gian marketing 2.3.4. Khách hàng 2.3.5. Giới công chúng 2.3.6. Doanh nghiệp	1			1	2	
Chương 3.PHÂN ĐOẠN VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG MỤC TIÊU – ĐỊNH VỊ THỊ TRƯỜNG	3			3	6	Đọc TLC 1, 2, chương 3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Phân đoạn thị trường 3.1.1. Khái niệm, vai trò của	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phân đoạn thị trường</i> 3.1.2. Các tiêu thức phân đoạn thị trường 3.1.3. Yêu cầu đối với việc phân đoạn thị trường 3.1.4. Tiến trình phân đoạn thị trường						
3.2. Thị trường mục tiêu 3.2.1. Khái niệm thị trường mục tiêu 3.2.2. Các yêu cầu đối với thị trường mục tiêu 3.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu	1			1	2	
3.3. Định vị 3.3.1. Khái niệm định vị 3.3.2. Phân loại định vị 3.3.3. Định vị thị trường	1			1	2	
Chương 4. HÀNH VI KHÁCH HÀNG	3			3	6	
4.1. Khái niệm, phân loại hành vi khách hàng 4.1.1. Khái niệm hành vi khách hàng 4.1.2. Phân loại hành vi khách hàng	0.5			0.5	1	5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.1. Khái niệm hành vi mua của người tiêu dùng	1.5			1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng 4.2.4. Quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng						
4.3. Hành vi của tổ chức 4.3.1. Khái niệm hành vi mua của tổ chức 4.3.2. Hành vi mua của doanh nghiệp sản xuất 4.3.3. Hành vi mua của doanh nghiệp thương mại 4.3.4. Hành vi mua của các tổ chức phi lợi nhuận (cơ quan Nhà nước, tổ chức chính quyền,...)	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. CHÍNH SÁCH SẢN PHẨM	4	1		5	10	
5.1. Sản phẩm theo quan điểm Marketing 5.1.1. Khái niệm và vai trò của sản phẩm 5.1.2. Phân loại sản phẩm 5.1.3. Chu kỳ sống của sản phẩm	1,5			1,5	3	Độc TLC 1, chương 5. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2 Chính sách sản phẩm 5.2.1 Quyết định về nhãn hiệu 5.2.2. Quyết định về bao bì sản phẩm 5.2.3. Quyết định về dịch vụ hỗ	2,5	1		3,5	7	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trợ sản phẩm 5.2.4. Quyết định về phát triển sản phẩm mới 5.2.5. Quyết định về chủng loại sản phẩm						
Chương 6. CHÍNH SÁCH GIÁ CỦA SẢN PHẨM	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 6. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Giá và chính sách giá 6.1.1. Giá 6.1.2. Chính sách giá	1			1	2	
6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến định giá 6.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp 6.2.2. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp	1			1	2	
6.3. Quy trình định giá 6.3.1. Xác định mục tiêu định giá 6.3.2. Xác định cầu của thị trường mục tiêu 6.3.3. Xác định chi phí cho một đơn vị sản phẩm 6.3.4. Phân tích chi phí, giá cả và sản phẩm cạnh tranh 6.3.5. Chọn phương pháp định giá 6.3.6. Lựa chọn mức giá cuối cùng	1			1	2	
Chương 7: CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Chuẩn bị bài, tự

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Khái niệm và vai trò của phân phối 7.1.1. Khái niệm phân phối 7.1.2. Vai trò của phân phối	0.5			0.5	1	học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Kênh phân phối 7.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của kênh phân phối 7.2.2. Cấu trúc kênh phân phối 7.2.3. Các trung gian phân phối	1.5	1		2.5	5	
7.3 Lựa chọn kênh phân phối 7.3.1. Căn cứ lựa chọn 7.3.2. Một số phương thức phân phối	1			1	2	
Chương 8. CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN	4	1		5	10	
8.1. Khái niệm và vai trò của xúc tiến 8.1.1. Khái niệm xúc tiến 8.1.2. Vai trò của xúc tiến	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.2. Các công cụ xúc tiến 8.2.1. Quảng cáo 8.2.2. Quan hệ công chúng 8.2.3. Khuyến mại 8.2.4. Bán hàng cá nhân 8.2,5. Marketing trực tiếp	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**

Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**

Mã học phần: KTTC2304

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 03 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, ngân sách nhà nước. Khái quát được các loại hình tổ

chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng và quan hệ thanh toán, tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Phân tích các loại hình tổ chức trung gian, hoạt động tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính; Xây dựng mối liên hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ. Từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế. Ngoài ra, người học vận dụng tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.

3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

2. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, Tài chính.

3. Nguyễn Hòa Nhân, (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

4. Lê Văn Tê (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. *Luật NSNN 2015*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ 1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ 1.1.2. Bản chất của tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Các chức năng của tiền tệ 1.2.1. Chức năng đơn vị định giá 1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi 1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.3. Các khối tiền tệ 1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông 1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.4. Cung và cầu tiền tệ 1.4.1. Cầu tiền tệ 1.4.2. Cung tiền cho lưu thông	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 9;
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính 1.5.1. Khái niệm tài chính 1.5.2. Các chức năng của tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.6. Hệ thống tài chính 1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính 1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	2	1		3	6	
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng 2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng 2.1.2. Khái niệm tín dụng 2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường 2.1.4. Phân loại tín dụng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.2. Các hình thức tín dụng 2.2.1. Tín dụng thương mại 2.2.2. Tín dụng Nhà nước						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3. Tín dụng ngân hàng						10;
2.3. Vai trò của tín dụng 2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển 2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước 2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông 2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư						Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
2.4. Các chức năng của tín dụng 2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả 2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền						Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
2.5. Lãi suất tín dụng 2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng 2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng						Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 10;
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2			2	4	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước 3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						Độc TLC 2, chương 2; Độc TLC 3, chương 3;
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi	1			1	2	Độc TLC 2, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngân sách Nhà nước 3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước						Đọc TLC 3, chương 3;
3.4. Cân đối ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách 3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	2	1	6	12	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp 4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh 4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp 4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm 4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 15;
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính 5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu 5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp 5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.3. Công cụ của thị trường tài chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính 5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi 6.2.2. Các công ty tài chính 6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng 6.2.4. Các trung gian đầu tư						Đọc TLC 3, chương 6;
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2			2	4	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại 7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại 7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại 7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng 7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán 7.3.3. Chức năng tạo tiền						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn 7.4.3. Các hoạt động khác	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8, chương 9;
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	3			3	6	
8.1. Ngân hàng Trung ương 8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương 8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương 8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2.1. Định nghĩa 8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ 8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ 8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ						Đọc TLC 3, chương 10;
Chương 9. LẠM PHÁT	3		2	5	10	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Phân loại lạm phát	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;
9.2. Nguyên nhân của lạm phát 9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng 9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng 9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định						Đọc TLC 3, chương 12;
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội 9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải 9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 12;
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát 9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu 9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung 9.4.3. Cải cách tiền tệ						Đọc TLC 3, chương 12;
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế 10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế 10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế 10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 18; Đọc TLC 3, chương 11;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.2. Tỷ giá hối đoái 10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái 10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái						Đọc TLC 2, chương 16; Đọc TLC 3, chương 11;
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng 10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế 10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;
10.4. Tín dụng quốc tế 10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế 10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế						Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1295 /QĐ-TĐHHN, ngày 13 tháng 4 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tổng quan khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Introduction To Hospitality**
- Mã học phần: KTDL2530
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒

giáo dục đại cương ☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết

▪ Bài tập: 11 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về tổng quan khách sạn, bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về khách sạn; nhận diện được các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; phân biệt được các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; cơ sở vật chất của khách sạn; phân tích được hoạt động của các bộ phận trong khách sạn và đánh giá được sự phát triển khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của tổng quan khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng hệ thống kiến thức của tổng quan khách sạn để nâng cao hiểu biết về ngành khách sạn trên thế giới và tại Việt Nam từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn và nghề nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.

- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.
- + Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức tổng quan khách sạn vào thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Một số vấn đề cơ bản về khách sạn
- Các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn
- Các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn.
- Cơ sở vật chất của khách sạn;
- Hoạt động của các bộ phận trong khách sạn;
- Phát triển khách sạn.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Kinh tế quốc dân.
2. Trịnh Xuân Dũng (2014), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (2015), *giáo trình tổng quan du lịch*, NXB giáo dục Việt Nam
2. Nguyễn Trọng Đặng, Nguyễn Doãn Thị Liễu (2008), *Quản trị doanh nghiệp khách sạn du lịch*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐**8.2. Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, hình thức thi:Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KHÁCH SẠN	7			7	14	
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của ngành khách sạn 1.1.1 Khái quát sự hình thành và lịch sử phát triển của ngành khách sạn trên thế giới 1.1.2 Khái quát sự hình thành và lịch sử phát triển của ngành khách sạn ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC1 Chương 1,2
1.2 Khái niệm đặc điểm, phân loại và xếp hạng khách sạn 1.2.1 Khái niệm, đặc điểm của khách sạn 1.2.2 Phân loại và xếp hạng khách sạn	2			2	4	Đọc TLC1 Chương 1,2
1.3 Đặc điểm, vai trò vị trí của ngành khách sạn 1.3.1 Đặc điểm của ngành khách sạn 1.3.2 Vai trò và vị trí của ngành khách sạn	2			2	4	Đọc TLC1 Chương 1,2
1.4 Thị trường khách của khách sạn 1.4.1 Phân loại nguồn khách trong khách sạn 1.4.2 Xác định khách hàng mục tiêu của khách sạn	2			2	4	Đọc TLC1 Chương 1,2

Chương 2. CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA KHÁCH SẠN	6	2		8	16	
2.1 Các lĩnh vực kinh doanh của khách sạn. 2.1.1 Kinh doanh lưu trú 2.1.2 Kinh doanh ăn uống 2.1.3 Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	1		4	8	Đọc TLC1 Chương 4,5
2.2 Cơ cấu tổ chức của khách sạn 2.2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức của khách sạn 2.2.2 Một số mô hình cơ cấu tổ chức điển hình của khách sạn	3	1		4	8	Đọc TLC1 Chương 3
Chương 3. CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU VÀ QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	5	2		7	14	
3.1 Các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn trên thế giới 3.1.1 Khách sạn chủ sở hữu tài sản 3.1.2 Khách sạn nhượng quyền 3.1.3 Khách sạn hợp đồng quản lý	3	1		4	8	Đọc TLC2 Chương 1,2
3.2 Các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn ở Việt Nam 3.2.1 Khách sạn Nhà nước 3.2.2 Khách sạn tư nhân 3.2.3 Khách sạn liên doanh	2	1		3	6	Đọc TLC2 Chương 1,2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4 CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA KHÁCH SẠN	5	2		7	14	
4.1 Khái niệm, vai trò và đặc điểm của cơ sở vật chất trong khách sạn 4.1.1 Khái niệm và vai trò của cơ sở vật chất trong khách sạn 4.1.2 Đặc điểm của cơ sở vật chất trong khách sạn	2			2	4	Đọc TLC 2 Chương 1,2
4.2 Bố trí trang thiết bị trong khách sạn 4.2.1 Các loại cơ sở vật chất trong khách sạn 4.2.2 Bố trí cơ sở vật chất trong	3	2		5	10	Đọc TLC 2 Chương 1,2

khách sạn 4.2.3 Một số hệ thống kỹ thuật cơ bản trong khách sạn						
Chương 5 HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BỘ PHẬN TRONG KHÁCH SẠN	5	4		9	18	
5.1 Hoạt động của các bộ phận chức năng 5.1.1 Hoạt động của bộ phận nhân sự 5.1.2 Hoạt động của bộ phận kinh doanh 5.1.3 Hoạt động của bộ phận kế toán 5.1.4 Hoạt động của bộ phận khác	2	1		3	6	Đọc TLC 2 Chương 1,2
5.2 Hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ 5.2.1 Hoạt động của bộ phận lễ tân 5.2.2 Hoạt động của bộ phận lưu trú 5.2.3 Hoạt động của bộ phận ăn uống	3	3		6	12	Đọc TLC 2 Chương 1,2
Chương 6. PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN	4	1		5	10	
6.1 Tình hình phát triển khách sạn 6.1.1 Tình hình phát triển khách sạn trên thế giới 6.1.1 Tình hình phát triển khách sạn ở Việt Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 2 Chương 1,2
6.2 Xu hướng phát triển kinh doanh khách sạn 6.2.1 Xu hướng phát triển kinh doanh khách sạn trên thế giới 6.2.1 Xu hướng phát triển kinh doanh khách sạn ở Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 2 Chương 1,2
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Management**
- Mã học phần: KTDL2520
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề cơ bản như: tổng quan về quản trị kinh doanh khách sạn; vận dụng được các nghiệp vụ quản trị nguồn nhân lực, quản trị

marketing, quản trị tài chính, quản trị chiến lược, quản trị chất lượng vào trong thực tế việc làm.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày được những vấn đề cơ bản về kinh doanh khách sạn, sản phẩm trong kinh doanh khách sạn; chức năng nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực, marketing, kinh doanh lưu trú và kinh doanh ăn uống trong khách sạn. Đồng thời vận dụng lý thuyết vào kiểm soát và kiểm tra hoạt động doanh thu, chi phí trong khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể khái quát hóa được cách quản trị một khách sạn sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc quản trị một khách sạn sao cho hiệu quả và biết ứng xử với các tình huống quản trị trong thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh khách sạn; Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn; Quản trị marketing trong kinh doanh khách sạn; Quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn; Tổ chức kinh doanh lưu trú trong khách sạn; Tổ chức kinh doanh ăn uống trong khách sạn; Kiểm soát hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh của khách sạn.

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động-Xã hội.

3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Hồng Chương, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị Kinh doanh lý hành*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội
3. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.
4. Nguyễn Hữu Thắng (2015), *Giáo trình quản trị kinh doanh nhà hàng*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH KHÁCH SẠN	6			6	12	
1.1 Khái niệm và vai trò của kinh doanh khách sạn <i>1.1.1 Các khái niệm cơ bản</i> <i>1.1.2 Vai trò của kinh doanh khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2 Đọc TLC 3, chương 1
1.2 Sản phẩm trong kinh doanh khách sạn <i>1.2.1 Khái niệm</i> <i>1.2.2 Phân loại sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> <i>1.2.3 Đặc điểm sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2 Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Đặc điểm trong kinh doanh khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.4 Đặc điểm cơ sở vật chất trong kinh doanh khách sạn <i>1.4.1 Khái niệm</i> <i>1.4.2 Các khu vực chính của khách sạn</i> <i>1.4.3 Một số hệ thống kỹ thuật cơ bản trong khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2 Đọc TLC 2, chương 1
1.5 Tổ chức bộ máy quản trị trong khách sạn <i>1.5.1 Khái niệm</i> <i>1.5.2 Cơ sở khoa học chủ yếu để thiết lập bộ máy của khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.3 Một số mô hình cơ cấu tổ chức của khách sạn						
1.6 Khái quát về lịch sử và xu hướng phát triển của kinh doanh khách sạn 1.6.1 Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh khách sạn thế giới 1.6.2 Lịch sử phát triển ngành du lịch và khách sạn Việt Nam 1.6.3 Các xu hướng cơ bản trong phát triển hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 1,2
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	5	2		7	14	
2.1 Khái niệm vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 4,5
2.2 Cơ cấu tổ chức bộ phận quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn 2.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy 2.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận quản trị nguồn	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4,5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhân lực trong khách sạn						
2.3 Nội dung quản trị nguồn nhân lực của khách sạn 2.3.1 Phân tích công việc 2.3.2 Mô tả công việc 2.3.3 Tiêu chuẩn hóa định mức lao động 2.3.4 Chiêu mộ và tuyển chọn 2.3.5 Bổ nhiệm và giao việc 2.3.6 Đánh giá thực hiện 2.3.7 Đào tạo nghề nghiệp 2.3.8 Quản lý thu nhập của người lao động	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 4,5
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ MARKETING TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	4	2		6	12	
3.1 Khái niệm và vai trò của quản trị trong kinh doanh khách sạn 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Vai trò của quản trị trong kinh doanh khách sạn	2,0			2,0	4	Đọc TLC 1, chương 8
3.2 Cơ cấu tổ chức bộ phận marketing trong kinh doanh khách sạn 3.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy 3.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận marketing trong khách sạn	2,0	2,0		4,0	8	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3 Nội dung quản trị marketing trong kinh doanh khách sạn <i>3.3.1 Nghiên cứu và xác định thị trường mục</i> <i>3.3.2 Xây dựng chiến lược marketing trong kinh doanh khách sạn</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	5,0	1,0		6,0	12	
4.1 Khái niệm và vai trò của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn <i>4.1.1 khái niệm</i> <i>4.1.2 Vai trò chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 9
4.2 Đặc điểm của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn <i>4.2.1 Chất lượng trong kinh doanh khách sạn khó đo lường và đánh giá</i> <i>4.2.2 Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn chỉ được đánh giá chính xác qua sự cảm nhận của người tiêu dùng trực tiếp sản phẩm khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3 <i>Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn phụ thuộc vào quá trình cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp khách sạn</i> 4.2.4 <i>Chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn đòi hỏi tính nhất quán cao</i>						
4.3 <i>Đánh giá chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn</i>	1,0	1,0		2,0	4,0	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 3
4.4 <i>Quản lý chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn</i> 4.4.1 <i>Hiểu biết nhu cầu mong đợi của khách hàng</i> 4.4.2 <i>Thiết lập tiêu chuẩn dịch vụ</i> 4.4.3 <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động</i> 4.4.4 <i>Kiểm tra điều đặn thường xuyên quá trình cung cấp dịch vụ</i> 4.4.5 <i>Giải quyết phàn nàn của khách</i>	2,0			2,0	4,0	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC KINH DOANH LƯU TRÚ TRONG KHÁCH SẠN	3,0	1,0		4,0	8,0	
5.1 <i>Khái niệm và vai trò của kinh doanh lưu trú trong khách</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sạn 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Vai trò của kinh doanh lưu trú trong khách sạn						
5.2 Tổ chức của bộ phận kinh doanh lưu trú trong khách sạn 5.2.1 Mô hình tổ chức của bộ phận kinh doanh lưu trú trong khách sạn 5.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kinh doanh lưu trú trong khách sạn 5.3 Nội dung kinh doanh lưu trú trong kinh doanh khách sạn 5.3.1 Tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân trong khách sạn 5.3.2 Tổ chức hoạt động của bộ phận buồng ngủ trong khách sạn	2,0	1,0		3,0	6	Đọc TLC 1, chương 6
CHƯƠNG 6. TỔ CHỨC KINH DOANH ĂN UỐNG TRONG KHÁCH SẠN	5,0	2,0		7,0	14	
6.1 Khái niệm và đặc điểm và điều kiện của kinh doanh ăn uống trong khách sạn 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Đặc điểm của kinh doanh doanh ăn uống trong khách sạn 6.1.3 Điều kiện kinh doanh ăn	1,5			1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>uống trong khách sạn</i>						
6.2 Tổ chức của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn <i>6.2.1 Mô hình tổ chức của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn</i> <i>6.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận kinh doanh ăn uống trong khách sạn</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 7
6.3 Quy trình tổ chức kinh doanh ăn uống trong khách sạn <i>6.3.1 Xây dựng kế hoạch thực đơn</i> <i>6.3.2 Tổ chức mua</i> <i>6.3.3 Tổ chức nhập</i> <i>6.3.4 Tổ chức lưu trữ và bảo quản trong kho</i> <i>6.3.5 Tổ chức chế biến thức ăn</i> <i>6.3.6 Tổ chức phục vụ trực tiếp khách sạn</i>	2,5	2,0		4,5	9,0	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG VÀ KIỂM TRA KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA KHÁCH SẠN	5,0	2,0		7	14	
7.1 Kiểm soát hoạt động trong khách sạn	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.2 Kiểm tra kết quả nguồn thu	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
và chi phí khách sạn						chương 10
7.3 Quản trị tối ưu doanh thu khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.4 Phân tích kết quả kinh doanh của khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
7.5 Phân tích tài chính của khách sạn	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TLC 1, chương 10
Cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TDHNN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng**
Tiếng Anh: **Hospitality and restaurant services Management**
- Mã học phần: KTDL2531
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* trình bày được những kiến thức cơ bản về các quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng bao gồm: khái quát về quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng; nhận diện và vận dụng được các kiến thức quản trị dịch vụ lễ tân trong khách sạn, nhà hàng, quản trị dịch vụ buồng, quản trị dịch vụ nhà hàng và quầy bar, quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng vào thực tế nghề nghiệp sau này.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản trị khách sạn, nhà hàng sau khi ra trường.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể phân tích những giải pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng như: khái quát về quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng; quản trị dịch vụ lễ tân trong khách sạn, nhà hàng; quản trị dịch vụ buồng; quản trị dịch vụ nhà hàng và quầy bar; quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Huỳnh Văn Hải (2015), *giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn*, NXB giáo dục Việt Nam.

3. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), *Giáo trình quản lý bar và thức uống*, NXB giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Đình Phan (2005), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động xã hội.

2. Nguyễn Văn Đính (2007), *Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ DỊCH VỤ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	7			7	14	Đọc TLC 1, chương 1
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển dịch vụ Khách sạn, nhà hàng	2			2	4	
1.2 Sự khác biệt của quản trị khách sạn, nhà hàng	2			2	4	
1.3 Tiến trình và các cấp quản trị trong dịch vụ Khách sạn, nhà hàng	3			3	6	
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ LỄ TÂN TRONG KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	7	2		9	18	Đọc TLC 1, chương 3
2.1. Khái quát về quản trị dịch vụ lễ tân trong khách sạn, nhà hàng 2.1.1. Khái niệm quản trị lễ	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tân khách sạn, nhà hàng 2.1.2. Cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân khách sạn, nhà hàng 2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của các chức danh trong bộ phận lễ tân khách sạn, nhà hàng						
2.2 Quản trị quy trình đặt buồng khách sạn 2.2.1. Khái quát về đặt buồng và vai trò của nhân viên lễ tân trong tiếp thị bán hàng 2.2.2. Các nội dung về đặt buồng 2.2.3. Kỹ năng bán buồng và các chính sách ưu đãi của khách sạn 2.2.4. Tổ chức nhận đặt buồng	1			1	2	
2.3 Quản trị quy trình đăng ký khách sạn, nhà hàng 2.3.1. Khái quát chung về làm thủ tục đăng ký khách sạn, nhà hàng 2.3.2. Quy trình làm thủ tục đăng ký khách sạn, nhà hàng	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.3. Tổ chức làm thủ tục đăng ký khách sạn cho các đối tượng khách, nhà hàng						
2.4 Quản trị quy trình phục vụ khách trong thời gian sử dụng dịch vụ 2.4.1. Khái quát chung về phục vụ khách trong thời gian sử dụng dịch vụ 2.4.2. Quy trình phục vụ một số các dịch vụ cho khách trong thời gian sử dụng dịch vụ	2	1		3	6	
2.5 Quản trị quy trình trả buồng khách sạn 2.5.1. Khái quát chung về làm thủ tục trả buồng 2.5.2. Quản trị quy trình làm thủ tục trả buồng	2			2	4	
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ BUỒNG	6	3		9	18	
3.1 Khái quát về quản trị dịch vụ buồng khách sạn 3.1.1 Khái niệm quản trị buồng 3.1.2 Nội dung cơ bản của quản trị buồng	1			1	2	Độc TLC 2, chương 2, 3
3.2 Quản trị vận hành khu vực buồng và khu vực công cộng	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.1 Kỹ thuật làm vệ sinh 3.2.2 Quản trị và vận hành khu vực vệ sinh buồng khách 3.2.3 Quản trị và vận hành khu vực vệ sinh công cộng 3.2.4 An toàn và an ninh trong khách sạn						
3.3 Quản trị và vận hành khu vực quản lý đồng phục và đồ vải, khu vực giặt là và khu vực hoa 3.3.1 Quản trị và vận hành khu vực quản lý đồng phục và đồ vải 3.3.2 Quản trị và vận hành khu vực giặt là 3.3.3 Quản trị và vận hành khu vực hoa và cây cảnh	1	1		2	4	
3.4 Quản lý lao động và cơ sở vật chất của bộ phận buồng	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ DỊCH VỤ NHÀ HÀNG VÀ QUẦY BAR	5	4		9	18	Đọc TLC 3, chương 2, 3
4.1 Khái quát về hoạt động của nhà hàng và quầy bar 4.1.1. Khái quát về hoạt động của nhà hàng và quầy bar 4.1.2. Nội dung quản trị	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhà hàng và quầy bar</i>						
4.2 Lập kế hoạch thực đơn 4.2.1. Nguyên tắc xây dựng thực đơn 4.2.2. Quy trình xây dựng thực đơn và xác định giá bán	1	1		2	4	
4.3 Quản trị phục vụ ăn uống 4.3.1. Kỹ thuật phục vụ ăn uống 4.3.2. Tổ chức phục vụ món ăn 4.3.3. Tổ chức phục vụ đồ uống 4.3.4. Kiểm soát hoạt động phục vụ và xử lý một số tình huống	2	2		4	8	
4.4 Quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng, quầy bar 4.4.1. Quản lý lao động tại nhà hàng và quầy bar 4.4.2. Quản lý trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng và quầy bar	1	1		2	4	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRONG KHÁCH	7	2		9	18	Đọc TLĐT 1, chương 2, 3, 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
SẠN, NHÀ HÀNG						
5.1 Phương pháp thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng <i>5.1.1. Phương pháp thiết kế chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>5.1.2. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch</i>	2	1		3	6	
5.2 Đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng <i>5.2.1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>5.2.2. Cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch</i> <i>5.2.3. Phát triển các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch</i>	2			2	4	
5.3 Các hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn, nhà hàng <i>5.3.1. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000</i> <i>5.3.2. Tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng ISO 22000:2005</i> <i>5.3.3. Quản trị chất lượng đồng bộ</i>	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.4. Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS)						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295/QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị lễ tân khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Front Office Management**
- Mã học phần: KTDL2532
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị lễ tân khách sạn, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân khách sạn bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân trong khách sạn;

Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học áp dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân tại khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân khách sạn sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể phân tích những giải pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân khách sạn trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân khách sạn như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân, ...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM (2011), *Công tác lễ tân*.
2. Nguyễn Văn Đính (2007), *Giáo trình Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN	6			6	12	
1.1. Khái quát về bộ phận	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lễ tân khách sạn <i>1.1.1. Khái niệm lễ tân khách sạn</i> <i>1.1.2. Phân loại lễ tân khách sạn</i> <i>1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ của bộ phận lễ tân khách sạn</i> <i>1.1.4. Những yêu cầu cơ bản của nhân viên lễ tân khách sạn</i>						Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Quản trị lễ tân khách sạn <i>1.2.1. Khái niệm quản trị lễ tân khách sạn</i> <i>1.2.2. Cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân khách sạn</i> <i>1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của các chức danh trong bộ phận lễ tân khách sạn</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Mối quan hệ của bộ phận lễ tân với các bộ phận khác	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NHÂN SỰ VÀ TRANG THIẾT BỊ TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN KHÁCH SẠN	6			6	12	
2.1. Quản trị nhân sự tại bộ phận lễ tân khách sạn	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.1. Xác định nhu cầu và tuyển dụng nhân sự 2.1.2 . Bố trí và sử dụng nhân sự 2.1.3. Đào tạo và đánh giá nhân sự						
2.2. Bố trí mặt bằng và quản trị trang thiết bị tại bộ phận lễ tân khách sạn 2.2.1. Bố trí mặt bằng tại bộ phận lễ tân 2.2.2. Nhu cầu và sử dụng trang thiết bị 2.2.3. Kiểm soát trang thiết bị	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG ĐÓN, TIẾP KHÁCH CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN KHÁCH SẠN	7	3		10	20	
3.1. Trang bị phòng lễ tân	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2
3.2. Phân loại khách	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
3.3. Tổ chức đón tiếp khách 3.3.1. Chào hỏi khách 3.3.2. Công tác sau chào hỏi 3.3.3. Tổ chức đón tiếp	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đoàn khách quan trọng từ xa tới.</i> <i>3.3.4. Tổ chức các cuộc họp gặp</i> <i>3.3.5. Tiếp khách</i> <i>3.3.6. Xử lý phàn nàn của khách</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ PHẬN LỄ TÂN KHÁCH SẠN	6	4		10	20	
4.1. Các chỉ tiêu dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân khách sạn <i>4.1.1. Chỉ tiêu doanh thu</i> <i>4.1.2. Chỉ tiêu tỉ lệ doanh thu thực tế so với doanh thu tiềm năng</i> <i>4.1.3. Một số chỉ tiêu khác</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10
4.2. Quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân khách sạn <i>4.2.1. Quản trị về thông tin</i> <i>4.2.2. Quản trị về nhân sự</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5,8,9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Quản trị về giá 4.2.4. Quản trị về chất lượng sản phẩm dịch vụ						
CHƯƠNG 5. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ LỄ TÂN TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	9	2		11	22	
5.1. Quản trị quy trình đặt buồng khách sạn 5.1.1. Khái quát về đặt buồng và vai trò của nhân viên lễ tân trong tiếp thị bán hàng 5.1.2. Các nội dung về đặt buồng 5.1.3. Kỹ năng bán buồng và các chính sách ưu đãi của khách sạn 5.1.4. Tổ chức nhận đặt buồng	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 1
5.2. Quản trị quy trình đăng ký khách sạn 5.2.1. Khái quát chung về làm thủ tục đăng ký khách sạn 5.2.2. Quy trình làm thủ tục đăng ký khách sạn 5.2.3. Tổ chức làm thủ tục đăng ký khách sạn cho	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>các đối tượng khách</i>						
5.3. Quản trị quy trình phục vụ khách trong thời gian lưu trú <i>5.3.1. Khái quát chung về phục vụ khách trong thời gian lưu trú</i> <i>5.3.2. Quy trình phục vụ một số các dịch vụ cho khách trong thời gian lưu trú.</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Quản trị quy trình trả buồng khách sạn <i>5.4.1. Khái quát chung về làm thủ tục trả buồng</i> <i>5.4.2. Quản trị quy trình làm thủ tục trả buồng</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

DETAILED COURSE SYLLABUS

THEORY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Course information

- Course title:
 - Vietnamese: **Quản trị lễ tân khách sạn**
 - English: **Hospitality Front Office Management**
- Course code: KTDL2532
- Course credit value: 03 credits
- Objective learners: University students, Hospitality Management
- The position of the module in the training program:

General education knowledge ☐		Professional education knowledge ☒				
		Foundation knowledge of the major ☐		Knowledge of the major ☒		Internship and thesis ☐
Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☒	Optional ☐	

- Prerequisites: Overview of tourism
- Total periods : 45 periods
 - Theories : 34 periods
 - Exercises : 09 periods
 - Tests : 02 periods
- Self-study : 90 hours
- Department in charge of the course: Tourism Administration Division,
Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- About knowledge: Understand and present basic knowledge of the organization and operation of Hospitality Front Office Management including: human resource and equipment management of reception division in the hotel; management of reservation service; registration, accommodation service and check out, as well as evaluating the effectiveness of receptionist activities so learner can apply the knowledge and skills for managing receptionist division in hotel.

- About skills:

- *Cognitive skill*: Able to present the basic issues of hospitality front office management.

- *Professional skill*: Able to apply the knowledge learned in the management of hospitality front office after graduation.

- *Team work skill*: Through discussion and practice hours, students can practice the skills of working in-group and cooperate with others.

- *Thinking skill*: Be able to analyze and know how to solve problems in specific situations.

- About autonomy and responsibility:

- Having faith, the right learning attitude for the subject, consciously cultivating basic personal moral qualities.

- Being aware of the importance of the receptionist management at work so that we can strive to work and improve and enhance our professional knowledge.

3. Course description

The module provides learners with basic knowledge of issues related to hospitality front office management such as: customer service planning, room fund forecasting, room-booking process, checkout, payment methods, customer service, assessing the effectiveness of receptionist activities, etc.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Pham Thi Cuc (2005), *Front office theory*, Ha Noi Publisher.

2. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), *Hotel business management*, National Economics University Publisher.

3. Nguyen Van Dinh, Hoang Thi Lan Huong (2007), *Technology services in hotel and restaurant*, National Economics University Publisher.

4.2. Further materials:

1. Industrial university of Ho Chi Minh city (2011), *Receptionist Activities*.

2. Nguyen Van Dinh (2007), *Service technology in hotel and restaurant*, National Economics University.

3. Luc Boi Minh (2005), *Mordern hotel management*, National Political-Institute for tourism development research Publisher.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

Presentation	☒	Interview	☐	Conversation	☐
Mind map	☐	Working group	☒	Situation	☒
Project-based teaching	☐	Teaching practice	☐	Data collection	☒
Analyzing and processing data	☐	Presenting scientific reports	☐	Self learning	☒

6. Duties of students

- Present: listen the lessons and take part in the activities actively.
- Exercises: do homework fully.
- Self learning: research, read documents at home in order to understand lessons
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%

Including: number of marks: 02; coefficient: 01

Essay ☒ Multiple-choice ☐ Discussion groups ☒ Great homework ☐ Practice ☐ Other ☐

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒ Multiple choice ☐ Questions and Answers ☐ Practice ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Require ments for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Tota l		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1: OVERVIEW OF	6			6	12	

Contents	Teaching methods					Require ments for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Tota l		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HOSPITALITY FRONT OFFICE MANAGEMENT						
1.1. Overview of hospitality front office 1.1.1. Definition of hospitality front office 1.1.2 classification of hospitality front office 1.1.3. The role and task of hospitality front office department 1.1.4. The basic requirements of receptionist in hotel	2			2	4	Read main material (1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
1.2. Management of hospitality front office 1.2.1. Definition of hospitality front office management 1.2.2. The structure of hospitality front office department 1.2.3. Functions and mission of titles in hospitality front office department	2			2	4	Read main material (1), chapter 1 Read main material (2), chapter 4 Read main material (3), chapter 1
1.3. Relationship of hospitality front office department with other deparment	2			2	4	Read main material

Contents	Teaching methods					Require ments for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Tota l		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						(1), chapter 1 Read main material (3), chapter 1
CHAPTER 2: MANAGEMENT OF STAFFS AND EQUIPMENTS AT HOSPITALITY FRONT OFFICE DEPARTMENT	6			6	12	
2.1. Labor management in hospitality front office 2.2.1. Identifying human demand and recruitment 2.2.2. Arranging job positions 2.2.3. Training and evaluating staffs	3			3	6	Read main material (2), chapter 5
2.2. Premises arrangement and management of equipment at hospitality front office department 2.2.1. Premises arranging at hospitality front office 2.2.2. Demanding and using of equipment at hospitality front office 2.2.3. Controlling equipment at hospitality front office	3			3	6	Read main material (2), chapter 2
CHAPTER 3: MANAGEMENT OF WELCOMING AND RECEIVING CUSTOMER AT HOSPITALITY FRONT OFFICE DEPARTMENT	7	3		10	20	

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Equipped for hospitality front office department	2	1		3	6	Read main material (3), chapter 1 Read main material (2), chapter 2
3.2. Customer classification	2			2	4	Read main material (1), chapter 2
3.3. Organize welcoming at hospitality front office 3.3.1. Greeting 3.3.2. Duties after greeting 3.3.3. Organize welcoming important delegations which come from far away 3.3.4. Organizing appointments 3.3.5. Receiving guests 3.3.6. Solving customer’s complaints	3	2		5	10	Read main material (1), chapter 7
Test			1	1	2	
CHAPTER 4: EVALUATING EFFECTIVENESS OF ACTIVITIES AT HOSPITALITY FRONT OFFICE DEPARTMENT	6	4		10	20	
4.1. Evaluation criteria of effectiveness	3	1		4	8	Read

Contents	Teaching methods					Require ments for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Tota l		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
of activities at hospitality front office department 4.1.1. Turnover 4.1.2. Net revenue and potential revenue ratio 4.1.3. Other criteria						main material (1), chapter 6 Read main material (2), chapter 10
4.2. Managing of solutions in order to increase effectiveness of reception activities at hotel 4.2.1. Information management 4.2.2. Labour management 4.2.3. Price management 4.2.4. Services quality Management	3	3		6	12	Read main material (1), chapter 8 Read main material (2), chapter 5,8,9
CHAPTER 5: MANGAGING FRONT OFFICE IN HOTEL BUSINESS	9	2		11	22	
5.1. Managing hotel reservation process 5.1.1. Overview of booking and role of receptionist in sales and marketing 5.1.2. Content of hotel reservation 5.1.3. Room selling and incentive	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 3

Contents	Teaching methods					Require ments for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Tota l		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>policy</i> 5.1.4. Organize receiving room booking						Read main material (3), chapter 1
5.2. Check –in process management 5.2.1. Overview of hotel check-in procedure 5.2.2. Hotel check –in process 5.2.3. Organize checking- in hotel for customer	2			2	4	Read main material (1), chapter 5
5.3. Management of serving process during customer’s staying time 5.3.1. Overview of customer serving during customer’s staying time 5.3.2. Hotel serving process during customer’s staying time	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 5
5.4. Check – out process 5.4.1. Overview of hotel check – out process 5.4.2. Hotel check – out process management	2			2	4	Read main material (1), chapter 6
Test			1	1	2	
Total	34	9	2	45	90	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1295 /QĐ-TĐHHN, ngày 13 tháng 4 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị buồng khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Housekeeping operations management**
- Mã học phần: KTDL2533
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tại bộ phận buồng trong khách sạn, bao gồm: quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng; quản trị và vận hành khu vực buồng và khu vực công cộng, khu vực quản lý đồng phục và đồ vải, khu vực giặt là và

khu vực hoa; quản lý chất lượng dịch vụ buồng; đánh giá hiệu quả hoạt động bộ phận buồng. Nhằm giúp cho người học có thể phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tác nghiệp tại bộ phận buồng của một khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về quản trị tác nghiệp tại bộ phận buồng trong khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng hệ thống kiến thức của quản trị buồng để triển khai kế hoạch phục vụ tại bộ phận buồng, kỹ năng giải quyết tình huống tại bộ phận buồng; kỹ năng làm việc nhóm, làm báo cáo và trình diễn vấn đề trong tổ chức, doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.

+ Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

+ Sáng tạo trong ứng dụng kiến thức quản trị buồng vào thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về quản trị buồng khách sạn; quản lý lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận buồng; quản trị và vận hành khu vực buồng, khu vực công cộng, khu vực quản lý đồng phục và đồ vải, khu vực giặt là, khu vực hoa; quản lý chất lượng dịch vụ buồng; Đánh giá hiệu quả hoạt động bộ phận buồng.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Huỳnh Văn Hải (2015), *giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn*, NXB giáo dục Việt Nam.

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Tú (2005), *Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê, Hà Nội.

2. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Quản trị buồng từ lý thuyết đến thực tế*, NXB tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Tổng quan về quản trị buồng khách sạn	5			5	10	Đọc TLC1,2 Chương 1

1.1 Khái quát về hoạt động của bộ phận buồng 1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và các giai đoạn phục vụ buồng 1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của bộ phận buồng	2			2	4	Đọc TLC 1 Chương 1
1.2 Nội dung quản trị buồng 1.2.1 Khái niệm quản trị buồng 1.2.2 Nội dung cơ bản của quản trị buồng	3			3	6	Đọc TLC 1 Chương 1
Chương 2. Quản lý lao động và cơ sở vật chất của bộ phận buồng	6	2		8	16	
2.1 Quản lý lao động tại bộ phận buồng 2.1.1 Lập kế hoạch và tuyển dụng lao động 2.1.2 Bố trí và sử dụng lao động 2.1.3 Đánh giá, đào tạo và phát triển lao động	3	1		4	8	Đọc TLC 1 Chương 3
2.2 Quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật của bộ phận buồng 2.2.1 Bố trí các khu phòng dịch vụ 2.2.2 Quản lý hàng vải và đồng phục của nhân viên 2.2.3 Quản lý hàng đặt phòng 2.2.4 Quản lý trang thiết bị dụng cụ làm vệ sinh 2.2.5 Quản lý hóa chất làm sạch	3	1		4	8	Đọc TLC 1 Chương 2
Chương 3. Quản trị và vận hành khu vực buồng khách và khu vực công cộng	6	2		8	16	
3.1 Kỹ thuật làm vệ sinh 3.1.1 Sự cần thiết, yêu cầu, nguyên tắc làm vệ sinh 3.1.2 Chu kỳ làm vệ sinh	1			1	2	Đọc TLC 2 Chương 5
3.2 Quản trị và vận hành khu vực vệ sinh buồng khách 3.2.1 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu nhân sự khu vực vệ sinh buồng khách 3.2.2 Phân giao công việc và kiểm soát chuẩn bị đầu ca làm việc 3.2.3 Quản lý vệ sinh buồng khách 3.2.4 Quản lý công tác phục vụ khách lưu trú	2	1		3	6	Đọc TLC 2 Chương 5,7
3.3 Quản trị và vận hành khu vực	2	1		3	6	Đọc TLC 2

vệ sinh công cộng 3.3.1 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu nhân sự khu vực vệ sinh công cộng 3.3.2 Phân giao công việc và kiểm soát chuẩn bị đầu tư làm việc 3.3.3 Quản lý vệ sinh khu vực công cộng						Chương 5,7
3.4 An toàn và an ninh trong khách sạn 3.4.1 An toàn và an ninh trong buồng khách 3.4.2 Xử lý một số tình huống an ninh phổ biến trong khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 2 Chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4 Quản trị và vận hành khu vực quản lý đồng phục và đồ vải, khu vực giặt là và khu vực hoa	5	4		9	18	
4.1 Quản trị và vận hành khu vực quản lý đồng phục và đồ vải 4.1.1 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu nhân sự khu vực quản lý đồng phục và đồ vải 4.1.2 Thiết kế đồng phục và đồ vải 4.1.3 Cấp phát đồng phục và đồ vải 4.1.4 Báo cáo kiểm kê và xác định nguyên nhân thất thoát đồ vải	1			1	2	Đọc TLC 2 Chương 4
4.2 Quản trị và vận hành khu vực giặt là 4.2.1 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu nhân sự trong khu vực giặt là 4.2.2 Đặc điểm phương pháp làm sạch vải 4.2.3 Trang thiết bị dụng cụ khu vực giặt là 4.2.4 Quy trình giặt là và xử lý sự cố đồ vải 4.2.5 Tổ chức giặt là đồ của khách, đồng phục và đồ vải	2	2		4	8	Đọc TLC 2 Chương 4
4.3 Quản trị và vận hành khu vực hoa và cây cảnh 4.3.1 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu nhân sự trong khu vực giặt là 4.3.2 Bố trí khu vực hoa và cây cảnh	2	2		4	8	Đọc TLC 2 Chương 4

4.3.2.1 Hoa phòng khách						
4.3.2.2 Hoa và cây cảnh khu vực công cộng						
4.3.2.3 Hoa cho tiệc và hội nghị						
Chương 5. Quản lý chất lượng dịch vụ buồng	4	2		6	12	
5.1 Khái niệm, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ buồng 5.1.1 Khái niệm và vai trò của việc nâng cao chất lượng dịch vụ buồng 5.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ buồng	2	1		3	6	Đọc TLC 1 Chương 7
5.2 Quản lý chất lượng dịch vụ buồng 5.2.1 Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ buồng trong các cơ sở lưu trú 5.2.2 Một số phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ buồng 5.2.3 Một số phương thức quản lý chất lượng dịch vụ buồng	2	1		3	6	Đọc TLC 1 Chương 7
Chương 6. Đánh giá hiệu quả dịch vụ buồng khách sạn	6	1		7	14	
6.1 Một số chỉ số đánh giá hoạt động bộ phận buồng 6.1.1 Chỉ số về sự giữ phòng giữ chỗ 6.1.2 Chỉ số sự dụng phòng 6.1.3 Chỉ số về sử dụng lao động 6.1.4 Chỉ số khác	3	1		4	8	Đọc TLC 1 Chương 8
6.2 Phân tích lợi nhuận và chi phí của bộ phận buồng 6.2.1 Phân tích lợi nhuận 6.2.2 Phân tích chi phí	3			3	6	Đọc TLC 1 Chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

DETAILED COURSE SYLLABUS

THEORY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1295 /QĐ-TĐHHN, ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Course information

- Course title:
 - Vietnamese: **Quản trị buồng khách sạn**
 - English: **Housekeeping operations management**
- Course code: KTDL2533
- Course credit value: 03
- Objective learners: University students, Hospitality Management
- The position of the module in the training program:

General education knowledge ☐		Professional education knowledge ☒				
		Foundation knowledge of the major ☐		Knowledge of the major ☒		Internship and thesis ☐
Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☐	Optional ☐	Compulsory ☒	Optional ☐	

- Prerequisites: Management
- Total periods: 45 periods
 - Theories : 32 periods
 - Exercises : 11 periods
 - Tests : 02 periods
- Self-study: 90 hours
- Department in charge of the course: Tourism Administration Division,
Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

- Knowledge: After studying the module, students present basic knowledge of management at the hotel room division, including: labor management and technical

facilities at the chamber department; administration and operation of the chamber and public areas, uniform and linen management areas, laundry and flower areas; quality control of chamber services; evaluate the performance of chamber parts. In order to help learners can develop knowledge and skills in operational management in a hotel room division.

- + *Cognitive skill*: Understand the basics of operational management at the hotel room department.

- + *Professional skill*: Applying the knowledge system of chamber administration to deploy a service plan at the chamber department, problem solving skills at the chamber department; teamwork skills, reporting and problem performance in organizations and businesses.

- + *Team work skill*: Through discussion and practice, learners can memorize subject knowledge as well as the ability to present, discuss, and collaborate among members.

- + *Thinking skill*: From the knowledge provided in the module, learners can come up with measures or ways to solve the situation in each specific case.

- *Autonomy and responsibility*:

- + Actively prepare lessons before class, contribute ideas to build lessons. Responsible, self-conscious, actively participating in group work seriously, in collaboration with members in the research and discussion process.

- + Positive and proactive search for documents and information related to the content of the subject.

- + Innovative application of chamber management knowledge into practice.

3. Course description

The content of the module includes: overview of hotel room management; labor management and material facilities at the chamber department; managing and operating the chamber area, public areas, uniform and cloth management area, laundry area, flower area; quality control of chamber services; Evaluate chamber department performance.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), Curriculum of Hotel Business Management, National Economics University Press.
2. Huynh Van Hai (2015), professional curriculum serving hotel rooms, Vietnam Education Publishing House.

4.2. Further materials:

1. Nguyen Thi Tu (2005), Textbook of hotel service, Statistical Publishing House, Hanoi.
2. Nguyen Quyet Thang (2014), Administration of the chamber from theory to practice, Financial Publishing House.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- Group work method

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing ☒

Multiple choice ☐

Experiment ☐

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1: Overview of	5			5	10	Read main

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hotel room management						material (1), (2) Chapter 1
1.1 Overview of the operation of the chamber unit 1.1.1 Concept, characteristics and stages of room service 1.1.2 Functions, tasks and organizational structure of the chamber department	2			2	4	Read main material (1), chapter 1
1.2 Content of chamber administration 1.2.1 Chamber management concept 1.2.2 Basic content of chamber administration	3			3	6	Read main material (1), chapter 1
Chapter 2. Managing labor and facilities of the chamber department	6	2		8	16	
2.1 Labor management at the chamber department 2.1.1 Planning and recruiting workers 2.1.2 Arrangement and employer 2.1.3 Evaluation, training and labor development	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 3
2.2 Management of technical facilities of the chamber department 2.2.1 Arrangement of	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 2

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
service rooms 2.2.2 Manage fabric and employee uniforms 2.2.3 Manage booking goods 2.2.4 Management of sanitary equipment and devices 2.2.5 Management of cleaning chemicals						
Chapter 3. Administration and operation of the lounge area and public areas	6	2		8	16	
3.1 Cleaning technique 3.1.1 The necessity, requirements, principles cleaning 3.1.2 cleaning cycle	1			1	2	Read main material (2), chapter 5
3.2 Administration and operation of the toilet cubicle area 3.2.1 Functions, duties and personnel structure of the toilet area 3.2.2 Assignment of work and pre-shift preparation control 3.2.3 Managing guest room hygiene 3.2.4 Managing hotel guests service	2	1		3	6	Read main material (2), chapter 5, 7

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3 Administration and operation of public sanitation areas <i>3.3.1 Functions, responsibilities and personnel structure of public toilets</i> <i>3.3.2 Assignment of work and pre-shift preparation control</i> <i>3.3.3 Managing sanitation in public areas</i>	2	1		3	6	Read main material (2), chapter 5, 7
3.4 Safety and security in the hotel <i>3.4.1 Safety and security in the guest room</i> <i>3.4.2 Handle some common hotel security situations</i>	1			1	2	Read main material (2) Chapter 9
Test			1	1	2	
Chapter 4 Administration and operation of uniform and linen management areas, laundry and flower areas	5	4		9	18	
4.1 Administration and operation of uniform and cloth management areas <i>4.1.1 Functional responsibilities and personnel structure of uniform and cloth management areas</i> <i>4.1.2 Uniform and fabric</i>	1			1	2	Read main material (2), chapter 4

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
design 4.1.3 Distribution of uniforms and fabrics 4.1.4 Report inventory and identify causes of fabric loss						
4.2 Administration and operation of the laundry area 4.2.1 Functions, duties and personnel structure in the laundry area 4.2.2 Characteristics of the method of cleaning cloth 4.2.3 Laundry equipment and facilities 4.2.4 Laundry process and troubleshooting of fabric 4.2.5 Organize guest laundry, uniforms and linen	2	2		4	8	Read main material (2), chapter 4
4.3 Administration and operation of flower and ornamental areas 4.3.1 Functions, duties and personnel structure in the laundry area 4.3.2 Arrangement of flower and ornamental	2	2		4	8	Read main material (2), chapter 4

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
areas 4.3.2.1 Living room flowers 4.3.2.2 Flowers and ornamental plants in public areas 4.3.2.3 Flowers for parties and conferences						
Chapter 5. Managing the quality of accommodations	4	2		6	12	
5.1 A number of indicators to evaluate the chamber unit performance 5.1.1 Indicator of room reservation 5.1.2 Room occupancy index 5.1.3 Employment indicators 5.1.4 Other indicators	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 7
5.2 Management of chamber service quality 5.2.1 Procedures for managing the quality of room services in accommodation establishments 5.2.2 Several methods to assess the quality of	2	1		3	6	Read main material (1), chapter 7

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
accommodations 5.2.3 Some methods of managing chamber service quality						
Chapter 6. Evaluating hotel room service effectiveness	6	1		7	14	
6.1 Some indicators for evaluating chamber parts 6.1.1 Indicator of room reservation 6.1.2 Room occupancy index 6.1.3 Employment indicators 6.1.4 Other indicators	3	1		4	8	Read main material (1), chapter 8
6.2 Analysis of profits and costs of the chamber department 6.2.1 Profitability analysis 6.2.2 Cost analysis	3			3	6	Read main material (1), chapter 8
Test			1	1	2	Read the chapter 1, chapter 8
Total	32	11	2	45	90	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị nhà hàng và quầy bar**
 - Tiếng Anh: **Restaurant and Bar Management**
- Mã học phần: KTDL2535
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm và nội dung về quản trị nhà hàng và quầy bar. Nhận diện được các hoạt động trong công tác quản lý lao động và trang

thiết bị dụng cụ tại nhà hàng và quầy bar. Xây dựng được kế hoạch thực đơn và quản trị phục vụ ăn uống trong các cơ sở lưu trú.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* nhận diện được công tác quản trị nhà hàng và quầy bar.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, thực hiện công tác quản trị nhà hàng và quầy bar.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về quản trị nhà hàng và quầy bar.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm: tổng quan về quản trị nhà hàng và quầy bar, quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng và quầy bar, kế hoạch thực đơn, quản trị phục vụ ăn uống.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), *Giáo trình quản lý bar và thức uống*, NXB giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động-Xã hội.

3. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ QUẦY BAR	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Khái quát về hoạt động của nhà hàng và quầy bar <i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại nhà hàng và quầy bar</i> <i>1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của nhà hàng và quầy bar</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, phần 1
1.2. Nội dung quản trị nhà hàng và quầy bar <i>1.2.1. Khái niệm quản trị nhà hàng và quầy bar</i> <i>1.2.2. Nội dung cơ bản quản trị nhà hàng và quầy bar</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, phần 1
CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ TRANG THIẾT BỊ DỤNG CỤ TẠI NHÀ HÀNG VÀ QUẦY BAR	6	2		8	16	
2.1. Quản lý lao động tại nhà hàng và quầy bar <i>2.1.1. Xác định nhu cầu và tuyển dụng lao động</i> <i>2.1.2. Bố trí và sử dụng lao động</i> <i>2.1.3. Đào tạo, đánh giá và đãi ngộ lao động</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Quản lý trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng và quầy bar <i>2.2.1. Nhu cầu trang thiết bị dụng cụ</i> <i>2.2.2. Bố trí sắp xếp trang thiết bị</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dụng cụ 2.2.3. Kiểm soát trang thiết bị dụng cụ						
CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH THỰC ĐƠN	9	5		14	28	
3.1. Khái quát về món ăn, đồ uống 3.1.1. Khái niệm và phân loại món ăn 3.1.2. Khái niệm và phân loại đồ uống	1			1	2	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.2. Tâm lý, khẩu vị, tập quán ăn uống 3.2.1. Tâm lý, khẩu vị 3.2.2. Tập quán ăn uống	2	1		3	6	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.3. Khái niệm và phân loại thực đơn 3.3.1. Khái niệm thực đơn 3.3.2. Phân loại thực đơn	2			2	4	
3.4. Xây dựng thực đơn 3.4.1. Nguyên tắc xây dựng thực đơn 3.4.2. Quy trình xây dựng thực đơn và xác định giá bán	2	2		4	8	
3.5. Quản lý hệ thống thực đơn 3.5.1. Quản lý thực đơn món ăn 3.5.2. Quản lý thực đơn đồ uống 3.5.3. Quản lý thực đơn tiệc	2	2		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ PHỤC VỤ ĂN UỐNG	9	8		17	34	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Kỹ thuật phục vụ ăn uống 4.1.1. Kỹ thuật phục vụ món ăn 4.1.2. Kỹ thuật phục vụ đồ uống	2	2		4	8	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
4.2. Tổ chức phục vụ món ăn 4.2.1. Tổ chức phục vụ ăn chọn món (à la carte) 4.2.2. Tổ chức phục vụ ăn theo thực đơn (menu) 4.2.3. Tổ chức phục vụ ăn tự chọn (buffet) 4.2.4. Tổ chức phục vụ ăn tại buồng 4.2.5. Tổ chức phục vụ tiệc và hội nghị	3	3		6	8	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
4.3. Tổ chức phục vụ đồ uống 4.3.1. Tổ chức phục vụ đồ uống không cồn 4.3.2. Tổ chức phục vụ đồ uống có cồn	2	2		4	8	
4.4. Kiểm soát hoạt động phục vụ và xử lý một số tình huống 4.4.1. Kiểm soát hoạt động phục vụ ăn uống 4.4.2. Xử lý một số tình huống	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28	15	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị lưu trú**
 - Tiếng Anh: **Accommodation management**
- Mã học phần: KTDL2536
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Khái quát hóa được hệ thống cơ sở lưu trú trong du lịch, đặc điểm các dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật, nét đặc trưng, các yếu tố ảnh hưởng đến việc

lựa chọn các loại hình cơ sở lưu trú du lịch. Khái quát hóa hệ thống, xu hướng phát triển cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Trình bày được những vấn đề cơ bản của quản trị lưu trú.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể tóm tắt được những nội dung cơ bản về quản trị lưu trú, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị lưu trú của các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về quản trị lưu trú

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị lưu trú gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị lưu trú trong các doanh nghiệp du lịch; trình bày được các loại hình lưu trú, đánh giá chất lượng dịch vụ lưu trú trong du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ lưu trú; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị lưu trú. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Hương Lan (2013), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Lao động Xã hội.

2. Nguyễn Văn Đình, Hoàng Thị Lan Hương (2009), *Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Giáo trình quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động – Xã hội

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Lưu (2009), *Thị trường du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
3. GT Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch (2008) – Tổng cục du lịch
4. Nguyễn Đình Phan (2005), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động xã hội.
5. Phan Thăng (2009), *Quản trị chất lượng*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1 : Tổng quan về hệ thống cơ sở lưu trú du lịch.	9	2		11	22	
1.1 Khái niệm và nguồn gốc của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch. 1.1.1 Khái niệm hệ thống cơ sở lưu trú du lịch 1.1.2 Nguồn gốc cơ sở lưu trú du lịch	2				4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.2. Sơ lược về sự hình thành phát triển của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.3 Vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ hệ thống cơ sở lưu trú du lịch 1.3.1 Vai trò hệ thống cơ sở lưu trú du lịch 1.3.2 Vị trí hệ thống cơ sở lưu trú du lịch 1.3.3 Chức năng hệ thống cơ sở lưu trú du lịch 1.3.4 Nhiệm vụ hệ thống cơ sở lưu trú du lịch	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.4 Hoạt động cơ bản của các cơ sở lưu trú du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.5 Cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2: Các loại hình cơ sở lưu trú du lịch	8	3		11	22	
2.1 Khái niệm và ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Ý nghĩa của việc phân loại các loại hình lưu trú du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.2 Các loại hình cơ sở lưu trú du lịch	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn loại hình cơ sở lưu trú du lịch của khách sạn.	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3: Khách sạn	6	3		9	18	
3.1 Khách sạn trong hệ thống cơ sở lưu trú du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.2 Phân loại khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.3 Cơ sở vật chất kỹ thuật trong khách sạn	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.4 Tổ chức lao động trong khách sạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.5 Xếp hạng khách sạn	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
Chương 4: Hệ thống cơ sở	10	2		12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lưu trú du lịch ở Việt Nam.						
4.1 Hệ thống cơ sở lưu trú ở Việt Nam	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 4
4.2 Năng lực phục vụ của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam	4	1		5	10	Đọc TLC 2, chương 4
4.3 Xu hướng phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Quản trị sự kiện**
- Tiếng Anh: **Event management**
- Mã học phần: KTDL2505
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
- Bài tập: 08 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 135 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành,
Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị sự kiện người học trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện,

chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học trình bày và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị sự kiện.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác tổ chức sự kiện, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị sự kiện.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị sự kiện nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản trị các hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Các hoạt động chuẩn bị trước khi diễn ra sự kiện; chuẩn bị hậu cần tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Văn Nghiêm (2012), *Tổ chức sự kiện*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.
2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2013), *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Hà Nội.
3. TS. Thái Trí Dũng (2012), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Festival and special event management*- Johnny Allen, William O'toole, Ian McDonnell, Robert Harris- Wiley Australia Tourism Series.
2. University of Manitoba – Resource Guide: Special Event Planners.

3. Event Risk Management and Safety by Peter E. Tarlow in Front Matter

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SỰ KIỆN	5			5	10	
1.1. Khái quát về sự kiện 1.1.1. Khái niệm sự kiện 1.1.2. Các loại hình sự kiện 1.1.3. Các thành phần tham gia trong sự kiện.	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.4. Ý nghĩa của sự kiện						
1.2. Quản trị sự kiện 1.2.1 Khái niệm quản trị sự kiện 1.2.2 Các hoạt động cơ bản trong quản trị sự kiện 1.2.3 Các yếu tố tác động tới quản trị sự kiện	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 5
1.3. Ngành công nghiệp sự kiện 1.3.1 lịch sử ra đời của ngành sự kiện 1.3.2 các bộ phận hợp thành của ngành công nghiệp sự kiện 1.3.3 Xu hướng phát triển của ngành sự kiện trên thế giới 1.3.4 Tình hình tổ chức sự kiện ở Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SỰ KIỆN	8	2		10	20	
2.1. Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện 2.1.1. Khái niệm kế hoạch tổ chức sự kiện 2.1.2. Phân loại kế hoạch trong tổ chức sự kiện 2.1.3. Vai trò của kế hoạch trong tổ chức sự kiện	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.2. Nội dung lập kế hoạch	2	1		3	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong tổ chức sự kiện 2.2.1. Một số yêu cầu cơ bản và quy trình chung khi lập kế hoạch tổ chức sự kiện 2.2.2. Hệ thống hóa các hoạt động trong sự kiện						chương 2; Độc TLC 2, chương 3
2.3 Quá trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện 2.3.1 Xác định mục tiêu của sự kiện 2.3.2 Xác định chủ đề sự kiện 2.3.3 Xác định đối tượng đại biểu 2.3.4 Xây dựng chương trình kế hoạch 2.3.5 Lập thời gian biểu và lựa chọn địa điểm 2.3.6 Xác định ngân sách sự kiện 2.3.7 Tài trợ sự kiện	4	1		5	10	Độc TLC 1, chương 2,; Độc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ TRUYỀN THÔNG MARKETING SỰ KIỆN	6	2		8	16	
3.1 Những vấn đề pháp lý của quản trị sự kiện 3.1.1 Đàm phán và hợp đồng phục vụ sự kiện	3	1		4	8	Độc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2 Quy định, đăng ký và giấy phép 3.1.3 Nhãn hiệu và biểu tượng 3.1.4 An toàn an ninh và bảo hiểm sự kiện						
3.2 Truyền thông marketing sự kiện 3.1.1 khái niệm và vai trò của truyền thông marketing sự kiện 3.1.2 Các công cụ truyền thông marketing sự kiện 3.1.3 Nội dung truyền thông marketing sự kiện	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ HẬU CẦN CHO SỰ KIỆN	10	2		12	24	
4.1. Khái quát về quản trị hậu cần cho sự kiện 4.1.1. Khái niệm quản trị hậu cần cho sự kiện 4.1.2. Vai trò của quản trị hậu cần cho sự kiện	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
4.2. Quy trình chung trong quản trị hậu cần cho sự kiện 4.2.1. Lập kế hoạch về cung ứng dịch vụ 4.2.2. Lựa chọn các nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ 4.2.3. Thương lượng và ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.4. Kiểm soát và phối hợp cung ứng dịch vụ 4.2.5. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan.						
4.3. Chuẩn bị hậu cần sự kiện 4.3.1 Thành lập ban tổ chức sự kiện 4.3.2 Chuẩn bị các công việc có liên quan đến khách mời tham gia sự kiện 4.3.3 Chuẩn bị địa điểm tổ chức sự kiện 4.3.4 Chuẩn bị nhân lực cho sự kiện 4.3.5 Cung ứng dịch vụ lưu trú 4.3.6 Cung ứng dịch vụ ăn uống 4.3.7 Chuẩn bị các yếu tố khác cho sự kiện	6	1		7	14	Đọc TLC 2, chương 2
4.4. Dự tính và xử lý các sự cố trong sự kiện 4.4.1. Khái niệm sự cố trong sự kiện 4.4.2. Dự tính và xử lý các sự cố có liên quan đến chủ đề chính của sự kiện	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÁC HOẠT	8	2		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐỘNG CỦA SỰ KIỆN						
5.1. Tổ chức triển khai hoạt động của sự kiện <i>5.1.1. Tổ chức khai mạc sự kiện</i> <i>5.1.2. Tổ chức không gian, sân khấu, âm thanh, ánh sáng</i> <i>5.1.3. Tổ chức ăn uống trong sự kiện</i> <i>5.1.4. Tổ chức quay phim, chụp ảnh, và hoạt động giải trí</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 6
5.2. Đánh giá sự kiện <i>5.2.1. Hoạt động sau sự kiện và những tình huống</i> <i>5.2.2. Đánh giá hoạt động tổ chức sự kiện</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 6
5.3. Tổ chức một số loại hình sự kiện <i>5.3.1. Tổ chức hội nghị, hội thảo</i> <i>5.3.2. Tổ chức lễ khai trương, khánh thành</i> <i>5.3.3. Tổ chức giới thiệu sản phẩm mới</i> <i>5.3.4. Một số loại hình sự kiện khác</i>	5	1		6	12	Đọc TLC 2, chương 6
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Human resources management in hotel**
- Mã học phần: KTQU2507
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn, cụ thể như sau: Phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả

lương hiệu quả. Giúp sinh viên hiểu có một tầm nhìn rộng về quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong nhà hàng khách sạn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn gồm 7 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động trong khách sạn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động
2. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Giáo trình quản trị nhân lực căn bản*, NXB Thống kê.
3. Trần Kim Dung (2015), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TPHCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. John. M. Ivancevich (2010), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân
3. Nhiều tác giả (2012), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính
4. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2008), *Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐

Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn. <i>1.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2, chương 1. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực khách sạn <i>1.2.1. Nguồn nhân lực ngành khách sạn trong bối cảnh du lịch Việt Nam</i> <i>1.2.2. Quản trị nguồn nhân lực khách sạn.</i>	1			1	2	
1.3. Các lương pháp quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn. <i>1.3.1. Đặc điểm nguồn nhân lực trong khách sạn.</i> <i>1.3.2. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương tây</i> <i>1.3.3. Các phương pháp quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn.</i>	1			1	2	
CHƯƠNG 2. VAI TRÒ NHÂN LỰC TRONG	6	1		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN						
2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nhân lực trong khách sạn. <i>2.1.1. Khái niệm hoạch định nhân lực</i> <i>2.1.2. . Vai trò của hoạch định nhân lực trong khách sạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2, chương 2. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Nguyên tắc, yêu cầu và căn cứ hoạch định nguồn nhân lực <i>2.2.1. Nguyên tắc hoạch định nguồn nhân lực</i> <i>2.2.2. Yêu cầu hoạch định nguồn nhân lực</i> <i>2.2.3. Căn cứ hoạch định nguồn nhân lực.</i> <i>2.2.4. Các phương pháp phân tích công việc.</i>	2			2	4	
2.3. Nội dung hoạch định nguồn nhân lực trong khách sạn. <i>2.3.1. Hoạch định chiến lược nhân lực</i> <i>2.3.2. Hoạch định chiến thuật nhân lực</i> <i>2.3.3. Hoạch định tác nghiệp</i>	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nhân lực						
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC, ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN	7	2		9	18	
3.1. Công việc và chức danh công việc 3.1.1. Công việc 3.1.2. Chức danh công việc.	1			1	2	Đọc TLC 1,3, chương 3. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Phân tích công việc trong khách sạn. 3.2.1. Khái niệm phân tích công việc 3.2.2. Vai trò của phân tích công việc 3.2.3. phân tích công việc, mô tả công việc.	2	1		3	6	
3.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong khách sạn. 3.3.1. Những quan điểm cơ bản về đào tạo và phát triển. 3.3.2. Nguyên tắc học đến nguyên tắc lãnh đạo 3.3.3. Lên kế hoạch chương trình đào tạo.	1			1	2	
3.4. Quy trình phân tích công việc	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.1. Xác định sự phù hợp của cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ phận với chiến lược kinh doanh 3.4.2. Lập danh sách các chức danh cần phân tích 3.4.3. Xác định đối tượng tham gia phân tích công việc 3.4.4. Thu thập thông tin phân tích 3.4.5. Xây dựng sản phẩm phân tích công việc 3.4.6. Ban hành và sử dụng kết quả phân tích công việc 3.4.7. Điều chỉnh phân tích công việc.						
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN	5	1		6	12	
4.1. Khái niệm, vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn. 4.1.1. Khái niệm tổ chức bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn 4.1.2. Vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn <i>4.2.1. Chức năng của bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn</i> <i>4.2.2. Nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn.</i>	1			1	2	
4.3 Hình thức tổ chức của bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn <i>4.3.1. Theo cấu trúc giản đơn</i> <i>4.3.2. Theo cấu trúc chức năng</i> <i>4.3.3. Theo cấu trúc hỗn hợp</i> <i>4.3.4. Theo cấu trúc HRBP</i>	1			1	2	
4.4. Lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực trong khách sạn <i>4.4.1. Căn cứ lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực</i> <i>4.4.2. Nguyên tắc lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.5. Bộ máy chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực trong khách sạn. <i>4.5.1. Quy mô và cơ cấu bộ phận chuyên trách hoạt động</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quản trị nhân lực 4.5.2. Tiêu chuẩn đối với chức danh chuyên trách công tác nhân lực						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN	8	2		10	20	
5.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực trong khách sạn 5.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động quản trị nhân lực trong khách sạn 5.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực trong khách sạn	2			2	4	Đọc TLC 1,2 chương 5 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Nội dung của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực trong khách sạn. 5.2.1. Tổ chức hoạt động tuyển dụng trong khách sạn 5.2.2. Tổ chức hoạt động bố trí và sử dụng nhân lực 5.2.3. Tổ chức hoạt động đào tạo phát triển 5.2.4. Tổ chức hoạt động đánh giá thực hiện công việc	6	2		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhân lực</i> <i>5.2.5. Tổ chức hoạt động đãi ngộ nhân lực</i> <i>5.2.6. Tổ chức hoạt động khác</i>						
CHƯƠNG 6. TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC, QUAN HỆ LAO ĐỘNG TRONG KHÁCH SẠN	3	1		4	8	
6.1. Khái niệm và vai trò tạo động lực <i>6.1.1. Khái niệm tạo động lực</i> <i>6.1.2. Vai trò của tạo động lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2, chương 5,6 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Quy trình tạo động lực <i>6.2.1. Xác định nhu cầu của người lao động</i> <i>6.2.2. Phân loại nhu cầu của người lao động</i> <i>6.2.3. Thiết kế chương trình tạo động lực của người lao động</i> <i>6.2.4. Triển khai chương trình tạo động lực làm việc cho người lao động</i> <i>6.2.5. Đánh giá tạo động lực làm việc cho người lao động</i>	1			1	2	
6.3. Quan hệ lao động trong	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khách sạn. 6.3.1 Quan hệ lao động trong khách sạn. 6.3.2. Tranh chấp lao động 6.3.3. Đạo đức trong quản trị nhân sự.						
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG KHÁCH SẠN	4			4	8	
7.1. Khái niệm vai trò kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.1. Khái niệm kiểm soát quản trị nhân lực 7.1.2. Vai trò kiểm soát quản trị nhân lực trong khách sạn 7.1.3. Nguyên tắc kiểm soát quản trị nhân lực trong khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.2. Phân loại kiểm soát quản trị nhân lực trong khách sạn 7.2.1. Kiểm soát trước khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.2. Kiểm soát trong khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực 7.2.3. Kiểm soát sau khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Nội dung kiểm soát quản trị nhân lực trong khách sạn 7.3.1. Theo cách tiếp cận quá trình 7.3.2. Theo cách tiếp cận tác nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.4. Quy trình kiểm soát quản trị nhân lực trong khách sạn 7.4.1. Xác định tiêu chuẩn kiểm soát 7.4.2. Đo lường kết quả hoạt động quản trị nhân lực 7.4.3. Phân tích chênh lệch giữa tiêu chuẩn và kết quả thực hiện quản trị nhân lực 7.4.4. Tiến hành điều chỉnh hoạt động quản trị nhân lực	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược trong khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Strategic management in hotel**
- Mã học phần: KTQU2519
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị chiến lược trong khách sạn, cụ thể như sau: Các khái niệm về chiến lược, các mô hình chiến lược, xây dựng được chiến lược như phân tích các yếu tố môi trường, các quy trình

đánh giá lựa chọn chiến lược, các loại hình chiến lược giúp sinh viên hiểu và có một tầm nhìn rộng về quản trị chiến lược trong khách sạn.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 5 chương: tổng quan về quản trị chiến lược trong khách sạn, xây dựng chiến lược trong kinh doanh khách sạn, các loại hình chiến lược trong khách sạn, thực hiện đánh giá và điều chỉnh chiến lược, chiến lược trong môi trường toàn cầu hóa.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2018), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB ĐHKQTĐ.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2010), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, Đại học kinh tế Đà Nẵng
2. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang (2009), *Marketing du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2010), *Giáo trình marketing du lịch* NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Nguyễn Doãn Thị Liễu (2011), *Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch*, NXB Thống kê

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG KHÁCH SẠN	6	2		8	16	
1.1. Khái quát về quản trị chiến lược 1.1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp 1.1.2. Bản chất và ý nghĩa của quản trị chiến lược 1.1.3. Các giai đoạn của quản trị chiến lược	3	1		4	8	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.2. Khái quát về khách sạn và	3	1		4	8	Đọc TLC 1,2 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hoạt động kinh doanh trong khách sạn <i>1.2.1. Khái niệm khách sạn</i> <i>1.2.2. Các nội dung cơ bản của kinh doanh trong khách sạn</i>						
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	9	2		11	22	
2.1. Phân tích môi trường. <i>2.1.1. Phân tích môi trường bên ngoài</i> <i>2.1.2. Phân tích môi trường bên trong</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Mô hình xây dựng và phân tích chiến lược <i>2.2.1. Mô hình xây dựng chiến lược</i> <i>2.2.2. Các kỹ thuật phân tích định hướng chiến lược doanh nghiệp</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
2.3. Lựa chọn chiến lược <i>2.3.1. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược</i> <i>2.3.2. Quy trình lựa chọn chiến lược</i> <i>2.3.3. Mô hình phân tích và lựa chọn chiến lược</i>	3	1		4	8	
CHƯƠNG 3. CÁC LOẠI	6	2		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHIẾN LƯỢC TRONG KHÁCH SẠN						
3.1. Chiến lược cấp doanh nghiệp 3.1.1. Chiến lược tăng trưởng 3.1.2. Chiến lược suy giảm. 3.1.3. Chiến lược đổi mới	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Chiến lược chức năng 3.2.1. Chiến lược tác nghiệp 3.2.2. Chiến lược tài chính 3.2.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển 3.2.4. Chiến lược quản trị nguồn nhân lực 3.2.5. Chiến lược quản trị hệ thống thông tin 3.2.6. Chiến lược marketing	4	2		6	12	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC	6	2		8	16	
4.1. Thực hiện chiến lược 4.1.1. Nội dung chủ yếu của quá trình thực hiện chiến lược 4.1.2. Quản trị thay đổi trong thực hiện chiến lược 4.1.3. Tạo môi trường văn hoá hỗ trợ cho chiến lược	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2 Đánh giá và điều chỉnh chiến lược <i>4.2.1. Đánh giá việc thực hiện chiến lược</i> <i>4.2.2. Điều chỉnh việc thực hiện chiến lược</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
Chương 5. CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	6	2		8	16	
5.1. Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm quản trị chiến lược trong khách sạn <i>9.1.1. Những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hóa</i> <i>9.1.2. Những áp lực mà các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn phải đối mặt trước xu thế toàn cầu</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu <i>5.2.1. Chiến lược đa quốc gia</i> <i>5.2.2. Chiến lược xuyên quốc gia</i> <i>5.2.3 Chiến lược toàn cầu</i> <i>5.2.4. Chiến lược quốc tế</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị tài chính trong khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality financial management**
- Mã học phần: KTKN2610
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính trong khách sạn bao gồm: quản trị về vốn cố định, quản trị về vốn lưu động, các chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh khách sạn.
- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Giải thích được những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính khách sạn; Xây dựng mối liên hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong quản trị khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Phân tích được sự biến động tình hình tài chính khách sạn giúp người học có thể xây dựng và đưa ra quyết định tài chính để tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về quản trị tài chính khách sạn. Từ đó đề xuất các giải pháp sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động tình hình tài chính trong khách sạn đến nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về quản trị tài chính khách sạn, quản trị vốn kinh doanh, giá trị thời gian của tiền, quản trị dòng tiền trong hoạt động doanh nghiệp khách sạn, quản trị doanh thu, quản trị chi phí, quản trị lợi nhuận khách sạn và phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh khách sạn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

3. GS. TS Phạm Quang Trung (2012), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Thanh Hoà (2015), *Corporate Finance*, NXB Tài chính

2. Lưu Thị Hương, Vũ Duy Hào (2011), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Minh Kiều (2011), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Lao động xã hội.

4. TS. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH KHÁCH SẠN	3			3	6	
1.1. Khái niệm về quản trị tài chính khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
1.1.1. Khái niệm quản trị tài chính						Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khách sạn 1.1.3. Đặc điểm của quản trị tài chính khách sạn						chương 1;
1.2. Vai trò của quản trị tài chính khách sạn 1.2.1. Vai trò huy động vốn trong hoạt động kinh doanh khách sạn 1.2.2. Vai trò sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh khách sạn 1.2.3. Giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản trị tài chính khách sạn 1.3.1. Hình thức pháp lý của loại hình khách sạn 1.3.2. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh khách sạn 1.3.3. Môi trường kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ VỐN KINH DOANH TRONG KHÁCH SẠN	9	5	1	15	30	
2.1. Khái quát về quản trị vốn kinh doanh trong khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;3 Đọc TLC 2, chương 2;
2.2. Quản trị vốn cố định 2.2.1. Tài sản cố định và vốn cố định 2.2.2. Khấu hao tài sản cố định 2.2.3. Quản trị vốn cố định và hiệu quả sử dụng vốn cố định	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 2;3 Đọc TLC 2, chương 2;
2.3. Quản trị vốn lưu động 2.3.1. Tài sản lưu động và vốn lưu động 2.3.2. Nhu cầu vốn lưu động và các	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 2;3 Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động</i> 2.3.3. Quản trị vốn lưu động và hiệu quả sử dụng vốn lưu động						chương 2;
2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh 2.4.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh 2.4.2. Các biện pháp quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2;3 Đọc TLC 2, chương 2;
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. GIÁ TRỊ THỜI GIAN CỦA TIỀN VÀ QUẢN TRỊ DÒNG TIỀN TRONG KHÁCH SẠN	6	3		9	18	
3.1. Giá trị thời gian của tiền 3.1.1. Giá trị thời gian của một khoản tiền 3.1.2. Giá trị thời gian của một chuỗi tiền tệ 3.1.3. Xác định lãi suất	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 2;
3.2. Quản trị dòng tiền trong khách sạn 3.2.1. Khái niệm quản trị dòng tiền khách sạn 3.2.2. Vai trò của quản trị dòng tiền khách sạn 3.2.3. Lập kế hoạch dòng tiền trong khách sạn	3	2		5	10	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 1, chương 3;
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHI PHÍ, QUẢN TRỊ DOANH THU VÀ QUẢN TRỊ LỢI NHUẬN KHÁCH SẠN	6		2	8	16	
4.1. Quản trị chi phí khách sạn 4.1.1. Khái niệm chi phí của doanh nghiệp khách sạn	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4;5 Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.2. Phân loại chi phí của doanh nghiệp khách sạn 4.1.3. Quản lý chi phí						chương 4;
4.2. Quản trị doanh thu khách sạn 4.2.1. Khái niệm doanh thu của doanh nghiệp khách sạn 4.2.2. Phân loại doanh thu của doanh nghiệp khách sạn 4.2.3. Quản lý doanh thu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4;5 Đọc TLC 3, chương 4;
4.3. Quản trị lợi nhuận khách sạn 4.3.1. Khái niệm lợi nhuận của doanh nghiệp khách sạn 4.3.2. Phân loại lợi nhuận của doanh nghiệp khách sạn 4.3.3. Quản lý lợi nhuận	2			2	4	Đọc TLC 1, chương4;5 Đọc TLC 3, chương 4;
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH KHÁCH SẠN	6	4		10	20	
5.1. Phân tích tài chính khách sạn 5.1.1. Một số vấn đề chung về phân tích tài chính 5.1.2. Phân tích tình hình tài chính qua hệ thống báo cáo tài chính 5.1.3. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính	2	2		4	8	Đọc TLC 2, chương 6;
5.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh khách sạn 5.2.1. Phương pháp phân tích kết quả kinh doanh 5.2.2. Quản trị chính sách và kế hoạch kinh doanh khách sạn	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	30	12	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Quality management of hotel services**
- Mã học phần: KTDL2537
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, major in Hotel Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày, nhận diện được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn của các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị chất lượng dịch vụ du lịch gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về chất lượng dịch vụ và đánh giá chất lượng dịch vụ; quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ khách sạn; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Ngọc Sự, Nguyễn Đình Phan (2012), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
3. Đỗ Thị Ngọc (2015), *Quản trị chất lượng*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2001), *Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn – du lịch*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Đình Phan (2005), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động xã hội.

3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Hương Lan (2008), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Lao động Xã hội.

4. Nguyễn Văn Đình, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

5. Nguyễn Thị Nguyên Hồng (2014), *Quản trị dịch vụ*, NXB Thống kê.

6. Tổng cục Du lịch (2006), *Luật Du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
 - Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
 - Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
 - Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)	Giờ	

	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng	tự học	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	8			8	16	
1.1. Khái quát về dịch vụ 1.1.1. <i>Khái niệm, phân loại, đặc điểm và cấu thành dịch vụ</i> 1.1.2. <i>Khách hàng</i> 1.1.3. <i>Mô hình quản trị trong doanh nghiệp dịch vụ</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Chất lượng dịch vụ 1.2.1. <i>Khái niệm chất lượng dịch vụ</i> 1.2.2. <i>Đặc điểm chất lượng dịch vụ</i> 1.2.3. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ</i> 1.2.4. <i>Chi phí chất lượng dịch vụ</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
1.3. Đánh giá chất lượng dịch vụ 1.3.1. <i>Các mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ</i> 1.3.2. <i>Các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ</i> 1.3.3. <i>Phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ</i> 1.3.4. <i>Quản trị lỗi hỏng chất lượng dịch vụ</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH SẠN	6	4		10	20	
2.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn 2.1.1. <i>Khái niệm quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)			Giờ tự học		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Đặc điểm quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn 2.1.3. Nguyên tắc quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn						
2.2. Nội dung quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn 2.2.1. Xác định chính sách và mục tiêu chất lượng dịch vụ khách sạn 2.2.2. Hoạch định chất lượng 2.2.3. Kiểm soát chất lượng dịch vụ khách sạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
2.3. Triển khai hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn 2.3.1. Vòng tròn chất lượng dịch vụ 2.3.2. Các bước triển khai hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH SẠN	8	5		13	26	
3.1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách sạn 3.1.1. Khái niệm đảm bảo chất lượng dịch vụ khách sạn 3.1.2. Công cụ kiểm soát chất lượng dịch vụ khách sạn 3.1.3. Điều khiển chất lượng dịch vụ 3.1.4. Chương trình nhân sự đảm	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Giờ tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
bảo chất lượng dịch vụ 3.1.5. Bảo hành dịch vụ						
3.2. Cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch 3.2.1. Khái niệm cải tiến chất lượng dịch vụ 3.2.2. Cải tiến không ngừng sự tin cậy của dịch vụ du lịch 3.2.3. Chương trình cải tiến chất lượng dịch vụ khách sạn	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 7
3.3. Phát triển các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch 3.3.1. Tạo lập sự gần gũi với khách hàng 3.3.2. Soạn thảo những tiêu chuẩn dịch vụ thích hợp 3.3.3. Xác lập các tiêu chuẩn mở rộng 3.3.4. Đào tạo và đánh giá lại 3.3.5. Xây dựng hệ thống thưởng hợp lý	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. NHỮNG TIÊU CHUẨN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH SẠN	7	5		12	24	
4.1. Quản trị chất lượng theo ISO 9000 4.1.1. Khái quát về ISO 9000 4.1.2. Triết lý, nguyên tắc và lợi ích căn bản của ISO 9000	4	2		6	12	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)			Giờ tự học		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3. Mô hình và yêu cầu của ISO 9001:2008 4.1.4. Áp dụng ISO 9000 trong khách sạn						
4.2. Quản trị chất lượng đồng bộ 4.2.1. Khái quát về TQM 4.2.2. Nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của TQM 4.2.3. Áp dụng TQM trong kinh doanh khách sạn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4
4.3. Một số tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng khác 4.3.1. Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000 4.3.2. Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 4.3.3. Hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ theo thương hiệu	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**
 - Tiếng Anh: **Electronic commerce**
- Mã học phần: KTQU2590
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27.5 tiết
 - Bài tập: 15.5 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong nhà hàng khách sạn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thương mại điện tử cung cấp cho người học các nội dung cơ bản của thương mại điện tử như: tổng quan về thương mại điện tử; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử; các mô hình thương mại điện tử; vấn đề an ninh và bảo mật trong thương mại internet, và quản trị chiến lược thương mại điện tử.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Hòe (2008), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Văn Minh (2011), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Thống kê.

3. Nguyễn Văn Hồng (2011), *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ Thương mại – trung tâm Thông tin Thương mại (2006), *Thương mại điện tử giành cho doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

2. Minh Quang (2009), *Những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử*, NXB Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	6	1		7	14	
1.1. Khái niệm về thương mại điện tử 1.1.1. Định nghĩa thương mại điện tử 1.1.2. Đặc trưng của thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử 1.2.1. Giai đoạn sơ khai của thương mại điện tử 1.2.2. Giai đoạn thương mại thông tin 1.2.3. Giai đoạn thương mại giao dịch 1.2.4. Giai đoạn thương mại tích hợp	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Lợi ích của thương mại điện tử 1.3.1. Lợi ích đối với các tổ chức 1.3.2. Lợi ích đối với người tiêu dùng 1.3.3. Lợi ích đối với xã hội	1.5	0.5		1.5	3	Độc TLC 1, chương 1; Độc TLC 2, chương 1; Độc TLC 3, chương 1
1.4. Hạn chế của thương mại điện tử 1.4.1. Hạn chế về kỹ thuật 1.4.2. Hạn chế về thương mại	0.5	0.5		1	2	Độc TLC 1, chương 1; Độc TLC 2, chương 1; Độc TLC 3, chương 1
1.5 Những lĩnh vực ứng dụng của thương mại điện tử 1.5.1. Thương mại hàng hóa dịch vụ điện tử 1.5.2. Ngân hàng, tài chính điện tử 1.5.3. Đào tạo trực tuyến 1.5.4. Xuất bản trực tuyến 1.5.5. Giải trí trực tuyến 1.5.6. Dịch vụ việc làm trực tuyến 1.5.7 Dịch vụ công trực tuyến	1.5			1.5	3	Độc TLC 1, chương 1; Độc TLC 2, chương 1; Độc TLC 3, chương 1
1.6 Một số vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử 1.6.1. Vấn đề riêng tư 1.6.2. Quyền sở hữu trí tuệ 1.6.3. Quảng cáo điện tử không mong đợi 1.6.4. Đánh thuế kinh doanh trên internet	1			1	2	Độc TLC 1, chương 1; Độc TLC 2, chương 1; Độc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	3		7	14	
2.1. Thị trường thương mại	1			1	2	Độc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử 2.1.1. Khái niệm thị trường thương mại điện tử 2.1.2. Bản chất của thị trường thương mại điện tử 2.1.3 Phân loại thị trường thương mại điện tử 2.1.4 Tương lai phát triển của thị trường thương mại điện tử						Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.1. Định nghĩa về trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.2 Lợi ích của EDI 2.2.3 Tương lai phát triển của EDI	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Thương mại internet 2.3.1. Khái niệm về thương mại internet 2.3.2 Chuỗi giá trị trong thương mại internet 2.3.3 Hệ thống thanh toán trong thương mại internet	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ AN NINH, BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI INTERNET	4.5	3.5		8	16	
3.1. An ninh trong thương mại internet 3.1.1. Các nguy cơ và hình thức tấn công đe dọa an toàn thương mại điện tử 3.1.2. Các yếu tố đảm bảo an toàn trong thương mại điện tử	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.2. Kỹ thuật mã hóa thông	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tin 3.2.1. Mã hóa khoá bí mật 3.2.2. Mã hóa khóa công cộng 3.2.3. Chữ ký điện tử						Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.3. Chứng thực điện tử						Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.4. Các giao thức an toàn 3.4.1. Cơ chế bảo mật SSL 3.4.2. Cơ chế bảo mật SET	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
3.5. Công nghệ an toàn mạng 3.5.1. Các kiểm soát của hệ điều hành 3.5.2. Phần mềm chống virus						Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	6	5		11	22	
4.1. Tổng quan về mô hình giao dịch điện tử 4.1.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử 4.1.2. Một số hệ thống giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.3. Các chủ thể tham gia giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.4 Các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.2. Mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
B2C 4.2.2. Các phương thức thương mại điện tử B2C 4.2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong giao dịch điện tử B2C						
4.3. Mô hình giao dịch điện tử B2B 4.3.1. Khái niệm về giao dịch điện tử B2B 4.3.2. Các phương thức thương mại điện tử B2B	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
4.4. Mô hình giao dịch chính phủ điện tử 4.4.1. Khái niệm về Chính phủ điện tử 4.4.2. Vai trò và chức năng của Chính phủ điện tử 4.4.3. Lợi ích của Chính phủ điện tử 4.4.4. Các mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử	1.5	2		3.5	7	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	7	3		10	20	
5.1. Chiến lược thương mại điện tử 5.1.1. Khái niệm về chiến lược thương mại điện tử 5.1.2. Một số chiến lược thương mại điện tử	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5
5.2. Quản trị chiến lược thương mại điện tử 5.2.1. Khái niệm về quản trị chiến lược thương mại điện tử 5.2.2. Quy trình quản trị	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
<i>chiến lược thương mại điện tử</i>							
5.3. Hoạch định chiến lược thương mại điện tử 5.3.1. Nghiên cứu thị trường 5.3.2. Phân tích môi trường cạnh tranh 5.3.3. Xác định, lựa chọn chiến lược thích nghi	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5	
5.4. Tổ chức, triển khai chiến lược thương mại điện tử 5.4.1. Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử 5.4.2. Xây dựng, duy trì và phát triển website 5.4.3. Đề ra chính sách marketing trực tuyến 5.4.4. Lựa chọn phương án thanh toán điện tử 5.4.5. Lựa chọn phương án an toàn và bảo mật trên mạng	1.5	1		2.5	5	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5	
5.5. Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử 5.5.1. Kiểm tra lại các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp 5.5.2. Đo lường đánh giá các kết quả kinh doanh 5.5.3. Điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử	1.5	1		2.5	5	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10 Đọc TLC 3, chương 5	
Kiểm tra				1	1	2	
Cộng	27.5	15.5		2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin quản lý khách sạn**

Tiếng Anh: **Hotel management Information Systems**

Mã học phần: KTQU2612

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về thông tin và hệ thống thông tin quản lý trong khách sạn; cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản

lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý khách sạn, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng quản lý thông tin vào trong hoạt động quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần hệ thống thông tin quản lý khách sạn trình bày các vấn đề như: tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin quản lý, cơ sở tổ chức hệ thống thông tin quản lý, phương pháp phân tích hệ thống thông tin quản lý, xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp, quản lý và phát triển hệ thống thông tin.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Trần Thị Song Minh (2012), *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Văn Mạnh (2013), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Văn Ba (2002), *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THÔNG TIN VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN	4			4	8	Đọc TLC (2). Trang: 17 – 37. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Khái niệm, vai trò về thông tin, hệ thống thông tin	1			1	2	
1.1.1 Khái niệm thông tin, hệ thống thông tin						
1.1.2 Vai trò của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp						
1.2. Yêu cầu đối với thông tin	0,5			0,5	1	
1.3. Phân loại thông tin	1			1	2	
1.3.1. Theo mức độ tự động hóa						

1.3.2. Theo mức độ ra quyết định					
1.3.3. Theo hình thức thể hiện					
1.3.4. Theo mục đích phục vụ của thông tin đầu ra					
1.4. Những trở ngại trong việc thông tin	0,5			0,5	1
1.5. Hướng đến một hệ thống thông tin có hiệu quả	0,5			0,5	1
1.6. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống thông tin	0,5			0,5	1
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	6	1		7	14
2.1 Quy trình thông tin quản lý					
2.1.1. Khái niệm quản lý					
2.1.2. Các chức năng của quản lý	2			2	4
2.1.3. Phân cấp quản lý					
2.1.4. Quy trình thông tin quản lý					
2.2 Tổ chức bộ máy quản lý khách sạn					
2.2.1. Yêu cầu tổ chức bộ máy quản lý khách sạn	3	1		4	8
2.2.2. Các kiểu cơ cấu tổ chức khách sạn					
2.3 Cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý khách sạn					
2.3.1 Tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu					
2.3.2 Tiếp cận cơ sở dữ liệu cho quản lý dữ liệu trong hệ thống thông tin	1			1	2
2.3.3 Các mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu					
2.3.4 Các loại hình cơ sở dữ liệu					
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	5	2		7	14

Đọc TLC (1). Trang: 15 – 33.
Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Đọc TLC (1). Trang: 45 – 67

3.1 Hệ thống và phân tích hệ thống	1			1	2	
3.2 Các nguyên tắc phân tích hệ thống thông tin	1			1	2	
3.3 Một số phương pháp thu thập thông tin	1			3	6	
3.4 Phương pháp tiếp cận thông tin	1	1		2	4	
3.5 Phương pháp phân tích hệ thống thông tin	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	8	2		10	20	Đọc TLC (2). Trang: 76 – 107. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Khái niệm thiết kế hệ thống thông tin quản lý	1			1	2	
4.2 Điều kiện thiết kế hệ thống thông tin quản lý	2			2	4	
4.3 Nội dung của xây dựng kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin quản lý khách sạn	2	1		3	6	
4.3.1 Chuẩn bị lập kế hoạch thiết kế hệ thống thông tin						
4.3.2 Lập kế hoạch hệ thống thông tin						
4.3.3 Phương pháp thiết kế hệ thống thông tin quản lý						
4.3.4 Kế hoạch ứng dụng hệ thống thông tin						
4.4 Các hệ thống đăng (Computerized Reservation System), và Kết nối dịch vụ toàn cầu (Global Distribution Systems - GDS) và Quản lý phòng (Room Mangement)	3	1			6	
4.4.1 Tổng quan về CRS và GDS						
4.4.2 Các loại CRS và GDS						

CHƯƠNG 5 CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	8	2		10	20	
5.1 Hệ thống thông tin tài chính						
5.1.1 Khái quát về hệ thống thông tin tài chính	1			1	2	
5.1.2 Phân loại hệ thống thông tin tài chính theo mức quản lý						
5.1.3 Phần mềm quản lý tài chính						
5.2 Hệ thống thông tin marketing						
5.2.1 Khái quát về hệ thống thông tin marketing	1			1	2	
5.2.2 Phân loại hệ thống thông tin marketing theo mức quản lý						
5.2.3 Phần mềm quản lý marketing						
5.3 Hệ thống thông tin quản trị nguồn nhân lực						
5.3.1 Khái quát về hệ thống thông tin quản trị nguồn nhân lực	2	1		3	6	
5.3.2 Phân loại hệ thống thông tin quản trị nguồn nhân lực theo mức quản lý						
5.3.3 Phần mềm quản trị nguồn nhân lực						
5.4 Hệ thống thông tin quản trị quan hệ khách hàng CRM						
5.4.1 Khái niệm về CRM	2			2	4	
5.4.2 Hệ thống CRM						
5.4.3 Ba giai đoạn của CRM						
5.4.4 Lợi ích và thử thách của CRM						
5.5 Hệ thống quản trị tích hợp khách sạn						
5.5.1 Khái niệm hệ thống tích hợp doanh nghiệp ERP	2	1		3	6	
5.5.2 Lợi ích và thử thách khi triển khai ERP						

Đọc TLC (1). Trang: 40 – 110. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

5.5.3 Xu thế phát triển ERP							
CHƯƠNG 6 PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁCH SẠN	5			5	10	Đọc TLC (1). Trang: 111 – 200. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên	
6.1 Quy trình triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khách sạn khách sạn	2			2	4		
6.1.1 Tổng quan về quy trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin							
6.1.2 Các giải pháp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin							
6.1.3 Lựa chọn giải pháp triển khai và các vấn đề liên quan							
6.1.4 Tích hợp ứng dụng vào thực tiễn nghiệp vụ khách sạn							
6.1.5 Vấn đề tái thiết quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ thông tin							
6.1.6 Quản trị quá trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin							
6.2 Phát triển hệ thống thông tin quản lý khách sạn	3			3	6		
6.2.1 Phát triển hệ thống thông tin với quá trình đổi mới tổ chức							
6.2.2 Quá trình phát triển hệ thống thông tin có cấu trúc							
6.2.3 Các phương pháp hiện đại ứng dụng trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin							
6.2.3 Các phương pháp hiện đại ứng dụng trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin							
Kiểm tra			1	1	2		
Cộng	36	7	2	45	90		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Security for Hospitality and Hotel Management**
- Mã học phần: KTDL2538
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiep □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học trình bày được các khái niệm về an toàn, an ninh; nhận diện được công tác quản lý an toàn, an ninh trong khách sạn; đồng thời biết áp dụng

quy trình quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, vận dụng các kỹ năng quản lý đồ lost and found.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Nhận diện được các hoạt động quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn như: quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, an toàn trong công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý đồ lost and found.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý an toàn, an ninh trong khách sạn.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, thực hiện công tác quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc đảm bảo an toàn, an ninh trong khách sạn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn.

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau.

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn bao gồm những nội dung chính về công tác quản lý an ninh an toàn, quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, an toàn trong phòng cháy chữa cháy, quản lý đồ lost and found.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Tổng cục du lịch (2015), *VTOS – Nghiệp vụ an ninh khách sạn*.

3. Nguyễn Thanh Bình (2013), *Giáo trình bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn trong nhà hàng*, NXB Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội.

2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN, AN NINH	4			4	8	
1.1. Khái niệm về an toàn, an ninh phòng ở khách sạn <i>1.1.1. Khái niệm về an ninh</i> <i>1.1.2. Khái niệm về an toàn</i>	1			1	2	Đọc TLC2, phần 1 Đọc TLC 3, phần 1
1.2. Tầm quan trọng của công tác an toàn an ninh <i>1.2.1. Tổ chức bộ máy an ninh</i> <i>1.2.2. Những tác hại của môi trường làm việc không an toàn, an ninh</i>	1			1	2	Đọc TLC2, phần 1 Đọc TLC 3, phần 1
1.3. Các biện pháp phòng ngừa, giữ gìn an toàn, an ninh <i>1.3.1. Những nguyên nhân chính gây mất an toàn</i> <i>1.3.2. Những nguyên nhân chủ yếu gây mất an ninh</i> <i>1.3.3. Các quy định về an toàn, an ninh</i>	1			1	2	Đọc TLC2, phần 1 Đọc TLC 3, phần 1
1.4. Ngăn ngừa những hành động khả nghi, trộm cắp <i>1.4.1. Ngăn ngừa những hành động khả nghi</i> <i>1.4.2. Ngăn ngừa những hành động trộm cắp</i>	1			1	2	Đọc TLC2, phần 1 Đọc TLC 3, phần 1
CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN AN TOÀN TRONG KHÁCH SẠN	6	2		8	16	
2.1. Các phương tiện an toàn trong khách sạn <i>2.1.1. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy</i> <i>2.1.2. Các phương tiện an toàn</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Quản lý các thiết bị an toàn ở khách sạn <i>2.2.1. Quản lý thiết bị khóa cửa</i> <i>2.2.2. Quản lý kết an toàn</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 2, phần 1
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. AN TOÀN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	9	2		11	22	
3.1. Các nguyên nhân gây hỏa hoạn	1			1	2	Đọc TLC 2, phần 2 Đọc TLC 3, phần 3
3.2. Các trang thiết bị PCCC	1			1	2	
3.3. Cách sử dụng các phương tiện cứu hỏa thông thường	2			2	4	
3.4. Các quy định về phòng cháy chữa cháy	1			1	2	
3.5. Nội dung bảng hướng dẫn thoát hiểm khi có hỏa hoạn <i>3.5.1. Khi khách nhận phòng</i> <i>3.5.2. Khi có hỏa hoạn</i> <i>3.5.3. Khi khách rời phòng</i> <i>3.5.4. Nếu khách phải ở trong phòng</i>	1	1		2	4	
3.6. Nguyên tắc sử dụng thiết bị chữa cháy	1			1	2	
3.7. Sơ cứu nạn nhân bị tai nạn nhẹ	2	1		3	6	
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ ĐỒ LOST AND FOUND	4	1		5	10	
4.1. Tổ chức quản lý đồ Lost and found	0,5			0,5	1	Đọc TLC (2) trang 82 – 92
4.2. Trang thiết bị lưu giữ và xử lý <i>4.2.1. Trang bị dụng cụ</i>	1			1	2	Đọc TLC (2) trang 92 - 95

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Các biểu mẫu quản lý						
4.3. Quy trình xử lý 4.3.1. Quy trình trao đổi thông tin 4.3.2. Lập biên bản, bảo quản, giao nộp đồ	1	1		2	4	Đọc TLC (2) trang 111 - 117
4.4. Nguyên tắc bảo quản lưu giữ 4.4.1. Nguyên tắc bảo quản trong tủ 4.4.2. Thời gian bảo quản lưu giữ	0,5			0,5	1	
4.5. Xử lý trao trả 4.5.1. Trường hợp có khách đến nhận trực tiếp 4.5.2. Trường hợp người nhận do khách ủy quyền 4.5.3. Trường hợp khách yêu cầu gửi qua đường bưu điện 4.5.4. Trường hợp không có khách đến nhận	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị trang thiết bị khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Facilities Management**
- Mã học phần: KTDL2539
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiep □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày được khái niệm, vai trò quản trị trang thiết bị khách sạn, các loại trang thiết bị khách sạn và nội dung của quản trị trang thiết bị khách sạn.

Thiết kế mặt bằng tổng thể, chi tiết, kiến trúc cảnh quan, bố trí các khu vực lưu trú, ăn uống, giải trí trong khách sạn; lập kế hoạch mua sắm, quá trình mua sắm, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thay thế trang thiết bị khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Nhận diện và khái quát hóa được các nội dung quản trị trang thiết bị khách sạn.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, quản trị trang thiết bị khách sạn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm: tổng quan về quản trị trang thiết bị khách sạn, phương án xây dựng và mặt bằng công nghệ kinh doanh trong khách sạn, lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị, quá trình mua sắm, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế trang thiết bị khách sạn.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), *Giáo trình quản lý bar và thức uống*, NXB giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TRANG THIẾT BỊ KHÁCH SẠN	3	2		5	10	
1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị trang thiết bị khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1. Khái niệm quản trị trang thiết bị khách sạn 1.1.2. Vai trò của quản trị trang thiết bị khách sạn						
1.2. Các loại chi phí liên quan đến trang thiết bị khách sạn 1.2.1. Chi phí đầu tư ban đầu 1.2.2. Chi phí hoạt động 1.2.3. Chi phí bảo dưỡng và hiện đại hóa	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1
1.3. Các loại trang thiết bị khách sạn và nội dung quản trị trang thiết bị khách sạn 1.3.1. Các loại trang thiết bị khách sạn 1.3.2. Nội dung quản trị trang thiết bị khách sạn	1	1		2	4	
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG VÀ MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ KINH DOANH TRONG KHÁCH SẠN	3	2		5	10	
2.1. Phương án xây dựng khách sạn 2.1.1. Thiết kế mặt bằng tổng thể 2.1.2. Thiết kế kiến trúc và cảnh quan trong khách sạn 2.1.3. Thiết kế chi tiết	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Mặt bằng công nghệ kinh doanh trong khách sạn 2.2.1. Bố trí khu phục lưu trú	2	1		3	6	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Bố trí khu vực ăn uống và giải trí						
CHƯƠNG 3. LẬP KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ KHÁCH SẠN	4	1		5	10	
3.1. Căn cứ lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị khách sạn 3.1.1. Hệ thống trang thiết bị điện nước 3.1.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 3.1.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 3.1.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống	1			1	2	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.2. Nguồn cung ứng trang thiết bị khách sạn 3.2.1. Yêu cầu đối với các nhà cung ứng trang thiết bị khách sạn 3.2.2. Hợp đồng cung ứng trang thiết bị	2	1		3	6	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.3. Danh mục mua sắm các trang thiết bị khách sạn 3.3.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 3.3.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 3.3.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUÁ TRÌNH MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ KHÁCH SẠN	4			4	8	
4.1. Mua sắm trang thiết bị khách sạn theo hợp đồng 4.1.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 4.1.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 4.1.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 4.1.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống	2			2	4	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
4.2. Mua sắm trang thiết bị khách sạn không theo hợp đồng 4.2.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 4.2.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 4.2.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 4.2.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống	2			2	4	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
CHƯƠNG 5. SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ KHÁCH SẠN	4	1		5	10	
5.1. Quy trình sử dụng trang thiết bị	2			2	4	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khách sạn theo hợp đồng 5.1.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 5.1.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 5.1.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 5.1.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống						chương 5
5.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị khách sạn không theo hợp đồng 5.2.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 5.2.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 5.2.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 5.2.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10
CHƯƠNG 6. BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG, THAY THẾ TRANG THIẾT BỊ KHÁCH SẠN	4			4	8	
6.1. Bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị khách sạn 6.1.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 6.1.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 6.1.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống						
6.2. Thay thế trang thiết bị khách sạn 6.2.1. Hệ thống trang thiết bị điện và nước 6.2.2. Hệ thống thiết bị làm nóng và thiết bị làm lạnh 6.2.3. Hệ thống thiết bị nghe nhìn và âm thanh, ánh sáng 6.2.4. Hệ thống trang thiết bị giặt là và trang thiết bị dịch vụ ăn uống	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Marketing khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hospitality Marketing**
- Mã học phần: KTDL2540
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh khách sạn cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Khái quát hóa được những vấn đề về marketing khách sạn.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể trình bày được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing khách sạn trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần marketing khách sạn gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh khách sạn cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong kinh doanh khách sạn. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2015), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân.
2. Nguyễn Hoàn (2014), *Giáo trình marketing căn bản*, ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hà Nam Khánh Giao (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Tổng hợp.

2. Nguyễn Trùng Khánh (2006), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING KHÁCH SẠN	5			5	10	
1.1. Marketing khách sạn 1.1.1. Khái niệm marketing khách	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sạn 1.1.2. Bản chất của marketing khách sạn 1.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ phận marketing khách sạn						Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 10
1.2. Sự cần thiết của marketing khách sạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Marketing mix trong khách sạn 1.3.1. Khái niệm marketing mix trong khách sạn 1.3.2. Các thành phần của marketing mix trong khách sạn	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	1		4	8	
2.1. Thị trường trong kinh doanh khách sạn 2.1.1. Đặc điểm thị trường trong kinh doanh khách sạn 2.1.2. Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2
2.2. Phân đoạn thị trường trong kinh doanh khách sạn 2.2.1. Khái niệm phân đoạn thị trường trong kinh doanh khách sạn 2.2.2. Các tiêu thức để phân đoạn thị trường trong kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu trong kinh doanh khách sạn 2.3.1. <i>Khái niệm thị trường du lịch mục tiêu</i> 2.3.2. <i>Các phương án lựa chọn thị trường mục tiêu trong kinh doanh khách sạn</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	2		5	10	
3.1. Sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 3.1.1. <i>Khái niệm sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> 3.1.2. <i>Phân loại sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> 3.1.3. <i>Các đặc tính của sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> 3.1.4. <i>Cấp độ của sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Quyết định nhãn hiệu sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 3.2.1. <i>Khái niệm nhãn hiệu sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> 3.2.2. <i>Quyết định nhãn hiệu sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2
3.3. Chu kì sống của sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 3.3.1. <i>Khái niệm chu kỳ sống của sản</i>	1	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phẩm trong kinh doanh khách sạn 3.3.2. Các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm trong kinh doanh khách sạn						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	4	1		5	10	
4.1. Những yếu tố tác động đến việc định giá sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 4.1.1. Yếu tố bên trong doanh nghiệp 4.1.2. Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Những phương pháp định giá trong kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 6
4.3. Các chiến lược giá đối với sản phẩm trong kinh doanh khách sạn 4.3.1. Chiến lược về giá cho sản phẩm mới 4.3.2. Chiến lược về giá cho sản phẩm hiện tại	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 3, chương 6
CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	4	1		5	10	
5.1. Vị trí chức năng của phân phối	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sản phẩm trong kinh doanh khách sạn <i>5.1.1. Vị trí của chính sách phân phối sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> <i>5.1.2. Chức năng của phân phối sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i>						chương 4
5.2. Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối trong kinh doanh khách sạn <i>5.2.1. Các kênh phân phối và cấu trúc kênh phân phối sản phẩm trong kinh doanh khách sạn</i> <i>5.2.2. Tổ chức và hoạt động của kênh phân phối trong kinh doanh khách sạn.</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 4
5.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối trong kinh doanh khách sạn <i>5.3.1. Lựa chọn kênh phân phối</i> <i>5.3.2. Quản lý kênh phân phối</i>	2	1		3	6	Độc TLC 1, chương 4
CHƯƠNG 6. CHIẾN LƯỢC XÚC TIẾN HỖN HỢP SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	1		4	8	
6.1. Xúc tiến hỗn hợp sản phẩm trong kinh doanh khách sạn <i>6.1.1. Bản chất của hoạt động xúc tiến hỗn hợp</i> <i>6.1.2. Vai trò và tác dụng của xúc tiến hỗn hợp</i>	1			1	2	Độc TLC 1, chương 5,8,9,10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Các công cụ xúc tiến hỗn hợp trong kinh doanh khách sạn 6.2.1. Quảng cáo 6.2.2. Xúc tiến bán 6.2.3. Bán hàng 6.2.4. Quan hệ công chúng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10
6.3. Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp dtrong kinh doanh khách sạn 6.3.1. Khái quát quá trình truyền thông marketing 6.3.2. Quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược xúc tiến hỗn hợp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5,8,9,10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tâm lý khách hàng du lịch**
 - Tiếng Anh: **Psychology of tourist**
- Mã học phần: KTDL2541
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng

hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày được những vấn đề cơ bản của tâm lý khách hàng du lịch, các đặc điểm về tâm lý của du khách nói chung và của từng quốc gia trong các khu vực trên thế giới nói riêng.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lữ hành trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể trình bày được đặc điểm tâm lý khách du lịch nói chung và từng quốc gia nói riêng, biết cách ứng phó với các tình huống đối với khách du lịch trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tâm lý khách hàng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tâm lý khách hàng du lịch cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức như sau: Tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Phan Thị Dung (2010), *Tâm lý du khách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Thị Thu Hà (2005), *Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch*, NXB Hà Nội
3. Thái Trí Dũng (2012), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Ngọc Bích (2011), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đinh Thị Vân Chi (2012), *Nhu cầu của du khách trong quá trình du lịch*, NXB Văn hóa – Thông tin.

3. Vũ Đức Minh (2010), *Tổng quan về du lịch*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÂM LÝ KHÁCH HÀNG DU LỊCH	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Tâm lý khách hàng du lịch 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Vai trò của việc nghiên cứu tâm lý khách hàng du lịch trong kinh doanh, phục vụ du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch 1.2.1. Các yếu tố tự nhiên 1.2.2. Các yếu tố văn hóa - xã hội 1.2.3. Các yếu tố tâm lý xã hội 1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch trong quá trình phục vụ du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA DU KHÁCH TRONG QUÁ TRÌNH TIÊU DÙNG DỊCH VỤ DU LỊCH	4	1		5	10	
2.1. Hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch 2.1.1. Khái niệm hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch 2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng du lịch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2,3 Đọc TLC 3, chương 2,5
2.2. Một số hiện tượng tâm lý cơ bản của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch 2.2.1. Nhu cầu du lịch	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Động cơ du lịch 2.2.3. Tình cảm của khách hàng du lịch						
CHƯƠNG 3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CÁ NHÂN PHỔ BIẾN CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH	4	2		6	12	
3.1. Những đặc điểm tâm lý cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch theo đặc điểm sinh lý 3.1.1. Tâm lý khách hàng du lịch theo thể chất 3.1.2. Các kiểu khách hàng du lịch theo khí chất 3.1.3. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo độ tuổi 3.1.4. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo giới tính 3.1.5. Đặc điểm tâm lý phổ biến của khách theo tình hình sức khỏe	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
3.2. Những đặc điểm tâm lý xã hội của khách hàng du lịch theo một số nghề nghiệp 3.2.1. Khách hàng du lịch là nhà quản lý – ông chủ 3.2.2. Khách hàng du lịch là thương gia 3.2.3 Khách hàng du lịch là nhà báo	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.4. Khách hàng du lịch là nhà khoa học 3.2.5 .Khách hàng du lịch là nghệ sĩ 3.2.6. Khách hàng du lịch là công nhân 3.2.7 Khách hàng du lịch là thủy thủ 3.2.8. Khách hàng du lịch là nhà chính trị - ngoại giao 3.2.9 Khách hàng du lịch là học sinh - sinh viên						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU, CHÂU ÚC VÀ BẮC MỸ	4	3		7	14	
4.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Âu, Úc và Bắc Mỹ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực 4.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Vương quốc Anh	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Đức 4.2.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Pháp 4.2.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Canada 4.2.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Mỹ 4.2.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Úc						chương 6
CHƯƠNG 5. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA KHÁCH HÀNG DU LỊCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á	5	2		7	14	
5.1. Một số đặc điểm tâm lý chung của khách hàng du lịch châu Á	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
5.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á 5.2.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Trung Quốc 5.2.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Nhật Bản 5.2.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Hàn Quốc	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương
5.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.1. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Thái Lan 5.3.2. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Malaysia 5.3.3. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Indonesia 5.3.4. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Philippines 5.3.5. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Singapore 5.3.6. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Lào 5.3.7. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Cam – pu - chia 5.3.8. Đặc điểm tâm lý khách hàng du lịch Việt Nam						
Kiểm Tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Văn hóa ẩm thực**
 - Tiếng Anh: **Food Culture**
- Mã học phần: KTDL2511
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghệ □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học trình bày được các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.
 - + *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới
 - + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa ẩm thực truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. Văn hóa ẩm thực của Việt Nam, của một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng với du lịch Việt Nam và ẩm thực của các tôn giáo khác nhau trên Thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Bầy, Trần Quốc Vượng (2010), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa.
2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), *Ẩm thực Việt Nam và thế giới*, NXB Phụ nữ.
3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA ẨM THỰC	5,5	1,5		7	14	
1.1. Khái niệm về văn hóa ẩm thực 1.1.1. Khái niệm về văn hóa	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Khái niệm ẩm thực 1.1.3. Khái niệm văn hóa ẩm thực						
1.2. Ẩm thực nhìn từ các góc độ văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế dịch vụ du lịch 1.2.1. Dưới góc độ văn hóa 1.2.2. Dưới góc độ xã hội 1.2.3. Dưới góc độ y tế 1.2.4. Dưới góc độ kinh tế dịch vụ, du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1
1.3. Biểu hiện của văn hóa ẩm thực qua góc độ vật chất và tinh thần 1.3.1. Qua góc độ vật chất 1.3.2. Qua góc độ tinh thần	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa ẩm thực 1.4.1. Vị trí, địa lý 1.4.2. Khí hậu 1.4.3. Lịch sử 1.4.4. Kinh tế 1.4.5. Tôn giáo 1.4.6. Ảnh hưởng của sự phát triển du lịch	3			3	6	Đọc TLC 2, phần 1
1.5. Ẩm thực trong xu hướng hội nhập 1.5.1. Hội nhập ẩm thực Á - Âu 1.5.2. Xu hướng chung	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, phần 1
CHƯƠNG 2. TẬP QUÁN VÀ KHẨU VỊ ĂN UỐNG	4,5	3,5		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái quát về tập quán và khẩu vị ăn uống <i>2.1.1. Khái niệm về tập quán ăn uống</i> <i>2.1.2. Khái niệm về khẩu vị ăn uống</i> <i>2.1.3. Tính chất và đặc điểm các bữa ăn</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống <i>2.2.1. Địa lý và khí hậu</i> <i>2.2.2. Lịch sử và văn hóa</i> <i>2.2.3. Tôn giáo</i> <i>2.2.4. Nghề nghiệp</i> <i>2.2.5. Khuynh hướng chung trong văn hóa ăn uống</i>	1,0	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2, phần 1
2.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo tôn giáo <i>2.3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Phật giáo</i> <i>2.3.2. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Cơ đốc giáo</i> <i>2.3.3. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Hồi giáo</i> <i>2.3.4. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo Ấn Độ giáo</i> <i>2.3.5. Tập quán và khẩu vị ăn uống theo đạo Do Thái</i>	2,5	2,5		5	10	Đọc TLC 2, phần 2
CHƯƠNG 3. VĂN HÓA ĂM	7,5	2,5		11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THỰC KHU VỰC CHÂU ÂU VÀ CHÂU MỸ						
3.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực 3.1.1. Cơ cấu bữa ăn 3.1.2. Dụng cụ ăn uống 3.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống 3.1.4. Phương pháp chế biến 3.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
3.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực châu Âu - Mỹ có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam 3.2.1. Văn hóa ẩm thực của Anh 3.2.2. Văn hóa ẩm thực của Đức 3.2.3. Văn hóa ẩm thực của Pháp 3.2.4. Văn hóa ẩm thực của Nga 3.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ý 3.2.6. Văn hóa ẩm thực của Hoa Kỳ	6	2		8	16	Đọc TLC 2, phần 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA ẨM THỰC KHU VỰC CHÂU Á	6,5	4,5		11	22	
4.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực 4.1.1. Cơ cấu bữa ăn 4.1.2. Dụng cụ ăn uống	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.3. Thực phẩm và nguyên liệu chế biến trong ăn uống 4.1.4. Phương pháp chế biến 4.1.5. Cách trình bày và ứng xử trong ăn uống						
4.2. Văn hóa ẩm thực của một số quốc gia có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam (hoặc tiêu biểu trong khu vực) 4.2.1. Văn hóa ẩm thực của Trung Quốc 4.2.2. Văn hóa ẩm thực của Nhật Bản 4.2.3. Văn hóa ẩm thực của Hàn Quốc 4.2.4. Văn hóa ẩm thực của Thái Lan 4.2.5. Văn hóa ẩm thực của Ấn Độ	5	3		8	16	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
CHƯƠNG 5. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM	5	2		7	14	
5.1. Khái quát về Việt Nam 5.1.1. Điều kiện tự nhiên 5.1.2. Điều kiện xã hội	1			1	2	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1
5.2. Văn hoá ẩm thực Việt Nam truyền thống 5.2.1. Một số nét văn hoá ẩm thực truyền thống tiêu biểu 5.2.2. Một số nét văn hoá ẩm thực của dân tộc thiểu số	4	2		6	12	TLC 1, phần 2; TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.3. Văn hoá âm thực ba miền						
Kiểm tra			1	1	1	
Cộng	29	14	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Professional Ethics in hotel business**
- Mã học phần: KTDL2543
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 6 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học trình bày được khái niệm đạo đức kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh; các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Phân tích được hành vi đạo đức trong kinh

doanh khách sạn. Nhận diện các vấn đề đạo đức kinh doanh nói chung và lĩnh vực kinh doanh khách sạn nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tế công việc sau này.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức đạo đức nghề nghiệp vào thực tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng được những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn nghề nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề đạo đức trong công tác ngành kinh doanh khách sạn;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về đạo đức kinh doanh và vấn đề đạo đức trong kinh doanh: Đề cập đến các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh. Một số tình huống điển hình về đạo đức trong kinh doanh khách sạn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình văn hóa kinh doanh*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2017), *Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch*, Quyết định số 718 /QĐ – BVHTTDL ngày 02/03/2017.

2. Trịnh Duy Huy (2010), *Đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*, NXB Chính trị Quốc gia.

3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb chính trị quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC	7			7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRONG KINH DOANH						
1.1. Đạo đức kinh doanh 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Vài nét về sự phát triển của phạm trù đạo đức trong kinh doanh	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2
1.2. Sự xuất hiện của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh 1.2.1. Khái niệm vấn đề đạo đức trong kinh doanh 1.2.2. Nguồn gốc của vấn đề đạo đức 1.2.3. Nhận diện các vấn đề đạo đức	4			4	8	
CHƯƠNG 2. CÁC TRIẾT LÝ ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH VÀ CÁC NGHĨA VỤ TRONG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP	5	2		7	14	
2.1. Triết lý đạo đức (đạo lý) 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Xu thế phát triển trong triết lý đạo đức	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 4
2.2. Các triết lý đạo đức chủ yếu 2.2.1. Các triết lý theo quan điểm vị lợi 2.2.2. Các triết lý theo quan điểm pháp lý 2.2.3. Triết lý theo quan điểm đạo lý: Thuyết đạo đức nhân cách 2.2.4. Tính cách và công viêch	2	1		3	6	
2.3. Các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 2.3.1. Nghĩa vụ về kinh tế	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Nghĩa vụ về pháp lý 2.3.3. Nghĩa vụ về đạo đức 2.3.4. Nghĩa vụ về nhân văn 2.3.5. Quan điểm và cách tiếp cận đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ PHÂN TÍCH HÀNH VI ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN	6	1		7	14	
3.1. Ra quyết định về các vấn đề liên quan đến đạo đức trong kinh doanh khách sạn 3.1.1. Cách tiếp cận với quá trình ra quyết định về đạo đức 3.1.2. Quá trình ra quyết định về đạo đức trong kinh doanh khách sạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Các nhân tố đầu vào các tác nhân 3.2.1. Tình trạng bức xúc của vấn đề đạo đức 3.2.2. Trạng thái ý thức đạo đức của cá nhân 3.2.3. Nhân tố văn hóa doanh nghiệp	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLĐT1, điều 1=>9
3.3. Phân tích hành vi: algorithm đạo đức và phương pháp phân tích vấn đề - giải pháp 3.3.1. Cách tiếp cận với các quyết định	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3 Đọc TLC 2, chương 3 và

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
về đạo đức theo algorithm đạo đức 3.3.2. Động cơ, động lực 3.3.3. Mục đích, mục tiêu 3.3.4. Phương tiện 3.3.5. Hiệu quả						chương 5. Đọc TLĐT2, điều 4 => điều 12
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH TRONG KHÁCH SẠN	4	3		7	14	
4.1. Quan hệ với người lao động 4.1.1. Tính cách và công việc 4.1.2. Quyền đối với tài sản trí tuệ 4.1.3. Mối quan hệ trong kinh doanh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Quan hệ với đối tượng bên ngoài 4.2.1. Quan hệ với khách hàng 4.2.2. Quan hệ với ngành	2	2		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting**
- Mã học phần: KTKE2524
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về kế toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp

tính giá thành trong hoạt động kinh doanh nhà hàng – khách sạn, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức:* Trình bày những công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 200/2014/ TT – BTC Chế độ kế toán doanh nghiệp*

3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản lao động – xã hội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	4	2		6	12	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định 1.1.2. Phân loại tài sản cố định 1.1.3. Đánh giá tài sản cố định 1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định 1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định 1.1.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định						chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.2. Kế toán thuê tài sản cố định 1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính 1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.3. Kế toán bất động sản đầu tư 1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư 1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Nội dung các khoản đầu tư tài chính	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
DỤNG CỤ						
2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ kế toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.						
2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho 2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.4.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.4.1. Phương pháp thẻ song song 2.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 2.4.3. Phương pháp sổ số dư	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên 2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG						
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Độc TLC 1, chương 5; Độc TLĐT 1, chương 5.
3.2. Các hình thức tiền lương						
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 5; Độc TLĐT 1, chương 5.
3.6. Kế toán các khoản trích theo lương 3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 5; Độc TLĐT 1, chương 5.
Chương 4. KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm tập hợp chi phí, giá thành dịch vụ nhà hàng – khách sạn 4.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ 4.1.2. Khái niệm tập hợp chi phí, giá thành dịch vụ nhà hàng – khách sạn 4.1.3. Nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Độc TLC 1, chương 6; Độc TLC 1, chương 6;
4.2. Đối tượng tập hợp chi phí - đối tượng tính giá thành dịch vụ nhà hàng - khách sạn						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí 4.2.2. Đối tượng tính giá thành						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang của dịch vụ nhà hàng - khách sạn	3	2		5	10	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.5. Phương pháp tính giá thành dịch vụ nhà hàng – khách sạn						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH	5	1		6	12	
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng – khách sạn. 5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động kinh doanh nhà hàng – khách sạn 5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán 5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính 5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính 5.2.2. Tài khoản sử dụng 5.2.3. Phương pháp kế toán						
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác 5.3.1. Nội dung chi phí và thu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhập khác</i> 5.3.2. Tài khoản sử dụng 5.3.3. Phương pháp kế toán						chương 15, chương 17.
5.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7;
5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh						Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	2,5	1		3,5	7	Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng phát triển nghề khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hotel development skills**
- Mã học phần: KTDL2544
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng mềm
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: áp dụng các kỹ năng đã được học vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công

việc, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên nhận định được các nội dung cơ bản của kỹ năng phát triển nghề nghiệp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng phát triển nghề trong công việc tại khách sạn để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng phát triển nghề khách sạn bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng của một số vị trí nghề nghiệp trong du lịch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng quản lý thời gian*, NXB Thời đại.
2. PGS.TS Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trương Minh Vũ, Võ Đăng Khoa (2015), *Giáo trình Nghiệp vụ lễ tân*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Hoàng Đức Thân (2014), *Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB Thống kê.

3. Lục Bội Minh (2005), *Quản lý khách sạn hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP	4			4	8	
1.1. Kỹ năng 1.1.1. Khái niệm kỹ năng	1			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Phân loại kỹ năng 1.1.3. Các giai đoạn hình thành kỹ năng						
1.2. Kỹ năng nghề nghiệp 1.2.1. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp 1.2.2. Tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp	1			2	4	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 2, chương 4 Độc TLC 3, chương 1
1.3. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 3, chương 1
1.4 Giới thiệu một số kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong ngành khách sạn	0,5			0,5	1	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 3, chương 1
1.5 Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của lao động trong ngành khách sạn ở Việt Nam hiện nay	1			1	2	Độc TLC 1, chương 1 Độc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ THƯƠNG LƯỢNG	4	3		7	14	
2.1. Đàm phán 2.1.1. Khái niệm đàm phán 2.1.2. Bản chất của hoạt động đàm phán 2.1.3. Các hình thức đàm phán	1	1		2	4	Độc TLC 2, chương 5
2.2. Thương lượng 2.2.1. Khái niệm thương	1	1		2	4	Độc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lượng 2.2.2. Vai trò của thương lượng 2.2.3. Các hình thức thương lượng						
2.3 Quy trình đàm phán và thương lượng 2.3.1 Giai đoạn chuẩn bị 2.3.2 Giai đoạn tiến hành đàm phán và thương lượng 2.3.3 Kết thúc đàm phán và thương lượng 2.3.4 Đo lường thành công của một cuộc đàm phán	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 2
2.4 Những điều cần tránh trong đàm phán và thương lượng	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG QUẢN LÝ THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC CÔNG VIỆC	4	2		6	12	
3.1 Kỹ năng quản lý thời gian 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Phương pháp quản lý thời gian của S.Covey 3.1.3 Những yếu tố gây lãng phí thời gian	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.4 Các bước quản lý thời gian hiệu quả 3.1.5 Kỹ năng tổ chức công việc						
3.2 Kỹ năng tổ chức công việc 3.2.1 Khái niệm tổ chức công việc 3.2.2 Tổ chức công việc bộ phận 3.2.3 Tổ chức công việc cá nhân	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG	4	2		6	12	
4.1. Nguyên tắc xử lý các tình huống 4.1.1. Nguyên tắc chủ động 4.1.2. Nguyên tắc nhanh gọn 4.1.3. chú trọng đến các lợi ích của khách 4.1.4 Đảm bảo lợi ích các bên	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 10
4.2. Các yêu cầu chung trong xử lý tình huống 4.2.1. Bình tĩnh, tự tin 4.2.2. Kịp thời, nhanh chóng và thận trọng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, chương 5,8,9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. <i>linh hoạt, năng động</i> 4.2.4. <i>Tranh thủ sự giúp đỡ về trí tuệ và sự góp sức của khách</i> 4.2.5 <i>Báo cáo cấp trên kịp thời</i>						
4.3 Cách xử lý một số tình huống thường gặp		2		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG CỦA MỘT SỐ VỊ TRÍ NGHỀ NGHIỆP TRONG KHÁCH SẠN	3	2		5	10	
5.1 Kỹ năng của vị trí lễ tân 5.1.1 <i>Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân</i> 5.1.2 <i>Kỹ năng sử dụng và trả lời điện thoại</i> 5.1.3 <i>Kỹ năng xử lý đặt buồng</i> 5.1.4 <i>Kỹ năng bán hàng</i>	1	0,5				Đọc TLC3, chương 2,3,4
5.2 Kỹ năng nghề buồng phòng 5.2.1 <i>Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân</i> 5.2.2 <i>Kỹ năng chăm</i>	1	0,5				Đọc TLC3, chương 2,3,4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sóc khách hàng 5.2.2 Kỹ năng tiếp xúc với khách hàng 5.2.3 Kỹ năng xử lý phàn nàn của khách hàng						
5.3 Kỹ năng nghề kỹ thuật lưu trú 5.3.1 Yêu cầu về diện mạo và đạo đức cá nhân 5.3.2 Kế hoạch quản lý đồ vải phục vụ khách 5.3.3 Kỹ năng đồng phục và phù hiệu 5.3.4 Kỹ năng quản lý hóa mỹ phẩm và đồ tạp phẩm 5.3.5 Kỹ năng quản lý công tác sửa chữa và bảo dưỡng 5.3.6 Một số kỹ năng khác	1	1				Đọc TLC3, chương 2,3,4
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng**
 - Tiếng Anh: **Resort Business Management**
- Mã học phần: KTDL2545
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Tourism Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 16 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm về khu nghỉ dưỡng, quản trị khu nghỉ dưỡng, nhận diện được các nội dung cơ bản của quản trị khu nghỉ dưỡng. Phân biệt được các loại cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng. Xác định được nhu cầu

và lập kế hoạch kinh doanh, quản trị hoạt động chào bán sản phẩm, tổ chức cung ứng và phục vụ khách hàng trong quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng. Xây dựng được quá trình quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng, quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* nhận định được các hoạt động quản trị khu nghỉ dưỡng.
+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và đưa ra các quyết định và hành động đúng đắn trong công tác quản trị khu nghỉ dưỡng.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng gồm 5 chương: khái quát về quản trị khu nghỉ dưỡng, cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng, quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng, quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng, quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng (resort): Lý luận và thực tiễn*, NXB Phương Đông.
2. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2015), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ KHU NGHỈ DƯỠNG	5	1		6	12	Đọc TLC1, chương 1
1.1. Lịch sử phát triển khu nghỉ dưỡng	1			1	2	
1.2. Khái niệm, đặc điểm, phân loại	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khu nghỉ dưỡng <i>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm khu nghỉ dưỡng</i> <i>1.2.2. Sự khác biệt giữa khách sạn và khu nghỉ dưỡng</i> <i>1.2.3. Phân loại khu nghỉ dưỡng</i>						
1.3. Nội dung cơ bản của quản trị khu nghỉ dưỡng <i>1.3.1. Khái niệm quản trị khu nghỉ dưỡng</i> <i>1.3.2. Các nội dung cơ bản của quản trị khu nghỉ dưỡng</i>	3	1		3	6	
CHƯƠNG 2. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA KHU NGHỈ DƯỠNG	5	4		9	18	
2.1. Cơ cấu tổ chức của khu nghỉ dưỡng <i>2.1.1. Cơ cấu tổ chức điển hình của khu nghỉ dưỡng</i> <i>2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, phần 1
2.2. Cơ cấu tổ chức các bộ phận chính của khu nghỉ dưỡng <i>2.2.1. Bộ phận kinh doanh lưu trú</i> <i>2.2.2. Bộ phận kinh doanh ăn uống</i> <i>2.2.3. Bộ phận chăm sóc sức khỏe</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 2, phần 1
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ QUÁ TRÌNH KINH DOANH KHU	6	4		10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGHỈ DƯỠNG						
3.1. Xác định nhu cầu và lập kế hoạch kinh doanh 3.1.1. Xác định nhu cầu 3.1.2. Lập kế hoạch kinh doanh	2	1		3	6	Đọc TLC1, chương 3, , 5,6,7,8
3.2. Quản trị hoạt động chào bán sản phẩm 3.2.1. Quản trị kế hoạch giới thiệu, quảng bá và tiếp thị sản phẩm 3.2.2. Quản trị quá trình giới thiệu, quảng bá và tiếp thị	2	2		3	6	
3.3. Quản trị quá trình tổ chức cung ứng và phục vụ khách hàng 3.3.1. Quản trị giai đoạn chuẩn bị 3.3.2. Quản trị giai đoạn đón tiếp 3.3.3. Quản trị giai đoạn trực tiếp phục vụ khách hàng 3.3.4. Quản trị giai đoạn thanh toán và tiễn khách	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CÁC NGUỒN LỰC KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA KHU NGHỈ DƯỠNG	6	5		11	22	
4.1. Quản trị nhân lực của khu nghỉ dưỡng 4.1.1. Khái niệm quản trị nhân lực 4.1.2. Nội dung quản trị nhân lực	2	1		3	6	Đọc TLC (2) trang 82 – 92

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Quản trị tài chính của khu nghỉ dưỡng 4.2.1. Khái niệm quản trị tài chính 4.2.2. Nội dung quản trị tài chính	2	3		5	10	Đọc TLC (2) trang 92 - 95
4.3. Quản trị cơ sở vật chất của khu nghỉ dưỡng 4.3.1. Khái niệm quản trị cơ sở vật chất 4.3.2. Nội dung quản trị cơ sở vật chất	2	1		3	6	Đọc TLC (2) trang 111 - 117
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ CẢ DỊCH VỤ CỦA KHU NGHỈ DƯỠNG	5	2		7	14	Đọc TLC 2, phần 2, chương 1
5.1. Quản lý môi trường tự nhiên 5.1.1. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý môi trường tự nhiên 5.1.2. Quản lý nhân lực của bộ phận quản lý môi trường tự nhiên 5.1.3. Ngân quỹ của bộ phận quản lý môi trường tự nhiên	3	1		4	8	
5.2. Quản lý chất lượng và giá cả dịch vụ 5.2.1. Quản lý chất lượng dịch vụ 5.2.2. Quản lý giá cả dịch vụ	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	27	16	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1**
Tiếng Anh: **Practice hospitality part 1**
- Mã học phần: KTDL2746
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 5 tuần (21 ngày)
- Thời gian tự học: 42 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận lễ tân trong khách sạn.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị lễ tân tại khách sạn.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị lễ tân tại khách sạn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ lễ tân tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Phạm Thị Cúc (2005), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, NXB Hà Nội

3. Nguyễn Văn Đỉnh, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

2. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒
 Khác ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	21	42	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú			Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tìm hiểu hoạt động tại đơn vị thực tập: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập: + Nghiệp vụ lễ tân (front office)			
Viết báo cáo			
Cộng	21	42	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2**
Tiếng Anh: **Practice hospitality part 2**
- Mã học phần: KTDL2747
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 5,5 tuần (28 ngày)
- Thời gian tự học: 56 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận buồng trong khách sạn.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị buồng tại khách sạn.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị buồng tại khách sạn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ buồng tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Huỳnh Văn Hải (2015), *Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Nguyễn Văn Đỉnh, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

2. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒
Khác ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	28	56	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú			Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tìm hiểu hoạt động tại đơn vị thực tập: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập: + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping)			
Viết báo cáo			
Cộng	28	56	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 3**
Tiếng Anh: **Practice hospitality part 3**
- Mã học phần: KTDL2748
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 5,5 tuần (28 ngày)
- Thời gian tự học: 56 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức và đánh giá được quy trình hoạt động của bộ phận nhà hàng, quầy bar trong khách sạn.
- Về kỹ năng:
 - + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị nhà hàng, quầy bar tại khách sạn.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị nhà hàng, quầy bar tại khách sạn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 3 yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
 - + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
 - + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ nhà hàng, quầy bar tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2015), *Giáo trình quản lý bar và thức uống*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Nguyễn Văn Đỉnh, Hoàng Thị Lan Hương (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình Quản trị chất lượng du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

2. Đoàn Mạnh Cường (2011), *Giáo trình tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao Động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒

Phân tích, xử lý số liệu ☒ Trình bày báo cáo khoa học ☒ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒
 Khác ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung	28	56	
Liên hệ và làm quen với đơn vị thực tập là các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú			Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tìm hiểu hoạt động tại đơn vị thực tập: + Hoạt động Tài chính – kế toán + Hoạt động kỹ thuật + Hoạt động marketing và bán hàng + Hoạt động nhân sự			
Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập: + Nghiệp vụ nhà hàng – bếp, bàn, bar			
Viết báo cáo			
Cộng	28	56	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: KTDL2749
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☑				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☑
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Khái quát hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị khách sạn.
 - + Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị khách sạn thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ khách sạn.
 - + Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các nội dung khác trong các khách sạn;
 - + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định

quản trị trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn;

- *Về kỹ năng:*

+ Sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn của ngành và chuyên ngành đào tạo tại các khách sạn;

+ Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc chuyên ngành Quản trị khách sạn tại khách sạn, tổ chức thực tập;

+ Phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của tổ chức thực tập cần nghiên cứu để đề xuất nội dung viết khóa luận tốt nghiệp (đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận).

+ Tìm hiểu yêu cầu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thực tập để chủ động thích nghi trong công việc thực tiễn;

+ Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với khách hàng, với đồng nghiệp, xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của các khách sạn.

+ Củng cố kỹ năng thực hành cũng như phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đích đạt chuẩn chất lượng trong đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

+ Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản trị trong lĩnh vực quản trị khách sạn;

+ Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về quản trị trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn;

+ Biết cách lập kế hoạch thực tập, đánh giá các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ tại các tổ chức kinh doanh nhà hàng khách sạn.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Kinh tế quốc dân.

2. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, Trường đại học Thương Mại.

3. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.

4. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá bài thực tập:
 - + Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;
 - + Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;
 - + Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40%

8.2. Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 60%

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập	15	30	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin sơ lược, cơ sở hình thành và phát triển, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động, sản xuất - kinh doanh của đơn vị thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị thực tập	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập	16	32	
Bài 5. Vấn đề liên quan đến hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập			Trình bày về thực trạng của các hoạt động nghiệp vụ

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(kinh doanh nhà hàng, khách sạn) + Nghiệp vụ buồng phòng (house keeping) + Nghiệp vụ lễ tân (front office) + Nghiệp vụ nhà hàng – bếp, bàn, bar			vụ tại đơn vị thực tập.
Nội dung 3: Đánh giá về tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 7. Đánh giá chung về các công tác nghiệp vụ và mối quan hệ tại đơn vị thực tập	4	8	Nếu được các ưu điểm và nhược điểm, nguyên nhân của các hoạt động nghiệp vụ của đơn vị thực tập.
Bài 8. Kiến nghị, đề xuất.	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác công tác quản lý các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập.
Cộng	40	80	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Dissertation**
- Mã học phần: KTDL2850
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:
- Về kiến thức:
 - + Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị khách sạn;
 - + Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các tổ chức kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng các kiến thức nghề nghiệp, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về quản trị khách sạn và tổng hợp viết báo cáo;

+ Thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình thực tập và viết báo cáo đồ án tốt nghiệp tại địa bàn thực tập, trên mạng internet, ...

+ Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng giao tiếp cộng đồng, ứng xử giao tiếp trong quá trình thực tập tại các tổ chức;

+ Phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá;

+ Thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại khách sạn, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được khóa luận tốt nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản trị khách sạn nói chung và các chuyên môn như nghiệp vụ về quản trị buồng, quản trị lễ tân, quản trị nhà hàng khách sạn, quản trị ẩm thực...;

+ Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tại các khách sạn, nhà hàng và đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch...

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản trị khách sạn;

+ Có khả năng đưa ra một số kết luận liên quan đến các hoạt động quản lý của các khách sạn;

+ Có năng lực lập kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong quá trình thực tập, thu thập tài liệu, số liệu và quá trình tổng hợp viết khóa luận, thuyết trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu

- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.

- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Kinh tế quốc dân.
2. Phạm Xuân Hậu (2011), *Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, Trường đại học Thương Mại.
3. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Kinh tế quốc dân.
4. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *Giáo trình Marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
5. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.
- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.
- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.
- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học, chính quy;

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học, chính quy;

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày 37÷38	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**

Tiếng Anh: **Research Methods in Management and Business**

Mã học phần: KTPT2302

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	Bắt buộc □	Tự chọn □		

Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết

Bài tập: 2,5 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Thời gian tự học: 78 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như:

xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp
4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☒	Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	4,5			4,5	10	
1.1 Nghiên cứu khoa học 1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học 1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học 1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học 1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; 3 Đọc TLC2, chương1 Đọc TLC3, chương1 Đọc TLĐT2, chương1
1.2 Nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.1 Định nghĩa nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.2 Phân loại nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 1. 2.4 Qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	2			2	5	Đọc TLC2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ	2,5	0,5		3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH						
2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu 2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong quản lý và kinh doanh	1			1	3	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu 2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu 2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên	1,5	0,5		2	6	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu 3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu 3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu 3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu 3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu 3.2.3 Xác định phương pháp luận	3	0,5		3,5	10	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ngiên cứu</i> 3.2.4 <i>Xây dựng khung logic nghiên cứu</i> 3.2.5 <i>Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu</i>						Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu 3.3.1 <i>Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo</i> 3.3.3 <i>Xây dựng bảng hỏi</i>	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 Chọn mẫu nghiên cứu 4.1.1 <i>Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> 4.1.2 <i>Phương pháp chọn mẫu xác suất</i> 4.1.3 <i>Phương pháp chọn mẫu phi xác suất</i> 4.1.4 <i>Hạn chế của điều tra chọn mẫu</i>	1,5			1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu 4.2.1 <i>Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp</i> 4.2.2 <i>Phương pháp thu thập dữ liệu</i>	1	0,5		1,5	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>sơ cấp</i>						
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	23	
5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu <i>5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu</i> <i>5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu</i> <i>5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong quản lý và kinh doanh</i>	2	1		3	9	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu <i>5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu</i> <i>5.2.2 Phương pháp phân tích định tính</i> <i>5.2.3 Phương pháp phân tích định lượng</i>	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu <i>5.4.1 Trình bày dạng văn viết</i> <i>5.4.2 Trình bày bảng</i> <i>5.4.3 Trình bày hình</i>	2,5			2,5	7	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9	
6.1 Báo cáo nghiên cứu <i>6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu</i> <i>6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>ngiên cứu</i>						chương 6
6.2 Đề cương nghiên cứu 6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu 6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.3 Báo cáo khoa học 6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học 6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	78	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **Customary festival of Viet nam**
- Mã học phần: KTDL2626
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sinh viên biết được những phong tục tập quán, lễ hội Việt Nam. Hiểu được những đặc trưng và đặc điểm của phong tục, tín ngưỡng, tập quán, lễ hội truyền thống, những nét đặc sắc của phong tục tập quán lễ hội các vùng miền trên đất

nước, đồng thời là sự thể hiện văn hóa trong phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức đã học vào lĩnh vực du lịch văn hóa.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của phong tục tập quán lễ hội Việt nam.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác liên quan đến lĩnh vực văn hóa dân gian sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên và hoạt động kinh doanh du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam gồm 4 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam, các phong tục tập quán của người Việt, các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP.HCM.
2. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học
3. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa thông tin.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

2. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam và trường Đại học Cần thơ (2004), *Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hóa văn nghệ dân gian Nam Bộ*, NXB Khoa học xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:
- Hình thức đánh giá:
 - Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. PHONG TỤC VIỆT NAM	4	2		6	12	
1.1. Khái quát chung về phong tục Việt Nam 1.1.1. Các loại phong tục truyền thống của người Việt 1.1.2. Cưới hỏi 1.1.3. Sinh dưỡng	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.4. Tang lễ 1.1.5. Giỗ, tết 1.1.6. Chọn ngày giờ						
1.2.Những phong tục độc đáo ở các địa phương 1.2.1.Phong tục độc đáo ở miền Bắc 1.2.2.Phong tục độc đáo ở miền Trung 1.2.3. Phong tục độc đáo ở miền Nam	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM	6	2		8	16	
2.1. Khái quát chung về tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.1. Khái niệm tín ngưỡng dân gian Việt nam 2.1.2. Đặc điểm tín ngưỡng dân gian Việt nam	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4
2.2. Các loại tín ngưỡng dân gian truyền thống của Người Việt 2.2.1. Tín ngưỡng phồn thực 2.2.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 2.2.3. Tín ngưỡng sùng bái con người 2.2.4. Tín ngưỡng sùng bái	3	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thần linh						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. LỄ HỘI VIỆT NAM	6	2		8	16	
3.1. Khái quát chung về lễ hội dân gian Việt Nam 3.1.1. Khái niệm về lễ hội dân gian Việt nam 3.1.2. Các đặc trưng của lễ hội Việt Nam.	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Các loại lễ hội dân gian truyền thống của người Việt	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. BẢN SẮC VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT TRONG PHONG TỤC TẬP QUÁN LỄ HỘI	6			6	12	
4.1. Mối quan hệ giữa phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6
4.2. Bản sắc văn hóa người Việt thể hiện trong phong tục tập quán lễ hội 4.2.1. Các giá trị vật chất 4.2.2. Các giá trị tinh thần	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử văn minh thế giới**
 - Tiếng Anh: **History of world civilization**
- Mã học phần: KTDL2628
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sinh viên biết những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới. Nhận diện và phân biệt được các nền văn minh với nhau.

- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về nền văn minh lịch sử của thế giới qua các thời kì.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Anh Thái (2006), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục.
3. Vũ Dương Ninh (2003), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Đức An (1996), Một số vấn đề về lịch sử thế giới, NXB Giáo dục.
2. Doãn Chính (1992), Đại cương lịch sử triết học Phương Đông cổ đại, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp.
3. Ngô Minh Oanh (2005), *Tiếp xúc và giao lưu giữa các nền văn minh trong lịch sử nhân loại*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☒ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT	4			4	8	
1.1. Định nghĩa văn hóa, văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Các yếu tố của văn minh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Đối tượng nghiên cứu của Lịch sử văn minh thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4. Các nền văn minh lớn trên thế giới	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á	3			3	6	
2.1. Văn minh Lưỡng hà cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Văn minh Ai cập cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5
2.3. Văn minh Arập	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 3. VĂN MINH ẤN ĐỘ	2	1		3	6	
3.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Ấn Độ	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2
3.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ấn Độ	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 4. VĂN MINH TRUNG QUỐC	2	1		3	6	
4.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Trung hoa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 15
4.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Trung hoa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 15
CHƯƠNG 5. VĂN MINH HI	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LẬP CỔ ĐẠI						
5.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hi Lạp cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 6. VĂN MINH LA MÃ CỔ ĐẠI	2	1		3	6	
6.1. Cơ sở hình thành nền văn minh La mã cổ đại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 3, chương 5
6.2.Những thành tựu chủ yếu của văn minh La mã cổ đại	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 8
CHƯƠNG 7. VĂN MINH TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI	2	1		3	6	
7.1. Cơ sở hình thành nền văn minh Tây Âu thời trung đại	1				2	Đọc TLC 1, chương 7
7.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Tây Âu thời trung đại	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7
CHƯƠNG 8. VĂN MINH CÔNG NGHIỆP	2	1		3	6	
8.1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17
8.2. Cuộc cách mạng công nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 17
CHƯƠNG 9. VĂN MINH THẾ GIỚI THẾ KỈ 20	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ 20	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17 Đọc TLC 3, chương 8
9.2. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8 Đọc TLC 3, chương 8
9.3. Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ 20	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 3, chương 8
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23	5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Việt Nam đại cương**
 - Tiếng Anh: **General history of Vietnam**
- Mã học phần: KTDL2629
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, Management of tourism
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: sinh viên biết được các kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay. Hiểu và nhận thức được đặc điểm của từng thời kỳ trong lịch sử Việt Nam.

Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tế hoạt động du lịch và lễ hành sau này.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần lịch sử Việt Nam đại cương bao gồm 6 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học có được những kiến thức về: Việt Nam thời nguyên thủy, thời kỳ dựng nước và giữ nước thời đại Hùng Vương – An Dương Vương, thời đại Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (năm 179 trước công nguyên – 938 sau công nguyên), thời đại xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (938 – 1958), thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trương Hữu Quýnh (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.
2. Đinh Xuân Lâm (2000), *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, NXB Giáo dục.
3. Lê Mậu Hãn (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Bá Đức (1998), *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*, NXB ĐHQG Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp

Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. THỜI ĐẠI NGUYÊN THỦY TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	3			3	6	
1.1.Những dấu vết đầu tiên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2.Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam 1.2.1.Sự xuất hiện người khôn ngoan	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2.Cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn – Chủ nhân nền văn hóa sơ kì thời đại đá mới 1.2.3.Cách mạng đá mới và cư dân nông nghiệp trồng lúa 1.2.4. Cư dân sơ kì thời đại đồng thau – tiền Đông Sơn						
CHƯƠNG 2.THỜI KỲ DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG – AN DƯƠNG VƯƠNG)	4			4	8	
2.1.Thời đại các vua Hùng dựng nước 2.1.1.Niên đại và địa bàn cư trú của người Việt cổ thời Hùng Vương 2.1.2.Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội 2.1.3.Sự ra đời của nước Văn Lang	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương 2.2.1. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tần và sự hình thành nhà nước Âu Lạc 2.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội và nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc 2.2.3. Cuộc xâm lược của nhà	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Triệu						
CHƯƠNG 3.THỜI ĐẠI BẮC THUỘC VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP (NĂM 179 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN – 938 SAU CÔNG NGUYÊN)	4	1		5	10	
3.1. Sự thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc 3.1.1.Chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc 3.1.2.Những biến chuyển về kinh tế, xã hội, văn hóa	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
3.2. Những cuộc đấu tranh độc lập 3.2.1.Phong trào đấu tranh vũ trang giành độc lập của nhân dân 3.2.2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng nhằm bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3
CHƯƠNG 4. THỜI ĐẠI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP (938 – 1958)	4	1		5	10	
4.1.Nước Đại Việt từ thế kỷ X – XIV 4.1.1. Thế kỷ X: bước đầu xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập,	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng g cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thống nhất thời Khúc – Ngô – Đinh – Tiền Lê 4.1.2. Đại Việt ở thế kỷ XI – XII – Thời Lý 4.1.3. Đại Việt ở thế kỷ XIII – XIV – Thời kỳ Trần – Hồ 4.1.4. Tình hình văn hóa – xã hội ở các thế kỷ X – XIV						
4.2. Nước Đại Việt từ năm 1400 – 1527 4.2.1. Phong trào kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 4.2.2. Đại Việt ở thế kỷ XV – Thời Lê Sơ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
4.3. Nước Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX 4.3.1.Đại Việt trong các thế kỷ chia cắt (thế kỷ XVI – giữa XVIII) 4.3.2.Tình hình kinh tế, văn hóa ở các thế kỷ XVI – XVIII 4.3.3.Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến Đại Việt 4.3.4.Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX – Thời Nguyễn	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 5. THỜI KỲ ĐẦU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1858 – 1945)	5	2		7	14	
5.1. Cuộc đấu tranh buổi đầu chống thực dân Pháp <i>5.1.1. Việt Nam đối diện với nguy cơ thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến bắt đầu</i> <i>5.1.2. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống xâm lược mở rộng ra Bắc Kì và Trung Kì (1873 – 1884)</i> <i>5.1.3. Phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống chiến tranh bình định của thực dân Pháp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Phong trào yêu nước và Cách mạng đầu thế kỷ 20 <i>5.2.1. Những biến đổi của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX</i> <i>5.2.2. Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5
5.3. Phong trào Cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1930 <i>5.3.1. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất</i> <i>5.3.2. Bước phát triển mới của</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phong trào dân tộc ở Việt Nam sau chiến tranh 5.3.3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1925 đến 1930						
5.4. Phong trào cách mạng năm 1930 – 1945 5.4.1.Phong trào cách mạng sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời 5.4.2. Cuộc vận động dân chủ (1936 – 1939) 5.4.3. Cao trào vận động giải phóng dân tộc (1939 – 1945) và cách mạng tháng tám	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 6. THỜI KỲ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	4			4	8	
6.1. Cách mạng Việt Nam 1945 – 1954 6.1.1.Thuận lợi và khó khăn sau cách mạng tháng tám 6.1.2. Kháng chiến chống Pháp 1946 – 1954	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) <i>6.2.1. Giai đoạn 1954 – 1960</i> <i>6.2.2. Giai đoạn 1961 – 1965</i> <i>6.2.3. Giai đoạn 1965 – 1968</i> <i>6.2.4. Giai đoạn 1969 – 1972</i> <i>6.2.5. Giai đoạn 1973 – 1975</i> <i>6.2.6. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
6.3. Lịch sử Việt Nam từ sau 1975 đến nay <i>6.3.1. Việt Nam trong hơn năm đầu đấu tranh chống Mỹ cứu nước</i> <i>6.3.2. Việt Nam bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ tổ quốc</i> <i>6.3.3. Việt Nam đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - *Tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**
 - *Tiếng Anh: **Introduction to Vietnam Culture**
- Mã học phần: LCLS2106
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - *Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - *Bài tập: 0 tiết
 - *Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - *Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những tri thức cơ bản của một nền văn hóa; Phân tích được các đặc trưng cơ bản và các quy luật hình thành, phát triển của văn hóa Việt Nam;
- *Về kỹ năng:* Vận dụng và phát triển được kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch lễ hành;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm::

NL1: Có năng lực nhận diện được các hiện tượng văn hóa, phát triển nhận thức và hành động ứng xử có văn hóa trong học tập và cuộc sống; góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Trần Ngọc Thêm (2011), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Thánh phố Hồ Chí Minh
2. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin
3. Trần Quốc Vượng (2017), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. DẪN NHẬP VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 09 – 49 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Văn hóa và văn hóa học <i>1.1.1. Định nghĩa văn hóa</i> <i>1.1.2. Đặc trưng và chức năng của văn hóa</i> <i>1.1.3. Văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật</i> <i>1.1.4. Cấu trúc của hệ thống văn hóa</i> <i>1.1.5. Cơ sở văn hóa và các bộ môn văn hóa học</i>	1			1	2	
1.2. Định vị văn hóa Việt Nam <i>1.2.1. Loại hình văn hóa gốc nông nghiệp</i> <i>1.2.2. Chủ thể và thời gian văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.3. Hoàn cảnh địa lý, không gian văn hóa và các vùng văn hóa Việt Nam</i> <i>1.2.4. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội của văn hóa Việt Nam</i>	1			1	2	
1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam <i>1.3.1. Lớp văn hóa bản địa</i> <i>1.3.2. Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.3. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây						
Chương 2. VĂN HÓA NHẬN THỨC	5		2	7	14	Độc TLC từ trang 50 –87 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: triết lý âm dương 2.1.1. Triết lý âm dương: bản chất và khái niệm 2.1.2. Hai quy luật của triết lý âm dương 2.1.3. Triết lý âm dương và tính cách người Việt 2.1.4. Hai hướng phát triển của triết lý âm dương	1		1	2	4	
2.2. Cấu trúc không gian của vũ trụ: mô hình tam tài - ngũ hành 2.2.1. Tam tài 2.2.2. Những đặc trưng khái quát của ngũ hành 2.2.3. Hà Đồ - cơ sở của ngũ hành 2.2.4. Ngũ hành theo Hà Đồ 2.2.5. Ứng dụng của ngũ hành	2			1	6	
2.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ: lịch âm dương và hệ can chi 2.3.1. Lịch và lịch âm dương 2.3.2. Hệ đếm can chi	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Nhận thức về con người 2.4.1. Nhận thức về con người tự nhiên 2.4.2. Cách nhìn cổ truyền về con người xã hội	1		1	2	4	
Chương 3. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ	4		2	6	12	Đọc TLC từ trang 88 – 125 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Tổ chức nông thôn 3.1.1. Tổ chức nông thôn theo huyết thống: gia đình và gia tộc 3.1.2. Tổ chức nông thôn theo địa bàn cư trú: xóm và làng 3.1.3. Tổ chức nông thôn theo nghề nghiệp và sở thích: phường, hội 3.1.4. Tổ chức nông thôn theo truyền thống nam giới: giáp đình và gia tộc 3.1.5. Tổ chức nông thôn theo đơn vị hành chính: thôn và xã 3.1.6. Tính cộng đồng và tính tự trị - hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam 3.1.7. Làng Nam Bộ	1		1	2	4	
3.2. Tổ chức quốc gia 3.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội 3.2.2. Nước với truyền thống dân chủ của văn hóa nông nghiệp	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3 Tổ chức đô thị 3.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia 3.3.2. Đô thị trong quan hệ với nông thôn 3.3.4. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống	1		1	2	4	Đọc TLC từ trang 126 – 185 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN	3		2	5	10	
4.1. Tín ngưỡng 4.1.1. Tín ngưỡng phồn thực 4.1.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên 4.1.3. Tín ngưỡng sùng bái con người	1		1	2	4	
4.2. Phong tục 4.2.1. Phong tục hôn nhân 4.2.2. Phong tục tang ma 4.2.3. Phong tục lễ tết và lễ hội	1		1	2	4	
4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.3.1. Các đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt 4.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam	0.5			0.5	1	
4.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.1. Tính biểu trưng của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.2. Tính biểu cảm của nghệ thuật thanh sắc và hình khối 4.4.3. Tính tổng hợp của nghệ	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thuật thanh sắc và hình khối						
Chương 5. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 186 –225 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn 5.1.1. Quan niệm về ăn và dấu ấn nông nghiệp trong bữa ăn 5.1.2. Tính tổng hợp trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.3. Tính cộng đồng và tính mực thước trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt 5.1.4. Tính biện chứng và linh hoạt trong nghệ thuật ẩm thực của người Việt	1		0.5	1.5	3	
5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc 5.2.1. Quan niệm về mặc và dấu ấn nông nghiệp trong chất liệu may mặc của người Việt 5.2.2. Trang phục qua các thời đại và tính linh hoạt trong cách mặc	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: ở và đi lại 5.3.1. Ứng phó với khoảng cách: Giao thông 5.3.2. Ứng phó với thời tiết, khí hậu: nhà cửa, kiến trúc	1			1	2	Đọc TLC từ trang 226 – 313 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 6. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	3		1	4	8	
6.1. Giao lưu với Ấn Độ: văn hóa Chăm 6.1.1. Bàlamôn giáo và ba nguồn gốc của văn hóa Chăm 6.1.2. Những đặc điểm của kiến trúc Chăm 6.1.3. Những đặc điểm của điêu khắc Chăm 6.1.4. Sức mạnh bản địa hóa ảnh hưởng Balamôn giáo	0.5			0.5	1	
6.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam 6.2.1. Sự hình thành và nội dung cơ bản của Phật Giáo 6.2.2. Quá trình thâm nhập và phát triển của Phật giáo Việt Nam 6.2.3. Những đặc điểm của Phật Giáo Việt Nam	0.5		0.5	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam 6.3.1. Sự hình thành của Nho giáo 6.3.2. Nội dung cơ bản và sự phát triển của Nho giáo 6.3.3. Quá trình thâm nhập, phát triển và những đặc điểm của Nho giáo	0.5		0.5	1	2	
6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 6.4.1. Từ Đạo gia đến đạo giáo 6.4.2. Sự thâm nhập và phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam	0.5			0.5	1	
6.5. Phương tây với văn hóa Việt Nam 6.5.1. Ki – tô giáo với văn hóa Việt Nam 6.5.2. Văn hóa phương Tây và văn hóa Việt Nam	0.5			0.5	1	
6.6. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội: tính dung hợp 6.6.1. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội, quân sự, ngoại giao 6.6.2. Dung hợp và dung hợp văn hóa khu vực: Tam giáo 6.6.3. Dung hợp văn hóa Đông Tây: Từ lăng Khải Định đến đạo Cao Đài 6.6.4. Tích hợp văn hóa Đông – Tây với lý tưởng Cộng sản: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			01	01	2	
Cộng	21		09	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú**
 - Tiếng Anh: **Management for immigration and residence**
- Mã học phần: KTDL2506
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt

Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. Từ đó, biết áp dụng trong thực tiễn nghề nghiệp của mình.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, đặc điểm và ưu, nhược điểm của từng loại hình cơ sở lưu trú du lịch, quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác xuất nhập cảnh và lưu trú trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú, thủ tục xuất nhập cảnh, tổng quan về cơ sở lưu trú, một số loại hình cơ sở lưu trú, quản trị kinh doanh doanh lưu trú.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2012), *Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Hồng Chương, Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Giáo trình Quản trị Kinh doanh lữ hành*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Bá Lâm (2009), *Giáo trình Quản lý kinh doanh khách sạn*, Đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội

3. Nguyễn Quyết Thắng (2014), *Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP CẢNH	6			6	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về xuất nhập cảnh	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.1. Khái niệm, điều kiện xuất cảnh 1.1.2. Khái niệm, điều kiện nhập cảnh 1.1.3. Khái niệm, điều kiện quá cảnh 1.1.4. Nguyên tắc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 1.1.5. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại Việt Nam						
1.2. Vấn đề thị thực 1.2.1. Khái niệm, hình thức của thị thực 1.2.2. Ký hiệu thị thực 1.2.3. Quy định cấp thị thực 1.2.4. Tác động của thị thực đối với du lịch quốc tế	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
Chương 2. THỦ TỤC XUẤT NHẬP CẢNH	3	3		6	12	
2.1. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh 2.1.1. Các giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh 2.1.2. Quy định về việc cấp giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
2.2. Thủ tục xuất cảnh 2.2.1. Quy trình thủ tục xuất cảnh 2.2.2. Thủ tục xuất cảnh tại	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Việt Nam 2.2.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh						
2.3. Thủ tục nhập cảnh 2.3.1. Quá trình thủ tục nhập cảnh 2.3.2. Thủ tục nhập cảnh tại Việt Nam 2.3.3. Một số lưu ý khi làm thủ tục xuất cảnh	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, phần 2 mục V
Chương 3. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ LƯU TRÚ	8	1		9	18	
3.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị lưu trú trong du lịch 3.1.1 Khái niệm cơ sở lưu trú du lịch và hệ thống cơ sở lưu trú di lịch 3.1.2 Sự tồn tại tất yếu khách quan của hoạt động kinh doanh lưu trú 3.1.3. Quá trình hình thành và phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch	2,0	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 1
3.2. Vai trò của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.2.1. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 3.2.2. Đối với sự phát triển ngành du lịch	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Đặc điểm của quản trị lưu trú 3.3.1. Đặc điểm về sản phẩm 3.3.2. Đặc điểm về mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm của ngành du lịch 3.3.3. Đặc điểm về quá trình tổ chức kinh doanh 3.3.4. Đặc điểm về việc sử dụng các yếu tố cơ bản trong quá trình kinh doanh 3.3.5. Đặc điểm của đối tượng phục vụ	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1
3.4. Sản phẩm lưu trú du lịch 3.4.1 Khái niệm sản phẩm lưu trú 3.4.2. Đặc điểm của sản phẩm lưu trú	1,25			1,25	2,5	Đọc TLC 2, chương 1
3.5. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.1. Khái niệm và vai trò của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.2. Phân loại cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch 3.5.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1
3.6. Bảo vệ môi trường trong	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường trong kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.2. Những tác động về môi trường của kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 3.6.3. Đặc điểm chung của cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở lưu trú du lịch						chương 1
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CÁC LOẠI HÌNH KINH DOANH CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH	8,5	2,5		12	24	
4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch 4.1.1. Khái niệm loại hình cơ sở lưu trú du lịch 4.1.2. Ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
4.2 Các loại hình kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch 4.2.1. Khách sạn (Hotel) 4.2.2. Nhà nghỉ du lịch (Guest house) 4.2.3. Motel 4.2.4. Bungalow	7,5	2,5		11	22	Đọc TLC 2, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.5.Làng du lịch (Tourism Village) 4.2.6. Cơ sở nghỉ dưỡng tổng hợp (Resort) 4.2.7. Tàu du lịch (Tourist Cruise) 4.2.8. Bãi cắm trại du lịch (Camping) 4.2.9. Caravan 4.2.10. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay)						
Chương 5. QUẢN TRỊ KINH DOANH SẢN PHẨM LƯU TRÚ	9,5	1,5		11	22	
5.1. Quản trị kinh doanh, phục vụ lưu trú 5.1.1. Bộ phận lễ tân 5.1.2. Bộ phận phục vụ buồng	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 3, chương 4
5.2. Quản trị kinh doanh ăn uống	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 5
5.3. Quản trị kinh doanh các dịch vụ bổ trợ 5.3.1. Các dịch vụ đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt 5.3.2. Các dịch vụ vận chuyển khách 5.3.3. Những dịch vụ khác (Dịch vụ tổ chức hội nghị,buổi	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
biểu diễn)						
5.4 Quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú 5.4.1. Nghiên cứu thị trường, phân đoạn thị trường và bán sản phẩm lưu trú 5.4.2. Đón tiếp khách 5.4.3. Phục vụ khách trong thời gian lưu trú 5.4.4. Tiễn khách rời khỏi cơ sở lưu trú	2,5			2,5	5	Đọc TLC 3, chương 4
5.5. Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh sản phẩm lưu trú 5.5.1. Nhóm giải pháp thu hút khách 5.5.2. Nhóm giải pháp đối với nhân viên 5.5.3. Nhóm giải pháp đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ khách	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị thực phẩm và đồ uống**
Tiếng Anh: **Food and beverages management**
- Mã học phần: KTDL2634
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 19 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh Tế Tài Nguyên và Môi Trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: người học trình bày được khái niệm quản trị thực phẩm và đồ uống, phân biệt được chức năng và nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống. Nhận diện được những hoạt động tác nghiệp tại bộ phận thực phẩm và đồ uống trong khách sạn, nhà hàng như: quản lý nhân lực, quản lý cơ sở vật chất, kế hoạch thực đơn,

quản lý mua và dự trữ, chế biến món ăn và pha chế đồ uống, phục vụ ăn uống. Từ đó áp dụng vào công tác quản trị thực phẩm và đồ uống trong công việc thực tế sau này.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Nhận diện và xác định được các công tác trong quản trị thực phẩm và đồ uống.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí công tác quản lý thực phẩm và đồ uống trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn và du lịch.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới

+ Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung chính của học phần bao gồm: khái quát về quản trị thực phẩm và đồ uống, quản trị nhân lực tại bộ phận thực phẩm và đồ uống, quản trị cơ sở vật chất bộ phận thực phẩm và đồ uống, kế hoạch thực đơn, quản trị mua và dự trữ thực phẩm đồ uống, quản trị chế biến món ăn và pha chế đồ uống, quản trị phục vụ ăn uống.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Bộ văn hóa thể thao và du lịch (2015, *Giáo trình quản trị chế biến món ăn*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), *Giáo trình quản lý bar và thức uống*, NXB giáo dục Việt Nam.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Quang Lê (2003), *Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Văn Hóa – Thông tin

2. Nguyễn Hữu Thắng (2015), *Giáo trình quản trị kinh doanh nhà hàng*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG	4			4	8	Đọc TLC3, chương 1
1.1. Khái niệm, đặc điểm và xu hướng phát triển kinh doanh dịch vụ ăn uống <i>1.1.1. Khái niệm dịch vụ ăn uống</i> <i>1.1.2. Khái niệm kinh doanh dịch vụ ăn uống</i>	1			1	2	
1.2. Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống <i>1.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống</i> <i>1.2.2. Nhiệm vụ của bộ phận thực phẩm và đồ uống</i>	1			1	2	
1.3. Khái niệm, nội dung quản trị thực phẩm và đồ uống <i>1.3.1. Khái niệm quản trị thực phẩm và đồ uống</i> <i>1.3.2. Nội dung quản trị thực phẩm và đồ uống</i>	2			2	4	
CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TẠI BỘ PHẬN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG	4	3		7	14	
2.1. Cơ cấu tổ chức của bộ phận thực phẩm và đồ uống <i>2.1.1. Mô hình tổ chức bộ phận thực phẩm và đồ uống</i> <i>2.1.2. Nhiệm vụ của một số chức</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, phần 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
danh quản lý và nhân viên 2.1.3. Quan hệ giữa bộ phận thực phẩm và đồ uống với các bộ phận khác						
2.2. Hoạch định và tuyển dụng lao động tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.2.1. Thiết kế và định mức công việc 2.2.2. Nhu cầu và tiêu chuẩn tuyển dụng	1			1	2	Đọc TLC 2, phần 1
2.3. Bố trí và sử dụng lao động tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.3.1. Phân công và phối hợp lao động 2.3.2. Nhiệm vụ trong ca làm việc	1	1		2	4	
2.4. Đào tạo, đánh giá và đãi ngộ lao động tại bộ phận thực phẩm và đồ uống 2.4.1. Đào tạo và phát triển lao động 2.4.2. Đánh giá và đãi ngộ lao động	1	1		2	4	
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT BỘ PHẬN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG	4	2		6	12	Đọc TLC1, chương 5
3.1. Bố trí mặt bằng các khu vực sản xuất 3.1.1. Nguyên tắc, yêu cầu và	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phương pháp</i> 3.1.2. Mặt bằng diễn hình các khu vực sản xuất						
3.2. Quản lý trang thiết bị dụng cụ 3.2.1. Đặc điểm, phân loại và yêu cầu về thiết bị đồ dùng 3.2.2. Mua sắm, sử dụng và thanh lý	2	1		3	6	
CHƯƠNG 4. KẾ HOẠCH THỰC ĐƠN	3	3		6	12	
4.1. Khái quát về thực đơn và kế hoạch thực đơn 4.1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò thực đơn 4.1.2. Khái niệm, phân loại, vai trò kế hoạch thực đơn	1			1	2	Đọc TLC (2) trang 82 – 92
4.2. Nguyên tắc xây dựng thực đơn 4.2.1. Nguyên tắc thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng 4.2.2. Nguyên tắc cơ cấu món ăn hợp lý 4.2.3. Nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực hiện 4.2.4. Nguyên tắc có hiệu quả kinh tế hợp lý	1	2		4	8	Đọc TLC (2) trang 92 - 95
4.3. Xây dựng và cải tiến thực đơn 4.3.1. Quy trình xây dựng thực đơn 4.3.2. Cải tiến thực đơn	1	1		3	6	Đọc TLC (2) trang 111 - 117

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	1	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ MUA VÀ DỰ TRỮ	4	4		8	16	Đọc TLC2, chương 2
5.1. Quản trị mua thực phẩm và đồ uống 5.1.1. Lập kế hoạch mua 5.1.2. Xác định nguồn hàng, nhà cung ứng 5.1.3. Tổ chức mua 5.1.4. Quản trị giao nhận hàng	2	2		4	8	
5.2. Quản trị dự trữ, bảo quản và cấp phát thực phẩm và đồ uống 5.2.1. Dự trữ và kiểm soát 5.2.2. Bảo quản thực phẩm và đồ uống 5.2.3. Tổ chức cấp phát thực phẩm và đồ uống	2	2		4	8	
CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ CHẾ BIẾN MÓN ĂN VÀ PHA CHẾ ĐỒ UỐNG	2	4		6	12	
6.1. Quản trị chế biến món ăn 6.1.1. Phương pháp và quy trình 6.1.2. Lập kế hoạch chế biến món ăn 6.1.3. Tổ chức chế biến món ăn 6.1.4. Kiểm soát chất lượng món ăn	1	2		4	8	Đọc TLC (2) trang 36 - 71
6.2. Quản trị pha chế đồ uống 6.2.1. Phương pháp và quy trình	1	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.2. Lập kế hoạch pha chế đồ uống 6.2.3. Tổ chức pha chế đồ uống 6.2.4. Kiểm soát chất lượng đồ uống						
CHƯƠNG 7. QUẢN TRỊ PHỤC VỤ ĂN UỐNG	3	3		6	12	Đọc TLC3, chương 4
7.1. Lập kế hoạch và tổ chức phục vụ ăn uống 7.1.1. Lập kế hoạch phục vụ 7.1.2. Điều hành, kiểm soát và đánh giá	1			2	4	
7.2. Chuẩn hóa các thao tác kỹ thuật cơ bản 7.2.1. Các thao tác chuẩn bị 7.2.2. Các thao tác phục vụ	1	1		2	4	
7.3. Quy trình phục vụ ăn uống 7.3.1. Quy trình phục vụ đồ uống 7.3.2. Quy trình phục vụ ăn thường 7.3.3. Quy trình phục vụ tiệc	1	2		3	6	
Kiểm tra			1	1	1	
Cộng	24	19	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về du lịch**
 - Tiếng Anh: **State management of tourism**
- Mã học phần: KTDL2503
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành,
Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về du lịch người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà

nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch.

- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Sau khi học xong sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản lý nhà nước về du lịch.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan để giải thích được các quy định cơ bản về quản lý nhà nước về du lịch.

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý nhà nước về du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản lý nhà nước về du lịch nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), *Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn*, NXB Lao động – Xã hội.

2. Đỗ Văn Phúc (2009), *Quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách khoa – Hà Nội.

3. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động – Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2009), *Giáo trình quản lý nhà nước về đất đai*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. Trần Thị Thúy Loan, Nguyễn Đình Quang (2013), *Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4. Võ Kim Sơn, (2012), *Giáo trình quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

5. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2010), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH						
1.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước 1.1.1. Một số khái niệm 1.1.2. Bản chất của quản lý nhà nước 1.1.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước 1.1.4. Chức năng của quản lý nhà nước 1.1.5. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước 1.1.6. Các công cụ quản lý hành chính nhà nước	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
1.2. Một số vấn đề quản lý nhà nước về du lịch 1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch 1.2.2. Vai trò quản lý nhà nước về du lịch 1.2.3. Đối tượng quản lý nhà nước về du lịch 1.2.4. Chức năng quản lý nhà nước về du lịch 1.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
CHƯƠNG 2. BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	7			7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Quá trình phát triển của công tác quản lý nhà nước về du lịch <i>2.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của ngành du lịch</i> <i>2.1.2. Công tác quản lý nhà nước về du lịch từ khi thành lập đến nay</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch <i>2.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch.</i> <i>2.2.2. Các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở nước ta hiện nay</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, phần 2 Đọc TLC 2, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	11	4		15	30	
3.1. Quản lý quy hoạch phát triển du lịch <i>3.1.1. Các loại quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.2. Nguyên tắc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.3. Nội dung quy hoạch phát triển du lịch</i> <i>3.1.4. Thẩm quyền lập, phê duyệt, quyết định quy hoạch phát</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, phần 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
triển du lịch 3.1.5. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch						
3.2. Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch 3.2.1. Quản lý khu du lịch 3.2.2. Quản lý điểm du lịch 3.2.3. Quản lý tuyến du lịch 3.2.4. Quản lý đô thị du lịch	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 3
3.3. Quản lý kinh doanh du lịch 3.3.1. Quy định chung về kinh doanh du lịch 3.3.2. Kinh doanh lữ hành 3.3.3. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch 3.3.4. Kinh doanh lưu trú du lịch 3.3.5. Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch 3.3.6. Kinh doanh dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.4. Quản lý hướng dẫn du lịch 3.4.1. Khái niệm hướng dẫn viên du lịch 3.4.2. Quản lý hướng dẫn viên du lịch	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
3.5. Xúc tiến du lịch 3.5.1. Nội dung xúc tiến du	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lịch</i> <i>3.5.2. Chính sách xúc tiến du lịch</i> <i>3.5.3. Hoạt động xúc tiến du lịch của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch</i> <i>3.5.4. Hoạt động xúc tiến du lịch của doanh nghiệp du lịch</i>						
3.6. Hợp tác quốc tế về du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
3.7. Thanh tra, kiểm tra du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1, phần 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	4	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TDHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị dự án khách sạn**
 - Tiếng Anh: **Hotel project management**
- Mã học phần: KTDL2851
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị dự án khách sạn, đánh giá được hoạt động quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị doanh thu, chi phí trong dự án khách sạn và việc lựa chọn các dự án. Từ đó, người học có thể áp dụng vào công việc trong tương lai.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị dự án khách sạn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các nội dung trong hoạt động quản trị dự án khách sạn để phát triển các kỹ năng lập và xác định thời gian của dự án, lựa chọn dự án khả thi.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị dự án khách sạn trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị dự án khách sạn gồm 8 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như tổng quan về dự án đầu tư, quản trị doanh thu và chi phí trong dự án kinh doanh khách sạn, lập kế hoạch lựa chọn dự án đầu tư, quản trị rủi ro trong đầu tư kinh doanh khách sạn. Từ đó, giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Từ Quang Phương (2011), *Quản lý dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lưu Thị Hương (2010), *Thẩm định tài chính dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Bùi Xuân Phong (2008.), *Quản trị dự án*, Nhà xuất bản học viện công nghệ bưu chính viễn thông

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5			5	10	Đọc TLC2, chương 1
1.1 Dự án đầu tư 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Đặc trình của dự án đầu tư	1			1	2	
1.2 Quản trị dự án đầu tư 1.2.1 Khái niệm, mục tiêu, vai trò của quản trị dự án đầu tư 1.2.2 Nội dung quản trị dự án đầu tư	2			2	4	
1.3 Phân biệt quản trị dự án với quản trị sản xuất liên tục	2			2	4	
Chương 2. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH KHÁCH SẠN	5			5	10	Đọc TLC1, chương 1
2.1 Các khái niệm cơ bản 2.1.1 Khái niệm kinh doanh khách sạn 2.1.2 Khái niệm kinh doanh lưu trú 2.1.3 Khái niệm kinh doanh ăn uống 2.1.4 Khách của khách sạn 2.1.5 Sản phẩm của khách sạn	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Đặc điểm của kinh doanh khách sạn 2.2.1 Kinh doanh khách sạn phục thuộc vào tài nguyên du lịch tại các điểm đến du lịch 2.2.2 Kinh doanh khách sạn đòi hỏi dung lượng vốn đầu tư lớn 2.2.3 Kinh doanh khách sạn đòi hỏi dung lượng lao động trực tiếp tương đối lớn 2.2.4 Kinh doanh khách sạn mang tính quy luật	2			2	4	
2.3 Ý nghĩa của kinh doanh khách sạn 1.3.1 Ý nghĩa kinh tế 1.3.2 Ý nghĩa xã hội	2			2	4	
Chương 3. QUẢN TRỊ DOANH THU VÀ CHI PHÍ TRONG KINH DOANH DỰ ÁN KHÁCH SẠN	3	3		6	12	Đọc TLC1, chương 8 Đọc TLC2, chương 2,3
3.1 Các khoản doanh thu trong khách sạn 3.1 Phân tích doanh thu ngoại tệ của khách sạn 3.1.1 Các yếu tố ảnh hưởng tới doanh thu ngoại tệ của khách sạn	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2 Phân tích doanh thu ngoại tệ của khách sạn theo thời gian						
3.1.3 Phân tích doanh thu của việc kinh doanh dịch vụ lưu trú						
3.1.4 Phân tích doanh thu từ kinh doanh dịch vụ phục vụ ăn uống						
3.2 Phân tích chi phí trong hoạt động kinh doanh dự án khách sạn 3.2.1 Các khái niệm cơ bản 3.2.2 Phân tích chi phí trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	2	2		4	8	
3.2.3 Phân tích chi phí hoạt động phục vụ ăn uống						
Chương 4. LẬP KẾ HOẠCH VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	3		6	12	Đọc TLC1, chương 5
4.1 Lập kế hoạch dự án đầu tư 4.1.1 Nghiên cứu phát hiện cơ hội đầu tư 4.1.2 Nghiên cứu tiền khả thi	1	1		2	4	
4.1.3 Nghiên cứu khả thi 4.1.4 Lập kế hoạch dự án						
4.2 So sánh và lựa chọn	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phương án kinh doanh khách sạn 4.2.1 Xét trên phương diện tài chính 4.2.2 Xét trên phương diện kinh tế xã hội 4.2.3 Xen trên phương diện khác						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUẢN TRỊ THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ DỰ ÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	3		6	12	Đọc TLC2, chương 3
5.1 Mạng công việc 5.1.1 Khái niệm và tác dụng 5.1.2 Phương pháp biểu diễn mạng công việc	1	1		2	4	
5.2 Phương pháp sơ đồ mạng PERT 5.2.1 Khái niệm và cấu trúc của sơ đồ PERT 5.2.2 Các ký hiệu, qui tắc lập sơ đồ PERT	2	2		4	8	
5.2.3 Các bước vẽ sơ đồ PERT 5.2.4 Ưu điểm và hạn chế của sơ đồ PERT						
Chương 6. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH VÀ QUẢN	3	2		5	10	Đọc TLC1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRỊ CHI PHÍ DỰ ÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN						
6.1 Dự toán ngân sách 6.1.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm 6.1.2 Phân loại dự toán ngân sách 6.1.3 Phương pháp dự toán ngân sách	1	1		2	4	
6.2 Quản trị chi phí dự án khách sạn 6.2.1 Chi phí dự án 6.2.2 Dự toán chi phí công việc dự án	2	1		3	6	
6.2.3 Phân tích dòng chi phí dự án 6.2.4 Kiểm soát chi phí dự án						
Chương 7. QUẢN TRỊ RỦI RO DỰ ÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	2		5	10	Đọc TLC2, chương 5
7.1 Rủi ro 7.1.1 Khái niệm 7.1.2 Phân loại 7.1.3 Các phương pháp đo lường rủi ro	1	1		2	4	
7.2 Quản trị rủi ro 7.2.1 Khái niệm quản trị rủi ro	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2.2 Nội dung quản trị rủi ro 7.2.3 Các phương pháp quản trị rủi ro						
Chương 8. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN	3	2		5	10	Đọc TLC1, chương 8
8.1 Giám sát dự án khách sạn 8.1.1 Khái niệm, vai trò của giám sát dự án 8.1.2 Phân loại giám sát dự án	1	1		2	4	
8.1.3 Các phương pháp giám sát dự án 8.1.4 Nội dung của giám sát dự án	2	1		3	6	
8.2 Đánh giá dự án 8.2.1 Khái niệm, mục tiêu của đánh giá dự án 8.2.2 Phân loại đánh giá dự án						
8.2.3 Các bước đánh giá dự án 8.2.4 Các phương pháp đánh giá dự án 8.2.5 Nội dung cơ bản của báo cáo đánh giá dự án						
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	28	15	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn**
Tiếng Anh: **Hospitality entertainment services Business administration**
- Mã học phần: KTDL2852
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương, Marketing căn bản.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn, hiểu sâu hơn về hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình dịch vụ điển hình như: thể dục dưới nước, các loại hình tắm điều trị, dịch vụ quầy bar và hoạt động phân tích kết quả kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn. Từ đó, người học có thể áp dụng vào công việc trong tương lai.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các nội dung trong hoạt động quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí để phát triển các kỹ năng quản lý và phát triển dịch vụ trong khách sạn. Từ đó, làm hài lòng khách du lịch trong quá hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị trong doanh nghiệp du lịch và các ứng xử hợp lý làm hài lòng khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản như quản trị hoạt động kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hoạt động dịch vụ quầy bar, quản trị chất lượng dịch vụ giải trí và phân tích kết quả kinh doanh dịch vụ trong khách sạn. Từ đó, giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn*, NXB Phương Đông
5. Nguyễn Văn Đỉnh (2007), *Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động-xã hội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ GIẢI TRÍ TRONG KHÁCH SẠN						Đọc TLC1, Chương 1
1.1 Sản phẩm dịch vụ trong kinh doanh khách sạn 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Phân loại sản phẩm dịch vụ trong kinh doanh khách sạn 1.1.3 Đặc điểm của sản phẩm dịch vụ trong kinh doanh khách sạn						
1.2 Ý nghĩa của sự phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn 1.2.1 Ý nghĩa về kinh tế 1.2.2 Ý nghĩa về xã hội						
Chương 2. QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRONG KHÁCH SẠN						Đọc TLC3, Chương 4
2.1 Thể dục dưới nước						
2.2 Spa và mát-xa						
2.3 Các loại hình tắm trị liệu 2.3.1 Tắm nước suối thiên nhiên 2.3.2 Tắm nắng						
2.3.3 Tắm cát và bùn 2.3.4 Sauna 2.2.5 Dịch vụ WAXING và PEELING						
2.4 Quản lý nguồn thu và chi hoạt động chăm sóc sức khỏe trong khách sạn 2.4.1 Quản lý nguồn thu 2.4.2 Quản lý nguồn chi						
Chương 3. QUẢN TRỊ KINH						Đọc TLC3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
DOANH DỊCH VỤ QUẦY BAR TRONG KHÁCH SẠN						Chương 3
3.1 Khái niệm và lịch sử hình thành quầy bar 3.1.1 Lịch sử hình thành quầy bar 3.1.2 Khái niệm quầy bar						
3.2 Nguyên tắc thiết kế và trang trí quầy bar						
3.3 Quy trình phục vụ quầy bar 3.3.1 Chuẩn bị phục vụ 3.3.2 Phục vụ khách						
3.4 Quản lý nguồn thu và chi hoạt động quầy bar trong khách sạn 3.4.1 Quản lý nguồn thu 3.4.2 Quản lý nguồn chi						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ GIẢI TRÍ TRONG KINH DOANH KHÁCH SẠN						Đọc TLC1, Chương 7
4.1 Khái niệm 4.1.1 Khái niệm chất lượng 4.1.1 Khái niệm chất lượng dịch vụ trong kinh doanh giải trí trong khách sạn						
4.2 Đặc điểm của chất lượng dịch vụ giải trí của khách sạn						
4.3 Ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng dịch vụ giải trí rong kinh						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh khách sạn						
4.4 Đánh giá chất lượng dịch vụ giải trí trong kinh doanh khách sạn						
4.5 Quản lý chất lượng dịch vụ giải trí trong kinh doanh khách sạn						
Chương 5. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG VÀ KIỂM TRA KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÁCH SẠN						Đọc TLC1, Chương 8
5.1 Kiểm tra và kiểm soát hoạt động thu và chi của khách sạn 5.1.1 Kiểm tra kết quả nguồn thu và chi của khách sạn 5.1.2 Kiểm soát hoạt động trong khách sạn						
5.2 Phân tích kết quả kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn 5.2.1 Phân tích kết quả kinh doanh của khách sạn 5.2.2 Nội dung phân tích kết quả kinh doanh của khách sạn						
5.2.3 Phân tích tài chính hoạt động dịch vụ trong khách sạn						
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	33	10	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn**
- Tiếng Anh: **English for Hotel Management**
- Mã học phần: KTDL2553
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, Hospitality Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1,2,3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 13 tiết
 - Bài tập: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học xong môn học sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về tiếng anh trong nhà hàng, tiếng anh trong khách sạn, tiếng anh trong kinh doanh khách sạn.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng đọc:

Sinh viên có thể đọc được các tài liệu về tiếng anh chuyên ngành quản trị khách sạn, hiểu được nội dung của bài đọc và trả lời được các câu hỏi về nội dung của bài đọc với số lượng từ vựng từ 500 từ trở lên.

+ Kỹ năng nghe, nói :

Có thể nghe và thảo luận các vấn đề chuyên ngành trong giao tiếp thông thường, trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động hoặc quy trình nghiệp vụ cơ bản về các chủ đề quản trị khách sạn đã được học trong bài khóa.

+ Kỹ năng dịch thuật :

Có thể dịch được Anh – Việt, Việt – Anh các tài liệu chuyên ngành ở cấp độ cơ sở. Hiểu và biết cách sử dụng các cấu trúc ứng dụng trong quá trình dịch và rèn luyện kỹ năng cơ bản về tìm, đọc và dịch tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.

+ Kỹ năng viết:

Có thể viết những đoạn văn ngắn về hoạt động quản trị khách sạn dựa trên vốn từ đã được học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Part A: English for Hotel Staff

- Part B: English for Restaurant Staff

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thị Ngọc Thúy (2015), *giáo trình tiếng anh chuyên ngành quản trị khách sạn*, NXB giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. LiveABC. (2010). *Hotel English- A hands-on course for hotel professionals*, NTV Publisher.
2. LiveABC. (2010). *Restaurant English - A hands-on course for hotel professionals*, NTV Publisher.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☒	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Part A: English for Hotel Staff	8	10	1		19	38	
Unit 1: Hotel types and locations	0,5	1			1,5	3	Đọc TLC 1, unit 1 part A
Unit 2: Hotel jobs and departments	0,5	1			1,5	3	Đọc TLC 1, unit 2 part A

Unit 3: Room types	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 3 part A
Unit 4: Room furnishings and equipment	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 4 part A
Unit 5: Room rates	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 5 part A
Unit 6: Hotel reservations	1	2			3	6	Độc TLC 1, unit 6,7 part A
Unit 7: Giving direction indoors	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 8 part A
Unit 8: Hotel check – in	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 9 part A
Unit 9: Hotel facilities and services	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 10 part A
Unit 10: Chamber and laundry services	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 11 part A
Unit 11: Dealing with complaint	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 16 part A
Unit 12: Flight reservations	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 17 part A
Unit 13: Tourist information	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 19 part A
Unit 14: Currency exchange	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 21 part A
Unit 15: Hotel checkout	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 22 part A
Kiểm tra			1		1	2	
Part B: English for Restaurant Staff	5	5	1		11	22	
Unit 1: Restaurant introduction	1	1			2	4	Độc TLC 1, unit 1 part B
Unit 2: Describing a restaurant – Dealing with enquiries	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit 2 part B
Unit 3: Taking reservations	0,5	0,5			1	2	Độc TLC 1, unit

							3 part B
Unit 4: Receiving and seating guests	0,5	0,5			1	2	Đọc TLC 1, unit 4 part B
Unit 5: The menu	1	1			2	4	Đọc TLC 1, unit 5,6 part B
Unit 6: Room service	0,5	0,5			1	2	Đọc TLC 1, unit 7 part B
Unit 7: Complaints	0,5	0,5			1	2	Đọc TLC 1, unit 8 part B
Unit 8: Giving the bill and seeing off guests	0,5	0,5			1	2	Đọc TLC 1, unit 9 part B
Kiểm tra			1		1	2	
Cộng	13	15	2		30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược**
 - Tiếng Anh: **Strategic management**
- Mã học phần: KTQU2591
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghệ □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 34 tiết
 - Bài tập : 09 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được một số khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; Biết nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Thiết lập mục tiêu chiến lược; Xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp;

Hoạch định chiến lược cấp doanh nghiệp và cấp chức năng; Thực hiện và đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; Lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của công tác nghiên cứu chiến lược kinh doanh trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngô Kim Thanh (2011), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Fredr. David (2012), *Khái luận về Quản trị chiến lược*, NXB thống kê.

3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), *Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống*, NXB Phương Đông.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Porter, M.E (1996), *What is strategy in Havard Business Review*.

2. Porter, M., Michael Porter on Strategy (2005), *Leadership Excellence*.

3. Henri, J.-F (2006), *Management control systems and strategy: A resource-based perspective. Accounting, Organizations and Society*.

4. Dixit, A.K. and B.J. Nalebuff (2006), *Tư duy chiến lược: Thinking strategically*, ed. NXB.Tri Thức.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
1.1. Khái quát về chiến lược 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc trưng của chiến lược kinh doanh 1.1.3. Các cấp chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược 1.2.1. Khái niệm	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2. Vai trò của quản trị chiến lược 1.2.3. Các mô hình quản trị chiến lược 1.2.4. Các giai đoạn quản trị chiến lược 1.2,5. Ra quyết định chiến lược						
Chương 2. NGHIÊN CỨU MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
2.1.Môi trường kinh doanh 2.1.1. Môi trường bên ngoài 2.1.2. Môi trường nội bộ doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3, 4
2.2. Tạo lập hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự báo môi trường kinh doanh 2.2.1. Xác định nhu cầu thông tin 2.2.2. Xác định các nguồn cung cấp thông tin 2.2.3. Xây dựng hệ thống thu thập và xử lý thông tin 2.2.4. Dự báo diễn biến của các yếu tố môi trường 2.2.5. Tổng hợp kết quả phân tích và dự báo môi trường kinh doanh 2.2.6. Phân tích cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh và điểm yếu của Doanh nghiệp	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.7. Đề xuất các phản ứng chiến lược						
Chương 3. VIỄN CẢNH, SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
3.1. Viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.1. Khái quát về viễn cảnh của doanh nghiệp 3.1.2. Các yếu tố cấu thành của Viễn cảnh (Cấu trúc của viễn cảnh)	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2
3.2. Sứ mạng (nhiệm vụ) của doanh nghiệp 3.2.1. Khái quát về sứ mạng và bản tuyên bố sứ mạng 3.2.2. Vai trò của mục tiêu 3.2.3. Các yêu cầu đối với hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành hệ thống mục tiêu chiến lược 3.3.5. Lựa chọn các mục tiêu chiến lược	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 2
Chương 4. LỢI THẾ CẠNH TRANH	4	1		5	10	
4.1. Khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh 4.1.1. Cạnh tranh, lợi thế cạnh tranh và quan điểm tạo lợi thế cạnh tranh 4.1.2. Bản chất của lợi thế cạnh tranh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Tạo dựng lợi thế cạnh tranh 4.2.1. Nguồn gốc của lợi thế cạnh tranh 4.2.2. Các khối tạo lợi thế cạnh tranh 4.2.3. Các tiêu chuẩn để xác định lợi thế cạnh tranh bền vững 4.2.4. Lựa chọn lợi thế cạnh tranh	2			2	4	Độc TLC 1, chương 5
4.3. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.1. Phân tích tính lâu bền chiến của lợi thế cạnh tranh 4.3.2. Duy trì lợi thế cạnh tranh 4.3.3. Các yếu tố tác động đến việc xây dựng lợi thế cạnh tranh	1	1		2	4	Độc TLC 1, chương 5
Chương 5. CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP	4	1		5	10	
5.1. Chiến lược tăng trưởng 5.1.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung 5.1.2. Chiến lược tăng trưởng bằng con đường hội nhập (liên kết) 5.1.3. Chiến lược tăng trưởng bằng cách đa dạng hoá	1	0,5		1,5	3	Độc TLC 1, chương 7
5.2. Chiến lược suy giảm 5.2.1. Cắt giảm chi phí 5.2.2. Thu lại vốn đầu tư 5.2.3. Thu hoạch 5.2.4. Chiến lược rút lui	2	0,5		2,5	5	Độc TLC 1, chương 7
5.3. Chiến lược đổi mới	1			1	2	Độc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. CHIẾN LƯỢC CẤP ĐƠN VỊ KINH DOANH VÀ CẤP CHỨC NĂNG	4	1		5	10	
6.1. Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.1. Khái quát về chiến lược cấp đơn vị kinh doanh 6.1.2. Các chiến lược cấp đơn vị kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
6.2. Các chiến lược chức năng 6.2.1. Chiến lược sản xuất/tác nghiệp 6.2.2. Chiến lược tài chính 6.2.3. Chiến lược nghiên cứu và phát triển 6.2.4. Chiến lược quản trị nguồn nhân lực 6.2.5. Chiến lược Quản trị hệ thống thông tin 6.2.6. Chiến lược marketing	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7.LỰA CHỌN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	3	1		4	8	
7.1. Lựa chọn chiến lược 7.1.1. Yêu cầu của lựa chọn chiến lược 7.1.2. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến việc lựa chọn chiến lược 7.1.3. Quy trình lựa chọn chiến lược	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lược 7.1.4. Mô hình phân tích và lựa chọn chiến lược						
7.2. Thực hiện chiến lược 7.2.1. Bản chất và nguyên tắc của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.2. Nội dung chủ yếu của quá trình thực hiện chiến lược 7.2.3. Quản trị thay đổi trong thực hiện chiến lược 7.2.4. Tạo môi trường văn hoá hỗ trợ cho chiến lược	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLC 3, chương 7
Chương 8. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC	4	1		5	10	
8.1. Bản chất của việc đánh giá chiến lược 8.1.1. Mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.1.2. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 15
8.2. Quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.1. Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh 8.2.2. Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra 8.2.3. Phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá chiến	3	0,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 15; Đọc TLC 3, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lược kinh doanh</i> 8.2.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh theo tiêu chuẩn 8.2.5. Tổ chức điều chỉnh chiến lược kinh doanh 8.2.6. Điều kiện kiểm tra, đánh giá chiến lược kinh doanh có hiệu quả						
Chương 9. CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU	4	1		5	10	
9.1. Toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược 9.1.1. Những vấn đề đặt ra trong xu thế toàn cầu hóa 9.1.2. Những áp lực mà các doanh nghiệp phải đối mặt trước xu thế toàn cầu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
9.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh toàn cầu 9.2.1. Chiến lược đa quốc gia 9.2.2. Chiến lược xuyên quốc gia 9.2.3 Chiến lược toàn cầu 9.2.4. Chiến lược quốc tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
9.3. Các phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài 9.3.1. Xuất khẩu 9.3.2. Bán bản quyền 9.3.3. Nhượng quyền kinh	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
doanh 9.3.4. Liên doanh 9.3.5. Lập các công ty con sở hữu hoàn toàn						
9.4. Các liên minh chiến lược toàn cầu 9.4.1. Các lợi thế của liên minh chiến lược 9.4.2. Bất lợi của các liên minh chiến lược	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quan hệ công chúng**
Tiếng Anh: **Public Relations**
- Mã học phần: **KTQU2649**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

Bài tập: 07 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các vấn đề căn bản về quan hệ công chúng, các thành phần tham gia vào quan hệ công chúng. Phân tích quy trình quản trị quan hệ công chúng, các nhóm công chúng điển hình. Tổng hợp và đánh giá quá trình quản trị khủng hoảng, các công việc chủ yếu trong hoạt động tổ chức sự kiện cũng như hoạt động tài trợ.

- *Về kỹ năng:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quan hệ công chúng, các kỹ năng quan hệ công chúng cần phải có. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quan hệ công chúng; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quan hệ công chúng, các thành phần tổ chức tham gia quan hệ công chúng, các hoạt động quan hệ công chúng đối với một số công chúng điển hình, quản trị khủng hoảng, tổ chức sự kiện và các hoạt động tài trợ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Toàn (2017), *Bài giảng Quan hệ công chúng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Lưu Văn Nghiê (2012), *Quan hệ công chúng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lưu Văn Nghiê (2010), *Tổ chức sự kiện*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

2. Ngô Minh Cách (2010), *Quan hệ công chúng*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. **Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)	Tự	

	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng	học (Gi ờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	6			6	12	Đọc TLC (1) Chương 1, TLC 3 chương 1. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Bản chất của hoạt động quan hệ công chúng 1.1.1. Khái niệm, vai trò, chức năng về quan hệ công chúng 1.1.2. Quá trình phát triển của quan hệ công chúng 1.1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển quan hệ công chúng. 1.1.4. Phân biệt hoạt động quan hệ công chúng với các hoạt động truyền thông khác.	2			2	4	
1.2 Các bộ phận cấu thành của hoạt động quan hệ công chúng 1.2.1 Quan hệ đối nội 1.2.2 Quan hệ với giới truyền thông cho chương trình quan hệ công chúng. 1.2.3 Quan hệ cộng đồng 1.2.4 Vận động hành lang 1.2.5 Quản trị khủng hoảng 1.2.6 Quan hệ với nhà đầu tư	2			2	4	
1.3. Vấn đề đạo đức và pháp luật trong quan hệ công chúng 1.3.1. Vấn đề đạo đức và tính chuyên nghiệp trong quan hệ công chúng 1.3.2. Vấn đề luật pháp trong quan hệ công chúng	2			2	4	
Chương 2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	7	1		8	16	Đọc TLC (1) chương 2; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của
2.1 Các thành phần tham gia vào hoạt động quan hệ công chúng	1			1	2	
2.2. Tổ chức hoạt động phòng quan hệ công chúng trong doanh nghiệp,	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tổ chức. 2.2.1. Sự hình thành phòng quan hệ công chúng 2.2.2. Vai trò của quan hệ công chúng trong việc ra quyết định 2.2.3. Những ưu nhược điểm của phòng quan hệ công chúng nội bộ 2.2.4. Vai trò của nhân viên						giảng viên
2.3. Công ty tư vấn quan hệ công chúng bên ngoài 2.3.1. Những lý do sử dụng các công ty tư vấn dịch vụ quan hệ công chúng bên ngoài. 2.3.2. Mối quan hệ giữa công ty tư vấn quan hệ công chúng với khách hàng. 2.3.3. Những ưu nhược điểm của sử dụng công ty tư vấn PR bên ngoài 2.3.4. Ngân sách kết quả bán hàng 2.3.5. Chi phí cho công ty tư vấn quan hệ công chúng bên ngoài.	2	1		3	6	
2.4. Quy trình quản trị quan hệ công chúng. 2.4.1. Xác định vấn đề hay cơ hội quan hệ công chúng 2.4.2. Lập kế hoạch chương trình 2.4.3. Chương trình hành động và truyền thông 2.4.4. Đánh giá chương trình quan hệ công chúng.	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CÔNG CHÚNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÔNG CHÚNG ĐIỂN	7	1		8	16	Đọc TLC (1) chương 4, TLC 3 chương 4,7;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HÌNH						Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Quan hệ và truyền thông nội bộ 3.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng quan hệ công chúng nội bộ 3.1.2. Hoạt động quan hệ công chúng nội bộ 3.1.3. Phương tiện truyền thông quan hệ công chúng nội bộ 3.1.4. Kiểm soát các phương tiện truyền thông quan hệ công chúng nội bộ.	1			1	2	
3.2. Quan hệ với giới truyền thông 3.2.1. Khái niệm giới truyền thông 3.2.2. Tầm quan trọng và nhiệm vụ của quan hệ với giới truyền thông 3.2.3. Hoạt động quan hệ với giới truyền thông 3.2.4. Các công cụ và kỹ năng trong quan hệ với giới truyền thông	2			2	4	
3.3. Quan hệ cộng đồng 3.3.1. Khái niệm, tầm quan trọng và nhiệm vụ của quan hệ cộng đồng 3.3.2. Thực hiện quan hệ cộng đồng 3.3.3. Các hoạt động quan hệ cộng đồng 3.3.4. Một số chỉ dẫn để hoạt động quan hệ cộng đồng hiệu quả	2	1		3	6	
3.4. Quan hệ với nhà đầu tư 3.4.1. Khái niệm, tầm quan trọng và nhiệm vụ của quan hệ với nhà đầu tư 3.4.2. Thực hiện quan hệ với nhà đầu tư 3.4.3. Các công cụ quan hệ với nhà đầu tư	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4.4. Kiểm soát vấn đề khủng hoảng trong quan hệ với nhà đầu tư.						
Chương 4. QUẢN TRỊ KHỦNG HOẢNG	4	1		5	10	Đọc TLC (1) chương 5; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Dư luận và dòng chảy dư luận 4.1.1. Khái niệm về dư luận 4.1.2. Người định hướng dư luận 4.1.3. Dòng chảy dư luận 4.1.4. Hoạt động thuyết phục trong quan hệ công chúng.	2			2	4	
4.2. Quản trị khủng hoảng 4.2.1. Khái niệm về khủng hoảng và quản trị khủng hoảng 4.2.2. Vai trò của quan hệ công chúng trong quản trị khủng hoảng 4.2.3. Nhận diện những mối nguy hiểm tiềm tàng 4.2.4. Quản trị khủng hoảng 4.2.5. Quản trị danh tiếng.	2	1		3	6	
Chương 5. TỔ CHỨC SỰ KIỆN	6	2		8	16	Đọc TLC (1) chương 6, TLC 2 chương 1,2,3,4; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Bản chất của tổ chức sự kiện 5.1.1. Khái niệm các loại hình tổ chức sự kiện 5.1.2. Đặc điểm các hoạt động trong tổ chức sự kiện 5.1.3. Thành phần tham gia trong một sự kiện 5.1.4. Quy trình tổ chức sự kiện	2			2	4	
5.2. Các thành phần chủ yếu trong bản kế hoạch sự kiện 5.2.1. Mục tiêu sự kiện 5.2.2. Chủ đề ý tưởng sự kiện 5.2.3. Kế hoạch sự kiện	2	1		3	6	
5.3. Các công việc chủ yếu trong	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hoạt động tổ chức sự kiện 5.3.1. Các công việc liên quan đến khách mời 5.3.2. Các công việc liên quan đến tổ chức sự kiện 5.3.3. Các công việc liên quan đến trình diễn sự kiện 5.3.4. Một số công việc hậu cần và phòng tránh rủi ro						
Chương 6. HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ	6	2		8	16	Đọc TLC (1) chương 7; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Khái quát về hoạt động tài trợ 6.1.1. Khái niệm về tài trợ 6.1.2. Các loại hình và thành phần tham gia tài trợ 6.1.3. Công chúng và mục tiêu của hoạt động tài trợ	1			1	2	
6.2. Quy trình tài trợ 6.2.1. Quy trình tài trợ của nhà tài trợ 6.2.2. Quy trình tài trợ của chủ thể nhận tài trợ	2	1		3	6	
6.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc xem xét lựa chọn chủ thể để tài trợ 6.3.1. Tiếp xúc với sự kiện được tài trợ 6.3.2. Khai thác tài trợ và sự tích hợp tài trợ với chiến lược truyền thông marketing 6.3.3. Thời gian tài trợ	2	1		3	6	
6.4. Tài sản tài trợ 6.4.1. Tài sản hữu hình 6.4.2. Tài sản vô hình	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị quan hệ khách hàng**
Tiếng Anh: **Customer Relationship Management**
- Mã học phần: **KTQU2606**
- Số tín chỉ: **03**
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
Bài tập: 12 tiết
Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: các khái niệm, đặc điểm và những tư tưởng về khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng; cơ sở dữ liệu khách hàng; hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng; hiểu được mô hình IDIC, nhận diện được khách hàng theo các tiêu thức khác nhau, khai thác và phân tích được cơ sở dữ liệu khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua qui trình tự động

hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; thiết lập hệ thống CRM trong doanh nghiệp và các giải pháp nhằm triển khai hệ thống CRM.

- *Về kỹ năng*: Từ việc nghiên cứu các vấn đề lý thuyết về CRM và áp dụng các giải pháp triển khai CRM vào trong việc lập kế hoạch chiến lược Marketing, bán hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng của các doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị quan hệ khách hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: quản trị quan hệ khách hàng; cơ sở dữ liệu khách hàng; hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng; hiểu được mô hình IDIC, nhận diện được khách hàng theo các tiêu thức khác nhau, khai thác và phân tích được cơ sở dữ liệu khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua qui trình tự động hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; thiết lập hệ thống CRM trong doanh nghiệp và các giải pháp nhằm triển khai hệ thống CRM.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), *Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Tài chính.

2. Lưu Đan Thọ, Lương Văn Quốc (2016), *Marketing mối quan hệ và Quản trị quan hệ khách hàng*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. P. Kotler and K. L. Keller (2005), *Marketing Management*, 12th edition, Upper Saddle River, N J: Pearson Prentice-Hall.

2. J. Anton and N . L. Petouhoff (2002), *Customer Realationship Management: The Bottom Line to Optimizing Your ROI*, Upper Saddle River, N J: Prentice-Hall.C

3. Ed Peelen (2005), *Customer Realationship Management*, Financial Times Press.

4. K. Anderson and C. Kerr (2006), *Customer Realationship Management*, McGraw Hill New York

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG	5	1		6	12	Đọc TLC 1,2 chương 1;
1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Quản trị quan hệ khách hàng	1			1	2	
1.2 Một số khái niệm cơ bản của Quản trị quan hệ khách hàng 1.2.1 Khách hàng 1.2.2 Quan hệ khách hàng 1.2.3 Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	1			1	2	
1.3 Hệ thống và tiến trình CRM 1.3.1 Vai trò của hệ thống CRM 1.3.2 Chức năng của hệ thống CRM	1			1	2	
1.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị quan hệ khách hàng	1	0,5		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.1. Mối quan hệ lâu bền với khách hàng 1.4.2. Quy trình sản phẩm 1.4.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp						
1.5 Mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị khác trong doanh nghiệp 1.5.1 CRM với Marketing 1.5.2. Bán hàng với CRM 1.5.3. Truyền thông với CRM 1.5.4 Dịch vụ khách hàng với CRM 1.5.5. Con người với CRM	1	0,5		1,5	3	
Chương 2. DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG TRONG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG	4	2		6	12	Độc TLC 1, chương 2;
2.1. Bản chất và vai trò của dịch vụ khách hàng 2.1.1. Bản chất của dịch vụ khách hàng 2.1.2. Vai trò của dịch vụ khách hàng	1			1	2	
2.2. Các cấp độ của dịch vụ khách hàng 2.2.1. Khách hàng mua hàng lần đầu 2.2.2. Khách hàng mua hàng lặp lại 2.2.3. Khách hàng trung thành	1	0,5		1,5	3	
2.3. Lựa chọn hình thức dịch vụ khách hàng/bán hàng 2.3.1. Hồ sơ Pyramid 2.3.2. Hồ sơ Hourglass 2.3.3. Hồ sơ Hexagon	1	0,5		1,5	3	
2.4. Cạm bẫy của hồ sơ dịch vụ	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khách hàng 2.4.1. Tập trung vào phần đỉnh 2.4.2. Tập trung vào cửa trước						
Chương 3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 3; TLC 2 chương 2
3.1. Cơ sở xây dựng chiến lược quản trị quan hệ khách hàng 3.1.1. Phân tích chiến lược kinh doanh 3.1.2. Phân tích chiến lược khách hàng 3.1.3. Phân tích ngành và môi trường cạnh tranh	1			1	2	
3.2. Phát triển chiến lược Quản trị quan hệ khách hàng 3.2.1. Chiến lược bán hàng lấy sản phẩm làm trọng tâm 3.2.2. Chiến lược quản lý dịch vụ và hỗ trợ 3.2.3. Chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm 3.2.4. CRM cá nhân hóa	2	1		3	6	
3.3. Xây dựng chiến lược CRM 3.3.1. Lựa chọn người tham gia 3.3.2. Chuẩn bị cho cuộc họp đầu tiên 3.3.3. Hợp xây dựng chiến lược CRM 3.3.4. Xác định các chiến lược tiềm năng 3.3.5. Lựa chọn chiến lược CRM	1	1		2	4	
Chương 4. QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÁCH HÀNG	4	2		6	12	Đọc TLC 1,2 chương 4;
4.1. Dữ liệu và thông tin 4.1.1. Tầm quan trọng của dữ liệu thông tin trong CRM	1	0,5		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.2. Các loại dữ liệu thông tin cần thu thập 4.1.3. Giải mã thông tin						
4.2. Quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng 4.2.1. Sự hợp tác của nhân viên 4.2.2. Chia sẻ cơ sở dữ liệu 4.2.3. Chi tiết cơ sở dữ liệu 4.2.4. Khai thác dữ liệu	1	0,5		1,5	3	
4.3 Vấn đề pháp lý và đạo đức trong sử dụng dữ liệu, thông tin 4.3.1 Vấn đề pháp lý 4.3.2 Các quy tắc đạo đức	1	0,5		1,5	3	
4.4. Công cụ thu thập thông tin khách hàng 4.4.1. Nguồn thông tin và dữ liệu 4.4.2. Các công cụ thu thập thông tin hữu hiệu 4.4.3. Độ tin cậy của thông tin	1	0,5		1,5	3	
Kiểm tra				1	2	
Chương 5. QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG VỚI TRUYỀN THÔNG MARKETING, BÁN HÀNG VÀ MARKETING TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN	4	2		6	12	Đọc TLC 1,2 chương 5;
5.1 Quản trị quan hệ khách hàng với truyền thông Marketing, bán hàng 5.1.1 Khái quát về truyền thông Marketing 5.1.2 Quảng cáo 5.1.3 Quan hệ công chúng (PR) 5.1.4 Bán hàng cá nhân 5.1.5 Khuyến mại (Xúc tiến bán hàng)	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2 Marketing trực tiếp và marketing trực tuyến 5.2.1 Marketing trực tiếp 5.2.2 Marketing trực tuyến (Internet marketing)	2	1		3	6	
CHƯƠNG 6. DUY TRÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN TRỊ XUNG ĐỘT	5	1		6	12	
6.1. Tổ chức hoạt động chăm sóc khách hàng 6.1.1. Khái niệm chăm sóc khách hàng 6.1.2. Vai trò của công tác chăm sóc khách hàng 6.1.3. Các nguyên tắc thiết kế chương trình chăm sóc khách hàng 6.1.4. Các phương thức chăm sóc khách hàng 6.1.5. Tổ chức bộ phận chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 6;
6.2. Quản lý các xung đột với khách hàng 6.2.1. Khái niệm và đặc trưng của xung đột 6.2.2. Quản trị xung đột 6.2.3. Các phương pháp giải quyết xung đột	2	1		3	6	
6.3. Xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp 6.3.1. Đào tạo nhân viên về CRM 6.3.2. Cung cấp dịch vụ khách hàng hiệu quả 6.3.3. Luôn nghĩ đến khách hàng	1			1	2	
CHƯƠNG 7. KIỂM TRA, ĐÁNH	5	1		6	12	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG						chương 1;
7.1. Vị trí và nội dung việc kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động CRM <i>7.1.1. Tầm quan trọng của các hoạt động kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động CRM</i> <i>7.1.2. Các nội dung cần đánh giá</i>	1			1	2	
7.2. Các giai đoạn đánh giá hoạt động CRM <i>7.2.1. Nghiên cứu đánh giá các ảnh hưởng bên ngoài</i> <i>7.2.2. Nghiên cứu đánh giá các ảnh hưởng bên trong</i>	1			1	2	
7.3. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động CRM <i>7.3.1. Đánh giá hiệu quả của hệ thống CRM</i> <i>7.3.2. Đánh giá CRM về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</i> <i>7.3.3. Đánh giá hệ thống CRM về mặt công nghệ</i> <i>7.3.4. Đánh giá CRM với marketing và bán hàng</i> <i>7.3.5. Dự báo về thị trường và khách hàng</i>	2	0,5		2,5	5	
7.4. Điều chỉnh chiến lược và hoạt động CRM <i>7.4.1. Cân nhắc việc thay đổi chiến lược</i> <i>7.4.2. Các bước đưa ra quyết định điều chỉnh chiến lược</i> <i>7.4.3 Những nội dung công việc cần làm</i>	1	0,5		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.4.4 Những điều cần ghi nhớ						
Kiểm tra				1	2	
Cộng	31	12	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1295 /QĐ - TĐHHN ngày 13 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị thương hiệu**
Tiếng Anh: **Brand management**
- Mã học phần: **KTQU2550**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Quản trị khách sạn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị thương hiệu, các chiến lược định vị thương hiệu trên thị trường. Nhận diện hệ thống nhận diện thương hiệu của doanh nghiệp đồng thời lựa chọn các công cụ truyền thông thương hiệu. Từ đó đánh giá và phân tích để quản lý một cách có hiệu quả thương hiệu của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt.

- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị thương hiệu, các chức năng của quản trị thương hiệu, các kỹ năng quản trị thương hiệu mà nhà quản trị cần phải có. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị thương hiệu; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị thương hiệu, các bước định vị thương hiệu, các chiến lược định vị thương hiệu, hệ thống nhận diện thương hiệu, các phương tiện trong truyền thông thương hiệu, các thủ tục pháp lý cũng như các biện pháp bảo vệ thương hiệu của doanh nghiệp và quản lý thương hiệu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Văn Quang (2018), *Quản trị thương hiệu lý thuyết và thực tiễn*, NXB Lao động - Xã hội.
2. Phạm Thị Lan Hương (2014), *Giáo trình Quản trị thương hiệu*, NXB Tài chính.
3. Trương Đình Chiến (2011), *Quản trị Marketing*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2014), *Quản trị Marketing*, NXB Tài Chính
2. Trương Đình Chiến (2007), *Quản trị thương hiệu hàng hóa*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
3. Charlie Pownall (2016), *Quản trị thương hiệu trực tuyến*, NXB Thế giới.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU	6			6	12	Đọc TLC (1) chương 1, TLC (2) chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Khái niệm, vai trò và các chức năng của thương hiệu. 1.1.1. Khái niệm, vai trò của thương hiệu 1.1.2. Các chức năng của thương hiệu.	1			1	2	
1.2 Quản trị thương hiệu 1.2.1 Tiếp cận và các giai đoạn phát triển của quản trị thương hiệu 1.2.2 Quy trình của quản trị thương hiệu 1.2.3 Các nội dung chủ yếu của quản trị thương hiệu	2			2	4	
1.3. Nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về vai trò của thương hiệu 1.3.1. Xây dựng thương hiệu không chỉ là quảng bá	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.2. Môi trường cạnh tranh và sự thay đổi nhận thức về thương hiệu						
1.4. Kinh nghiệm xây dựng thương hiệu của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam	1			1	2	
Chương 2. ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU	5	1		6	12	Đọc TLC (1) chương 4. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Những yêu cầu cần thiết để định vị thương hiệu 2.1.1. Định vị phải dựa vào lợi thế khách hàng và lợi thế công ty 2.1.2. Định vị phải xác định vị trí so với đối thủ cạnh tranh	1			1	2	
2.2. Các bước định vị thương hiệu 2.2.1. Xác định môi trường cạnh tranh 2.2.2. Xác định khách hàng mục tiêu 2.2.3. Kết hợp phân khúc để chọn thị trường mục tiêu 2.2.4. Đánh giá khách hàng mục tiêu	2			2	4	
2.3. Các chiến lược định vị thương hiệu 2.3.1. Chiến lược định vị dựa vào đặc điểm và thuộc tính 2.3.2. Chiến lược định vị dựa vào lợi ích của sản phẩm 2.3.3. Chiến lược định vị dựa vào cạnh tranh 2.3.4. Chiến lược định vị dựa vào khách hàng mục tiêu 2.3.5. Các chiến lược định vị khác.	2	1		3	6	
Chương 3. HỆ THỐNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU	6	1		7	14	Đọc TLC (1) chương 7. TLC 2 chương 3; Chuẩn
3.1. Khái niệm vai trò của hệ thống nhận diện thương hiệu	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Phân loại hệ thống nhận diện thương hiệu 3.1.3. Vai trò của hệ thống nhận diện thương hiệu đối với sự phát triển của thương hiệu						bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Cấu trúc hệ thống nhận diện thương hiệu. 3.2.1. Thương hiệu thể hiện qua sản phẩm 3.2.2. Thương hiệu thể hiện qua tổ chức 3.2.3. Thương hiệu thể hiện qua con người 3.2.4. Thương hiệu thể hiện qua biểu tượng.	2			2	4	
3.3. Ứng dụng của hệ thống nhận diện thương hiệu 3.3.1. Kết nối hệ thống nhận diện với khách hàng 3.3.2. Phối hợp thiết kế và khả năng ứng dụng nhận diện thương hiệu 3.3.3. Truyền tải nhận diện thương hiệu vào các phòng ban doanh nghiệp.	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. BẢO VỆ THƯƠNG HIỆU	6	2		8	16	Đọc TLC (2) chương 4 ; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Xác lập quyền bảo hộ đối với các thành tố thương hiệu 4.1.1. Quy định pháp luật quốc tế và Việt Nam về quyền bảo hộ đối với thành tố thương hiệu 4.1.2. Quy trình thủ tục xác lập quyền đối với các thành tố thương hiệu	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hiệu 4.1.3. Một số lưu ý và kỹ năng hoàn thành thủ tục xác lập quyền bảo hộ						
4.2. Các biện pháp tự bảo vệ thương hiệu của doanh nghiệp 4.2.1. Các tình huống xâm phạm thương hiệu 4.2.2. Các biện pháp chống xâm phạm thương hiệu 4.2.3. Hoạt động quan hệ với giới truyền thông 4.2.4. Các biện pháp chống sa sút thương hiệu	2	1		3	6	
4.3. Tranh chấp thương hiệu và xử lý tình huống tranh caaps thương hiệu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các hình thức và nội dung tranh chấp thương hiệu 4.3.3.Nguyên tắc chung trong xử lý các tình huống tranh chấp 4.3.4. Kỹ năng phân tích tình huống và xử lý tranh chấp thương hiệu	2	1		3	6	
Chương 5. TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU	7	2		9	18	
5.1Khái quát về truyền thông thương hiệu 5.1.1. Khái niệm , vai trò của truyền thông thương hiệu 5.1.2.Yêu cầu và nguyên tắc cơ bản trong truyền thông thương hiệu	1			1	2	
5.2. Lựa chọn các phương tiện truyền thông thương hiệu 5.2.1. Quảng cáo 5.2.2. Quan hệ công chúng 5.2.3. Các hoạt động xúc tiến bán	2	1		3	6	Đọc TLC (1). Chương 9; TLC (2) chương 5, TLC 3 chương 5,6,7,8; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hàng. 5.2.4. Các hình thức bán hàng cá nhân. 5.2.5. Các công cụ truyền thông khác						
5.3. Quy trình truyền thông thương hiệu 5.3.1. Mô hình truyền thông căn bản và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả truyền thông thương hiệu 5.3.2. Xác định mục tiêu, ý tưởng, thông điệp truyền thông 5.3.3. Tiến hành truyền thông qua các công cụ 5.3.4. Đánh giá kết quả	2	1		3	6	
5.4. Các xu hướng truyền thông thương hiệu. 5.4.1. Xu hướng truyền thông truyền thống và truyền thông trực tuyến 5.4.2. Những lợi thế của marketing trực tuyến.	2	1		3	6	
Chương 6. QUẢN LÝ THƯƠNG HIỆU	6	1		7	14	
6.1. Quản lý thương hiệu trong nội bộ doanh nghiệp 6.1.1. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp 6.1.2. Tổ chức truyền thông thương hiệu cho nhân viên 6.1.3. Trao quyền cho nhân viên 6.1.4. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên thương hiệu	1			1	2	Đọc TLC (1). Chương 11; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Điều chỉnh đổi mới và mở rộng thương hiệu 6.2.1. Điều chỉnh các chương trình	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
truyền thông marketing 6.2.2. Tái tạo thương hiệu 6.2.3. Thâm nhập vào thị trường mới 6.2.3. Mở rộng thị trường xuất khẩu						
6.3. Quản lý quan hệ khách hàng 6.3.1. Quản lý sự trung thành của khách hàng 6.3.2. Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng	2	1		3	6	
6.4. Quản lý rủi ro thương hiệu 6.4.1. Xác lập kế hoạch đối phó khi có rủi ro 6.4.2. Thiết lập rào cản chống xâm phạm thương hiệu.	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành, đảm bảo đủ theo danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác đào tạo của ngành Quản trị khách sạn.

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng học	154	13.854	Máy chiếu	104	Tất cả các môn	13.854
				Màn chiếu	107		
				Bảng chống loá	154		
				Bàn giáo viên	154		
				Bàn học sinh	3.650		

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
2	Phòng máy 702	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ			học	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
3	Phòng máy 703	1	103	Máy vi tính DELL	47	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
4	Phòng máy 704	1	103	Máy vi tính DELL	66	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
5	Phòng	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các	103

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
	máy 705			Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016	môn tin học	
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
6	Phòng máy 706	1	103	Máy vi tính DELL	40	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
7	Phòng máy 708	1	103	Máy vi tính DELL	49	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
8	Phòng máy 710	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
9	Phòng máy 806	1	103	Máy vi tính DELL	39	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng Sony	1	2016		
10	Phòng máy 808	1	103	Máy vi tính DELL	48	2016	Các môn tin học	103
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1	2016		
				Máy chiếu đa năng	1	2016		

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				
				Tên thiết bị	SL	Năm đưa vào sử dụng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
				Sony				
11	Phòng máy 810	1	103	Máy vi tính DELL	50	2016	Các môn tin học	103

c. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản trị khách sạn

STT	TÊN MÔN HỌC	TÀI LIỆU CHÍNH
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, (tháng 8/2019), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị) - Tài liệu dùng tập huấn giảng dạy năm 2019.
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , tài liệu phục vụ tập huấn giảng dạy tháng 8 –

		2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.
4	<i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	- <i>Đề cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> ; - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Sử dụng trong các trường đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn hè 2019, Hà Nội.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , tài liệu phục vụ tập huấn tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị.
6	Kỹ năng mềm	1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh. 2. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> , NXB Thời đại. 3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân.
7	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015, <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận về Nhà nước và Pháp luật</i> ; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội 3. Vũ Quang (2015), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i> , NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
8	Tiếng Anh 1	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
9	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre- Intermediate)
10	Tiếng Anh 3	Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), <i>New cutting Edge (Pre- Intermediate)</i> , Pearson Longman
11	Toán cao cấp	1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, <i>Toán học cao cấp (Tập</i>

		1,2,3), Nhà xuất bản Giáo Dục. 2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, Bài tập Toán cao cấp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
12	<i>Tin học đại cương</i>	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. 2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i>, Nhà xuất bản Thanh niên. 3. Phạm Quang Hiến (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.
13	Kinh tế vi mô	1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>GT Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng. 2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội. 3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. 4. Nguyễn Văn Dân (2011), <i>Kinh tế vi mô 1</i>, NXB Tài chính. 5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 6. Đinh Phi Hổ (2013), <i>Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao</i>, NXB Tài chính.
14	Kinh tế vĩ mô	1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), <i>GT Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Giáo dục 3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
15	Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính. 2. Nguyễn Thế Chinh (2011), <i>Kinh tế và Quản lý môi</i>

		trường, Nhà xuất bản Thống kê. 3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Trần Thị Kim Thu, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân (2014), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân 3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i>, NXB Hồng Đức
17	Nguyên lý kế toán	1. Nguyễn Hoàn (2018) <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội.
18	Quản trị học	1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật. 2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.
19	Marketing căn bản	1. Trần Minh Đạo (2012), <i>Marketing căn bản</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
20	Tài chính – Tiền tệ	1. Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính. 2. Lê Thị Mận (2014), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội. 3. Nguyễn Hữu Tài (2012), <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
21	Tổng quan khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 2. Trịnh Xuân Dũng (2014), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
22	Quản trị kinh doanh khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về</i>

		<i>kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i>, NXB Lao động-Xã hội. 3. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2011), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội.
23	Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Huỳnh Văn Hải (2015), <i>giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn</i>, NXB giáo dục Việt Nam. 3. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản lý bar và thức uống</i>, NXB giáo dục Việt Nam.
24	Quản trị lễ tân khách sạn	1. Phạm Thị Cúc (2005), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân</i>, NXB Hà Nội. 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
25	Quản trị lễ tân khách sạn (TA)	1. Pham Thi Cuc (2005), <i>Front office theory</i>, Ha Noi Publisher. 2. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), <i>Hotel business management</i>, National Economics University Publisher. 3. Nguyen Van Dinh, Hoang Thi Lan Huong (2007), <i>Technology services in hotel and restaurant</i>, National Economics University Publisher.
26	Quản trị buồng khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Huỳnh Văn Hải (2015), <i>giáo trình nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn</i>, NXB giáo dục Việt Nam.
27	Quản trị buồng khách sạn (TA)	1. Nguyen Van Manh, Hoang Thi Lan Huong (2013), <i>Curriculum of Hotel Business Management</i>, National

		Economics University Press. 2. Huynh Van Hai (2015), professional curriculum serving hotel rooms, Vietnam Education Publishing House.
28	Quản trị nhà hàng và quầy bar	1. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản lý bar và thức uống</i>, NXB giáo dục Việt Nam. 2. Nguyễn Quyết Thắng (2014), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn : từ lý thuyết đến thực tiễn</i>, NXB Tài chính.
29	Quản trị lưu trú	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Hương Lan (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Lao động Xã hội. 2. Nguyễn Văn Đỉnh, Hoàng Thị Lan Hương (2009), <i>Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Lưu Trọng Tuấn (2014), <i>Giáo trình quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn</i>, XNB Lao động – Xã hội
30	Quản trị sự kiện	1. Lưu Văn Nghiênm (2012), <i>Tổ chức sự kiện</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2013), <i>Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội</i>, NXB Hà Nội. 3. TS. Thái Trí Dũng (2012), <i>Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh</i>, NXB Lao động – Xã hội.
31	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	1. Lưu Trọng Tuấn (2014), <i>Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn</i>, NXB Lao động 2. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), <i>Giáo trình quản trị nhân lực căn bản</i>, NXB Thống kê. 3. Trần Kim Dung (2015), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i>, NXB Tổng hợp TPHCM.
32	Quản trị chiến lược trong khách sạn	1. Ngô Kim Thanh (2018), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

33	Quản trị tài chính trong khách sạn	1. PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính. 3. GS. TS Phạm Quang Trung (2012), <i>Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
34	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	1. Đặng Ngọc Sự, Nguyễn Đình Phan (2012), <i>Giáo trình Quản trị chất lượng</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân. 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân 3. Đỗ Thị Ngọc (2015), <i>Quản trị chất lượng</i>, NXB Thống kê.
35	Thương mại điện tử	1. Trần Văn Hòe (2008), <i>Giáo trình thương mại điện tử căn bản</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Minh (2011), <i>Giáo trình thương mại điện tử căn bản</i>, NXB Thống kê. 3. Nguyễn Văn Hồng (2011), <i>Giáo trình thương mại điện tử căn bản</i>, NXB Hồng Đức
36	Hệ thống thông tin quản lý khách sạn	1. Trần Thị Song Minh (2012), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Mạnh (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
37	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Tổng cục du lịch (2015), <i>VTOS – Nghiệp vụ an ninh khách sạn</i>. 3. Nguyễn Thanh Bình (2013), <i>Giáo trình bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn trong nhà hàng</i>, NXB Hà Nội.
38	Quản trị trang thiết bị khách sạn	1. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản lý bar và thức uống</i>, NXB giáo dục Việt Nam.

		2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
39	Marketing khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2015), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân. 2. Nguyễn Hoàn (2014), <i>Giáo trình marketing căn bản</i> , ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
40	Tâm lý khách hàng du lịch	1. Phan Thị Dung (2010), <i>Tâm lý du khách</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Trần Thị Thu Hà (2005), <i>Giáo trình tâm lý học kinh doanh du lịch</i> , NXB Hà Nội 3. Thái Trí Dũng (2012), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> , NXB Lao động – Xã hội.
41	Văn hóa ẩm thực	1. Nguyễn Thị Bầy, Trần Quốc Vượng (2010), <i>Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn</i> , NXB Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa. 2. Nguyễn Thị Diệu Thảo (2014), <i>Ẩm thực Việt Nam và thế giới</i> , NXB Phụ nữ. 3. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
42	Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn	1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Giáo trình văn hóa kinh doanh</i> , Nxb Đại học kinh tế quốc dân.
43	Kế toán tài chính	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính. 2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Tài chính 3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i> , NXB lao động – xã hội.
44	Kỹ năng phát triển	1. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng quản lý thời gian</i> ,

	ngành khách sạn	NXB Thời đại. 2. PGS.TS Ngô Kim Thanh, TS. Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
45	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	1. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng (resort): Lý luận và thực tiễn</i>, NXB Phương Đông. 2. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2015), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội.
46	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 1	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Phạm Thị Cúc (2005), <i>Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân</i>, NXB Hà Nội 3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân
47	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 2	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Huỳnh Văn Hải (2015), <i>Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. 3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân
48	Thực tập nghiệp vụ khách sạn phần 3	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản lý bar và thức uống</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. 3. Nguyễn Văn Đính, Hoàng Thị Lan Hương (2007),

		<i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân
49	Thực tập tốt nghiệp	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 2. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i>, Trường đại học Thương Mại. 3. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 4. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 5. Lưu Trọng Tuấn (2014), <i>Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn</i>, NXB Lao động.
50	Khóa luận tốt nghiệp	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 2. Phạm Xuân Hậu (2011), <i>Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch</i>, Trường đại học Thương Mại. 3. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 4. Nguyễn Văn Mạnh (2011), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 5. Lưu Trọng Tuấn (2014), <i>Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn</i>, NXB Lao động.
51	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật. 2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính. 3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
52	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	1. Trần Ngọc Thêm (1996), <i>Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam</i>, NXB TP.HCM. 2. Phan Kế Bính (2006), <i>Việt Nam phong tục</i>, NXB Văn học 3. Phan Ngọc (1998), <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i>, NXB

		Văn hóa thông tin.
53	Lịch sử văn minh thế giới	1. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), <i>Lịch sử thế giới cận đại</i>, NXB Giáo dục. 2. Nguyễn Anh Thái (2006), <i>Lịch sử thế giới hiện đại</i>, NXB Giáo dục. 3. Vũ Dương Ninh (2003), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, NXB Giáo dục Hà Nội.
54	Lịch sử Việt Nam đại cương	1. Trương Hữu Quýnh (1997), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i>, NXB Giáo dục. 2. Đinh Xuân Lâm (2000), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập</i>, NXB Giáo dục. 3. Lê Mậu Hãn (2006), <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.
55	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (2011), <i>Cơ sở Văn hóa Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Giáo dục
56	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	1. Nguyễn Vũ Hà, Đoàn Mạnh Cường (2012), <i>Giáo trình Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
57	Quản trị thực phẩm và đồ uống	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Bộ văn hóa thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản trị chế biến món ăn</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. 3. Bộ văn hóa, thể thao và du lịch (2015), <i>Giáo trình quản lý bar và thức uống</i>, NXB giáo dục Việt Nam.
58	Quản lý nhà nước về du lịch	1. Trần Ngọc Nam, Hoàng Anh (2009), <i>Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị du lịch và quy định pháp luật mới về kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách khoa – Hà Nội. 3. Trần Thị Mai (2008), <i>Giáo trình tổng quan du lịch</i>,

		NXB Lao động – Xã hội.
59	Quản trị dự án khách sạn	6. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 7. Từ Quang Phương (2011), <i>Quản lý dự án đầu tư</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
60	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí trong khách sạn	1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), <i>Quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Sơn Hồng Đức (2012), <i>Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng lý luận và thực tiễn</i> , NXB Phương Đông 3. Nguyễn Văn Đỉnh (2007), <i>Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
61	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	Nguyễn Thị Ngọc Thúy (2015), <i>giáo trình tiếng anh chuyên ngành quản trị khách sạn</i> , NXB giáo dục Việt Nam.
62	Quản trị chiến lược	1. Ngô Kim Thanh (2011), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Fredr. David (2012), <i>Khái luận về Quản trị chiến lược</i> , NXB thống kê. 3. Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011), <i>Quản trị chiến lược bài tập và nghiên cứu tình huống</i> , NXB Phương Đông.
63	Quan hệ công chúng	1. Nguyễn Đình Toàn (2017), <i>Bài giảng Quan hệ công chúng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Lưu Văn Nghiêm (2012), <i>Quan hệ công chúng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), <i>Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội</i> , NXB Lao động xã hội.
64	Quản trị quan hệ khách hàng	1. Lưu Đan Thọ, Lượng Văn Quốc (2016), <i>Quản trị quan hệ khách hàng</i> , NXB Tài chính. 2. Lưu Đan Thọ, Lượng Văn Quốc (2016), <i>Marketing mối quan hệ và Quản trị quan hệ khách hàng</i> , NXB Tài chính.
65	Quản trị thương hiệu	1. Bùi Văn Quang (2018), <i>Quản trị thương hiệu lý</i>

		thuyết và thực tiễn, NXB Lao động - Xã hội. 2. Phạm Thị Lan Hương (2014), <i>Giáo trình Quản trị thương hiệu</i>, NXB Tài chính. 3. Trương Đình Chiến (2011), <i>Quản trị Marketing</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Minh Nguyệt, 1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị nhân lực	1. Kỹ năng phát triển nghề khách sạn 2. Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn
2	Hoàng Đình Hương, 1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	1. Hệ thống thông tin quản lý khách sạn 2. Thương mại điện tử
3	Nguyễn Gia Thọ, 1988		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý Kinh tế	1. Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn
4	Tổng Thị Thu Hòa, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	1. Quản trị trang thiết bị khách sạn
5	Đặng Thị Hiền, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	1. Kinh tế tài nguyên và môi trường
6	Nguyễn Thị Hiền, 1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	1. Quản trị buồng khách sạn 2. Quản trị nhà hàng và quầy bar
7	Phan Thị Yến, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế	1. Quản trị lưu trú 2. Quản trị sự kiện
8	Nguyễn Khánh Ly, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	1. Quản trị tài chính trong khách sạn
9	Trần Văn Hải, 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Tài chính	1. Marketing khách sạn

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
				ngân hàng	
10	Nguyễn Kiều Hoa, 1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kế toán	1. Nguyên lý kế toán 2. Kế toán tài chính
11	Lê Văn Viễn, 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	1. Quản trị lưu trú 2. Quản trị sự kiện
12	Đỗ Thị Phương, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	1. Tổng quan khách sạn 2. Quản trị kinh doanh khách sạn
13	Vũ Thị Thảo, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị nhân lực	1. Tâm lý khách hàng du lịch 2. Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn
14	Ngô Thị Duyên, 1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Thương mại	1. Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú 2. Quản trị lễ tân khách sạn
15	Nguyễn Thị Thu Hường, 1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị thực phẩm và đồ uống
16	Nguyễn Minh Tuấn, 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế	1. Quản trị dự án khách sạn 2. Quản trị nhà hàng và quầy bar
17	Nguyễn Danh Nam, 1990		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	1. Quản lý nhà nước về du lịch 2. Tiếng anh chuyên ngành khách sạn
18	Lê Văn Viễn, 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	1. Quản trị lưu trú 2. Quản trị sự kiện
19	Trần Trung Dũng, 1992		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị chiến lược trong khách sạn 2. Quản trị chất lượng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
					dịch vụ khách sạn
20	Nguyễn Thị Thủy, 1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	1. Marketing căn bản
21	Vũ Thúy Hà, 1983		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	1. Thương mại điện tử 2. Quản trị trang thiết bị khách sạn
22	Hồ Thị Lý, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị dịch vụ khách sạn, nhà hàng 2. Quản trị lễ tân khách sạn
23	Nguyễn Thị Thanh Mai, 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	1. Văn hóa ẩm thực 2. Kỹ năng phát triển nghề khách sạn
24	Bùi Thị Thu, 1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng (resort) 2. Tâm lý khách hàng du lịch

4.7.Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực

bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.
